

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ THI CA

QUYÊN DI □ VÕ ĐÌNH □ THAI TU
HẠP □ LÊ THỊ HIỀN □ LUÂN HOÀN
□ NGUYỄN ĐỨC LẬP □ HOANG
LIÊN □ CHU VƯƠNG MIỆN □
□ VÔ NGÃ □ NGUYỄN ĐỨC BẠT
NGÂN □ HUỲNH LIỄU NGẠN □
ĐÌNH NGUYÊN □ NGUYỄN TẮT
NHIÊN □ THANH NHUNG □ BUI
VĨNH PHÚC □ HOÀNG XUÂN SƠN
□ NGUYỄN BAN SƠ □ ĐỖ QUÍ TOÀN
NGUYỄN BÁ TRẠC □ NGUYỄN
MAI THẠCH □ LÊ GIANG TRẦN
KIỆT TẤN □ NHẬT TIẾN □ CUNG
VŨ □ NGU YÊN □

số 1 tháng 2.1986

NỘI DUNG VĂN HỌC SỐ 1

ĐẶC BIỆT VỀ THI CA

NHẬN ĐỊNH

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC	1	Thư gửi bạn đọc
BÙI VINH PHÚC	3	Đi vào cõi thơ
ĐỖ QUÍ TOÀN	7	Nói chuyện thơ
NGUYỄN BÁ TRẠC	15	Tình hoang mang gọi tứ hoang mang
QUYÊN DI	18	Thiên nga phi mình và và cô nhận xuất quần
BÙI VINH PHÚC	24	Thơ, hình như trái tim
VÕ ĐÌNH	58	Trường hợp ông Kim

THƠ

ĐÌNH NGUYỄN	64	Trăm năm chợt nhớ...
NGUYỄN MAI THẠCH	66	Cùng chung chiến tuyến...
HOÀNG XUÂN SƠN	68	Mùa đông ...
LUÂN HOÀN	70	Hạnh phúc ta
VÔ NGÃ	71	Tiểu muội lớn rồi...
NGUYỄN ĐỨC LẬP	72	Ngựa Đông phương...
THÁI TỬ HẠP	75	Cảm khái Đường thi
CHU VƯƠNG MIỆN	76	Tương lai...
LÊ THỊ HIỀN	78	Mời ...
THANH NHUNG	80	Lên đường
CUNG VŨ	81	Giang hồ vật
NGUYỄN YÊN	82	Đi về đâu hồi kẻ mù
NGUYỄN BAN SƠ	84	Ngủ say từ độ mây bay
HUỲNH LIÊU NGẠN	86	Viễn mộng
NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÂN	87	Phương tây...
LÊ GIANG TRẦN	88	Dù em như sao khuất

TRƯỜNG CA

KIỆT TẤN	91	Đoản khúc cho linh say rượu
NGUYỄN TẮT NHIÊN	94	Cũng cần cho hạnh phúc

TRUYỆN

NHẬT TIẾN	98	Cánh cửa
HOÀNG LIÊN	110	Ánh sáng và bóng tối (kỳ 4)

HỢP THU

BAN TRỊ SỰ	116	Thư
TÒA SOẠN	117	Hộp thư tòa soạn

Thư của Chủ-Nhiệm Văn-Học Nghệ-Thuật. Cùng các văn-hữu và độc-giả

Thưa quý vị,

Khi quyết định tục bản tờ *Văn-Học Nghệ-Thuật* tôi mong có thể cùng nhau tham dự một sinh hoạt văn nghệ lâu dài với quý vị. Không ngờ ngay sau khi báo ra được một số thì tôi lâm bệnh nặng. Sau cuộc giải phẫu tim, tôi đã cố gắng tiếp tục. Tuy nhiên qua một thời gian hơn nửa năm, sức khỏe không hồi phục mà lại thêm suy đồi, tôi nhận thấy mình không còn điều kiện để làm chu tất công việc khó khăn hiện nay và đành phụ lòng quý vị một lần nữa.

Thật là một bất hạnh cho riêng tôi, và một lỗi lớn không tha thứ được tôi đã phạm đối với quý vị. Bất hạnh vì trong tám tháng tôi nhận được sự ủng hộ đầy nhiệt tình của văn giới và độc giả, thế mà rốt cuộc đành để mất cơ hội vô cùng quý báu. Tội lỗi không tha thứ được, là vì tái phạm hơn một lần. Vì vậy, lần này tôi chỉ xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và khẩn khoản tạ lỗi cùng toàn thể quý vị mà không dám cầu mong được tha thứ.

**Chủ-Nhiệm
Vô Phiến**

*
* *

Thư của Ban Chủ-Biên Tạp-Chí Văn-Học

Kính gửi quý văn-hữu và bạn đọc,

Do điều kiện sức khỏe không cho phép, nhà văn Vô Phiến đã không thể tiếp tục đứng chủ trương tạp chí *Văn Học Nghệ-Thuật* như đã mong mỗi từ ban đầu.

Do đó, một lần nữa, *Văn-Học Nghệ-Thuật* đành phải đình bản, phụ lòng ưu ái và mong mỏi của quý văn hữu và bạn đọc.

Tuy nhiên, một diễn đàn văn-học nghệ-thuật với chủ trương như nhà văn Vô Phiến đã vạch ra, nhằm:

- Giới thiệu những bài khảo cứu văn-hóa Việt Nam mới nhất của giới học giả tại hải ngoại.
- Giới thiệu các nền văn chương lưu vong chống cộng của các dân tộc khác trên thế giới.
- Phân tích phê bình loại văn chương tuyên truyền của cộng sản

Văn Học 2

Việt Nam hiện nay.

- * Theo dõi các biến cố văn nghệ quan trọng trên thế giới.
 - * Điểm sách và phê bình các tác phẩm văn nghệ Việt Nam tại hải ngoại.
 - * Giới thiệu một số truyện ngắn, thơ, tùy bút... thật chọn lọc do các văn-hữu hải-ngoại vừa sáng tác.
- vẫn hết sức cần thiết cho sinh hoạt văn nghệ tại hải ngoại.

Cho nên những người cầm bút lâu nay trực tiếp thực hiện tờ VHNT cũng như đóng góp thường xuyên bài vở trong tinh thần chủ trương nhà văn Võ Phiến nêu ra, trước khó khăn về tài chánh và điều hành, vẫn cố gắng hết sức duy trì tạp chí này. Nhất là nhà văn Nguyễn-Mộng-Giác, người chịu trách nhiệm điều hành của Văn-Học Nghệ-Thuật, vẫn sẵn sàng tiếp tục việc điều hành chung cho một đàn cần thiết để thực hiện các chủ trương trên.

Vì vậy, sau số *Văn-Học Nghệ-Thuật Tể Bình Dân* (tức số 8 và 9 của VHNT bộ mới, thuộc tháng 12/85 và tháng 1/86) tạp chí *Văn-Học* số đặc biệt về thi ca sẽ phát hành vào đầu tháng 2/86, để lãnh nhận trách nhiệm đáp lại kỳ vọng của quý văn-hữu và bạn đọc Văn-Học Nghệ-thuật.

Văn Học tiếp tục thay *Văn-Học Nghệ-Thuật* chịu trách nhiệm gửi tiếp báo dài hạn cho quý độc giả, nối tiếp các quan hệ với các đại lý sách báo, thân chủ quảng cáo, cũng như chịu trách nhiệm về các nợ nần trong mối giao dịch xưa nay. Với sự tiếp sức đồng đảo hơn của nhiều người cầm bút uy tín, *Văn-Học* tin tưởng rằng nhóm chủ biên vẫn thực hiện được các chủ trương do nhà văn Võ Phiến vạch ra, đồng thời đón nhận thêm các bài khảo cứu, sáng tác giá trị của người cầm bút hải ngoại, nhất là giới trẻ.

Nhóm chủ biên Văn-Học :

Phạm-Quốc-Bảo, Quyền-Dì, Võ Đình, Nguyễn-Mộng-Giác, Nguyễn-Đức-Lập, Đinh Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn-Tất-Nhiên, Hoàng-Khởi-Phong, Bùi-Vĩnh-Phúc, Vũ-Huy-Quang, Nhật-Tiến, Nguyễn-Bá-Trạc, Kiệt Tấn, Hồ Trường An,
Phụ trách bài vở và điều hành chung: *Nguyễn-Mộng-Giác*.
Phụ trách trị sự: *Võ-Thắng-Tiến*.

Địa chỉ toà soạn: 10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 (USA)

Điện-thoại: (714) 838-8432

Vì Giám-Đốc của Văn-Học Nghệ-Thuật lẫn Văn-Học đều là nhà thơ Hoàng Khởi Phong, nên vấn đề tiền bạc không gặp trở ngại gì. Tuy nhiên, kể từ tháng 2/86, xin quý độc-giả gửi thư và chi-phiếu xin đề tên Văn-Học, thay vì Văn-Học Nghệ-Thuật như trước.

Bùi Vĩnh Phúc

Đi vào thế giới thơ...

Thơ là gì ?

Đây là một câu hỏi không những có tính mỹ học mà còn có tính triết lý nữa.

Mỹ học. Bởi lẽ khi nói đến thơ, người ta thường nghĩ đến một cái gì đã được làm cho toàn bích, có khi được siêu-việt-hóa. Thơ, người ta thường nghĩ, phản ánh cái đẹp — có khi là đẹp buồn — trong cuộc sống và trong tâm trí con người. Đối tượng của thơ cũng là đối tượng của hiện hữu thường thái có tính chất vật lý này, nhưng cái đối tượng ấy đã được người thi sĩ đưa vào trong vũ trụ riêng của hân ta. Sự kết hợp này khiến cho cái đối tượng ban đầu kia mất đi cái tính cách ngoại giới của nó mà trở nên một với chính con người thi sĩ.

Sự hòa nhập ấy còn cho thấy khía cạnh triết lý của Thơ.

Đọc một bài thơ, ta không nhìn thấy con người thi sĩ và bài thơ của hân như một chủ thể và một đối vật riêng rẽ, nhưng thơ đã là người và người đã là thơ. Khi thơ và người còn là hai thì thơ chưa hân đã là thơ và thi sĩ chưa hân là thi sĩ. Trong khía cạnh triết lý, nếu cuộc đời chỉ là cuộc đời với tôi trong cái ý nghĩa mà tôi đã cho nó, thì thơ cũng chỉ là thơ với tôi trong vũ trụ mà tôi đã tạo ra.

Đọc một bài thơ, người ta có thể nhận thấy là thi sĩ có rung cảm và có thành thực hay không. Sự rung cảm và thành thực của người thơ làm cho bài thơ có một vũ trụ thật. Và chính cái vũ trụ đó sẽ làm hiển lộ người thơ, cho tha nhân thấy rõ chân diện mục của hân.

Trong tác phẩm *Republic*, Socrates đã giải thích bản chất thực của Thơ bằng cách so sánh Thơ như là một tấm gương quay. Trong tấm gương quay vòng đó, trời đất, trăng sao, hoa lá và con người hiện rõ với từng chi tiết nhỏ nhất. Đồng ý với Socrates, Platon còn nhấn mạnh hơn về bản chất của Thơ nói riêng và của nghệ thuật nói chung khi cho rằng Thơ và Nghệ thuật đã làm bật lên được sự liên hệ tương-duyên tương-khởi, tương-tức-tương-nhập của tất cả mọi vật trong vũ trụ này. Thơ như là một tấm gương, một mặt nước, một sóng lưới, phản chiếu và in hình mọi

vật, thiên nhiên hay nhân tạo, phát khởi từ những mẫu sơ hình đầu tiên, hoặc từ tư tưởng của con người. Tất cả những sự vật ấy, mô phỏng nhau, bắt chước nhau, và được phóng chiếu vào thế giới cảm quan của nhân loại.

Thật vậy, trong Thơ, chúng ta hay bắt gặp những hình tượng mới lạ, ẩn hiện qua sự so sánh hay suy diễn của thi sĩ. Những hình tượng này, như thể những miếng kính màu trong một ống kính van hoa, cứ nhân lên mãi và gần như đi đến một con số không có giới hạn. Vũ trụ của mỗi nhà thơ mỗi khác. Và thật sự ra, có thể nói mỗi bài thơ của một thi sĩ lại phơi mở ra một không gian khác lạ với những không gian mà thi sĩ đã từng tạo ra trước đó. Từ cái nhìn này, người ta chợt nhớ rằng những mẫu sơ hình đầu tiên trong đời sống con người, cho đến nay, đã được nhân lên gấp bội theo cung cách của những vũ trụ thơ.

Sau Platon, cái ý niệm Thơ nói riêng và Nghệ thuật nói chung được coi như một tấm gương soi chiếu sự vật tiếp tục được các lý thuyết gia về mỹ học thời Phục Hưng cổ vũ. Leonardo da Vinci, người họa sĩ tài hoa của giai đoạn này, cũng luôn luôn dùng hình ảnh tấm gương để nêu bật sự liên hệ của thiên nhiên với một bức tranh cũng như với tâm hồn của một nghệ sĩ. Ông nói, “Tâm hồn của một họa sĩ phải là một tấm gương soi luôn luôn chụp bắt được những sắc màu của sự vật mà nó phản chiếu. Nó phải là một tấm gương thu chiếu được tất cả những hình ảnh trình bày trước nó... Bạn không thể là một bậc thầy nếu bạn không có cái khả năng toàn hảo kia để ghi gọt lại trong tác phẩm của bạn tất cả những hình tượng muôn màu mà thiên nhiên đã tạo ra”.

Triết gia Plutarch thì chỉ nói vắn vắn, “Họa là Thơ cảm, và Thơ là một bức tranh cất tiếng”.

Bức-tranh-cất-tiếng ấy nói những gì?

Ngày xưa, có những quan điểm mỹ học cho rằng Thơ đã tách thoát khỏi hiện hữu thường thái ở chỗ nó đã chỉ phản chiếu một thiên nhiên đã được bày biện, sắp đặt lại để tạo nên một cái đẹp toàn bích. Hoặc là Thơ đã được gạn lọc, chiết sè để chỉ cho hé lộ ra cái phần cốt lõi, tinh túy nhất. Quả thực có như vậy. Đã có những thời —và ngay bây giờ vẫn có những người theo con đường đó— người ta tô son điểm phấn cho Thơ để chỉ mong nó đưa lại cho mình một cái đẹp toàn hảo, không tỳ vết.

Tuy nhiên, những quan điểm phê bình hiện đại đã cho rằng, mặc dù thi ca có thể là một cái gì lý tưởng, điều làm cho nó tách thoát khỏi những nhận thức bình thường hàng ngày, có tính cách thường nghiệm hay thực nghiệm của con người, không nằm ở chỗ đối tượng của thi ca được sắp xếp hay gạn lọc. Thi ca tách thoát khỏi những cái khả dụng, khả tri, khả lượng, khả chấp... chính vì

tất cả những sự vật, những hiện tượng bình thường trong nhiên giới và nhân giới, khi được thi sĩ chạm đến, đều được thăng hoa.

Chúng ta đừng gạn hỏi khi Cao Bá Quát đưa ra một nhận xét có vẻ trái với khoa học thực nghiệm khi so sánh sông Hương như một ngọn kiếm dựng giữa trời xanh :

Vạn chương như bốn nghìn lục điện

Trường giang như kiếm lập thiên thanh

(Ngàn núi ngựa chạy quanh ruộng thắm

Giòng sông guom, lấp lánh trời xanh

(Buổi sáng qua sông Hương, Tường-Vũ Anh Thy dịch)

Con sông Hương ở đây đã được thăng hoa để vụt biến thành ngọn kiếm dựng ngược kia.

Sự thăng hoa này phát khởi từ chính cái tình cảm và sự rung động mãnh liệt của nhà thơ. Sự rung động ấy tráng một lớp màu đặc biệt lên những sự vật bình thường và làm biến đổi nó trước mắt nhìn thường nghiệm và thực nghiệm của con người. Để soi sáng một bài thơ, con người không thể dùng ngọn lửa của ánh sáng bản năng hay lý trí. Họ phải đốt lên ngọn lửa của trực giác và nắm ngọn lửa ấy trong bàn tay mình không run rẩy.

Người ta không thể phân tích một bài thơ trong phòng thí nghiệm dưới ống kính hiển vi, như phân tích một tế bào động vật hay thực vật !

Sự rung cảm chân thực của một nhà thơ phóng chiếu thành một tia sáng chói lọi, đặc biệt là những tia màu, ở ngoài cấp độ nhận bắt của thị giác và tri giác của con người. Nó bao phủ bài thơ và trình bày tất cả những sự vật được soi chiếu qua làn sáng này dưới một cái nhìn có tính cách siêu nghiệm. Tất cả những sự vật bấy giờ được thăng hoa dưới tác dụng của những ánh sáng chói lọi muôn sắc kia, tạo nên bởi những tình cảm mãnh liệt và chân thực của thi sĩ.

Một triết gia đã nói, "*Thi ca thổi một sức sống và sự chuyển động kỳ lạ vào trong cái thế giới mà chúng ta đang có mặt*". Nếu vậy thì thi sĩ không phải chỉ là người mô phỏng và bắt chước những gì xảy ra trong nhiên giới và nhân giới, nhưng còn là một con người sáng tạo. Và thơ, có lẽ không hẳn chỉ là một tấm gương soi.

Cái ngữ-động-từ khá dài "*thổi một sức sống và sự chuyển động kỳ lạ vào trong cái thế giới mà chúng ta đang có mặt*" kia, một cách vô tình hay hữu ý, đã nói lên tính sáng tạo của thi sĩ, đồng thời, một cách xa gần và không minh nhiên, so sánh thi sĩ với Thượng Đế.

Từ "*sáng tạo*", như vẫn được dùng trong lãnh vực phê bình văn học, với dụng ý khen ngợi một tác phẩm, đã bay hết cái màu

sắc lông lánh ban đầu của nó để gần như trở nên một từ ngữ chết. Ít ai để ý nhận thức rằng chỉ mới chừng bốn thế kỷ trước đây, chính nó là một sáng tạo đẹp đẽ và đầy sức sống của các nhà phê bình, bởi lẽ, mặc dù có vẻ phạm thượng, riêng trong phạm vi văn chương, nó đã đưa ra một hình ảnh so sánh tuyệt vời với cái khả năng sáng tạo của thi sĩ với sự sáng tạo đẹp đẽ cao cả của Thượng Đế là cái vũ trụ này. Từ này cũng ngầm cho rằng khi sáng tác một bài thơ, thi sĩ đã được sự phù trợ và tiếp tay của Thượng Đế để “sáng tạo” ra một vũ trụ mới.

Cristoforo Landino, trong cuốn khảo luận “*Commentary on Dante*” (1481), đã viết, “Người Hy-Lạp nói “*poet*” (*Poeta*) từ động từ “*piin*” (sic), có nghĩa vừa là “sáng tạo” (creating), liên hệ đến việc Thượng Đế từ cõi không mà tạo tác ra mọi loài, mọi vật, vừa là “làm ra” (making), áp dụng cho con người trong những công trình của nó trong lãnh vực nghệ thuật. Sự tạo ra thi ca không phải từ chỗ không mà ra có; nhưng thi sĩ, khi làm việc này, đã khởi nguồn từ sự làm ra (making) và tiến rất gần đến sự sáng tạo (creating). *Thượng Đế là một thi sĩ vĩ đại cao cả nhất, và vũ trụ này chính là bài thơ của Ngài*”.

Cũng theo lối phân tích ngữ nguyên này, “thi sĩ”, tiếng Latin là *Vates*, một nhà tiên tri thấu thị, nhìn ngầm và chiêm nghiệm các tư tưởng siêu nhiên về vũ trụ, thế giới, cũng mang một ý nghĩa “sáng tạo”. Cái khả năng nhìn sâu và suốt vào những điều siêu nhiên kia kéo nhà tiên tri, hơn là những con người bình thường, tới gần cõi sáng tạo.

Ta tạm dừng những điều khơi mở ở đây, để nghe tiếng đời và tiếng thi sĩ đối đáp:

— Thi sĩ, người từ đâu đến, xin hãy tỏ lộ thế giới này ra trước mắt nhìn của chúng tôi để chúng tôi cũng được thấy và cũng được rung cảm như người.

— Các bạn ơi, tôi cũng là người ở giữa cái thế giới khổ đau và đẹp đẽ này. Tôi biết nói gì ngoài việc kể lại những tiếng sóng đang vỗ đập miên man trong lòng các bạn. Và tôi biết tỏ lộ gì ngoài những điều các bạn đang tỏ lộ với đời. Ngọn lửa vẫn cháy đỏ trong đêm, và tôi chỉ là người canh gác. Tôi biết nói với các bạn những gì ngoài việc kể lại ngoài kia gió thổi lúc thấp lúc cao, và tiếng keng cầm canh vẫn đang đều đều đổ nhịp.

Đỗ Quý Toàn **Nói chuyện thơ**

1

*T*hơ là một tên gọi khá mơ hồ. Có thể nói, hàm hồ. Mỗi thời đại người ta làm thơ một cách khác nhau. Mỗi người làm thơ có thể nghĩ đến chữ thơ một cách khác nhau. Người đọc thơ cũng vậy. Người làm thơ có thể không cần đặt câu hỏi “Thơ là gì” như mỗi chúng ta đều sống và không cần đặt câu hỏi “sống là gì”. Người đọc thơ, rung động với thi sĩ, cũng chẳng cần định nghĩa thơ, không cần phân tích rung cảm của mình. Chúng ta chỉ đặt câu hỏi “Thơ là gì?” Trong lúc chúng ta không làm thơ, hay lúc chúng ta vừa mới rung động với một bài thơ và tò mò muốn biết tại sao mình rung động.

Cái tên gọi thơ hàm hồ như thế nào, muốn biết chúng ta chỉ cần đọc một vài đoạn sau đây, mỗi đoạn trích từ một bài thơ của những thi sĩ đã được nhiều người hâm mộ. Tôi chép lại các đoạn này theo trí nhớ, nếu sai chỗ nào xin tác giả và bạn đọc chỉ cho. Xin đọc bất cứ một, hai đoạn nào, lựa chọn tình cờ:

*Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng mị
Giờ tắt thở nằm trên bãi hư vô
Bầy ngựa chứng hàng thù dương gió bão
Biển đưa trắng lặn vào đá tiếng ru.*

(Tô Thùy Yên)

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông
Nó lại lói ông đến giữa đồng
Cướp của, giết người, quân tặc nhĩ!
Xương già, da cóc, có đau không?*

(Nguyễn Khuyến)

*Dù ngày mai bầu trời ảm đục
Hay bầu trời trang điểm bằng mây*

Văn Học 8

*Anh sẽ chải tóc em bằng năm ngón tay
Trong những chiều gió thổi.*

(Nguyễn Sa)

*Yên giao nhất vọng, giai trần thổ
Thu nhật, thu phong mẫn quan lộ
Thị thượng ca thanh bất phục văn
Dịch thủy ba lưu tự kim cổ*

(Nguyễn Du)

*Con gái
Ngồi dài
Trên trái đất
Rời đi đâu mất.*

(Nguyễn Đức Sơn)

*Ngày ngày lái xe như thừng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan.*

(Cao Tần)

*Rời trời sớm chỉ còn sương trắng không nhìn thấy mặt nhau
Đau như thú dữ cháy rừng, chúng ta
Đập tan hình hài và thức giấc.*

(Thanh Tâm Tuyền)

*Tay cầm lá phiếu tự do
Phân vân không biết bầu cho người nào
Bầu cho, bầu cho người nào?*

(Không rõ tên)

Tôi tham lam nên chép quá nhiều đoạn, và còn muốn chép thêm nữa, chẳng hạn, tôi chợt nhớ đến :

*Ôi khoái lạc của những giờ trốn học
Những bình minh xuân đẹp, những chiều thu*

(Đinh Hùng)

*Trong vườn em tháng Giêng vừa nảy lộc
Con chim nào vừa hót dễ thương*

(Thái Tú Hạp)

*Đầu đường thì công an cuối đường thì kẻ cắp
Ở giữa đường mà sống cũng không xong*

(Chu Vương Miện)

Nếu bạn chỉ đọc vài ba đoạn thơ trên, chắc bạn cũng nhận thấy mỗi thi sĩ viết về một chuyện, nói bằng một cách khác nhau.

Nếu chép thêm chút thơ của Vũ Hoàng Chương, Trần Tế Xương, Quách Thoại, Hồ Xuân Hương, v.v... vào làm thí dụ, chúng ta sẽ càng thêm tò mò muốn biết có gì chung trong những câu thơ đó? Có người đọc xong sẽ bảo: viết như mấy đoạn của Nguyễn Đức Sơn, Thanh Tâm Tuyền đâu phải là thơ? Có người sẽ bảo mấy câu rủ nhau đi bầu đâu phải là thơ. Có người cho rằng viết như Nguyễn Sa, Chu Vương Miện thì dễ dàng quá, ai chả viết được cứ gì thi sĩ! Chuyện người đọc không đồng ý như vậy đã có từ lâu rồi, từ bao ngàn năm lặn, từ khi có tiếng nói, có tiếng Việt, và có người làm thơ. Nhưng óc tò mò khiến tôi tiếp tục tự hỏi: Vậy chữ thơ là gì? Tôi muốn chia sẻ một số ý kiến với các bạn, nhất là các bạn làm thơ và đọc thơ. Tôi không có ý định phê bình thơ, không có tham vọng chỉ cho các thi sĩ trẻ nghệ thuật làm thơ, cũng không có chủ tâm bênh vực một trường phái thơ nào. Tôi chỉ tự đặt câu hỏi: Thơ là cái gì? Trong khi suy nghĩ và tìm tòi tôi sẽ không khỏi để lộ ra các thiên kiến và sự hiểu biết hạn hẹp của mình; nhưng làm sao tránh được?

2

Thử kể một câu chuyện để các bạn coi “mấy cái này” có phải là thơ không.

Chị Hoa mới mở một quán phở.

Chị đặt tên là Chiêu Hiền Quán. Nói cái tên, để quý bạn thấy chị Hoa đã đọc biết bao tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết võ hiệp, lịch sử v.v... Chị Hoa biết tôi hồi xưa hay làm thơ, cho nên khi tôi đến thăm ngày khai trương, chị bảo: “Này ông thi sĩ, đừng có tặng chậu cây kiểng, ông phải cho tôi một bài thơ để treo cho nó văn nghệ!”. Mới đầu tôi tưởng chị nói đùa cho vui, không ngờ về sau mỗi lần tôi đến ăn phở chị lại nhắc: “Thơ đâu? Tôi còn để trống một góc tường để treo thơ ông đây này!” Hoặc năn nỉ: “Viết cho một bài đi mà, một bài ngắn ngắn ông viết một lúc thì xong chứ gì?” Chị nói làm tôi chột nhốt hồi ở Sài Gòn nghe Phạm Duy kể có lúc các vị trưởng ban nhạc đến thúc dục anh: “Viết cho một bài “tình cốm” đi anh!” Và, anh Duy nói nhỏ (xin các bạn đừng thuật lại với ai), có khi anh phải ngồi gặm một lúc một bài tình cốm cho yên thân. Chắc chị Hoa cũng nghĩ tôi có khả năng sản xuất thơ nhanh để phục vụ tốt mức sản xuất phở của chị. Khi hiểu rõ chị cố tình yêu thơ thật, và không muốn phụ một tấm hồn văn nghệ, tôi đành cầm bút viết - đổi lấy một tô phở, một ly cà phê - Tôi nghĩ đến những quán ăn có treo thơ của người Trung Hoa, với những câu như “Cao Bằng Mãn Tọa” (trích từ bài phú Đặng Vương Tôn Các rất nổi tiếng của Vương Bột, đời nhà Đường). Ở một quán ăn nhỏ và

rất xập xụi ở Montréal, ngay sau lưng cô gái ngồi thu tiền cũng có một bài thơ đề trên bức tranh Bách Điều Triều Phụng, mở đầu bằng câu: “Nhàn lai vô sự đáo Phượng Thành” - Phượng Thành (đọc Phụng Sinh) là tên quán - chắc ■ con cháu Gia Cát Lượng đặt tên đây.

Lấy ý của vị thi sĩ tiền bối vô danh ở quán Phượng Thành, tôi viết:

Vui chân tới quán Chiêu Hiền

Ít nhất, tôi tự nhủ, vui chân có vẻ đỡ uể oải hơn là nhàn lai vô sự.

Phở ngon lại có chuỗi chiên đậm đà.

Tôi đã định ký tên, đem treo, rồi ra xin tô phở; chị Hoa lại chê là ngắn quá, hai câu chỉ đáng bánh phở và nước, không có thịt, hành, chanh, giá sống... Tôi phải viết tiếp hai câu nữa:

Tinh quê phảng phất hương trà

Ngước lên, rạng rỡ mặt Hoa mỉm cười.

Vì chị Hoa không cho phép ai xúc phạm đến đức khiêm tốn của chị, nên ấn bản chót của bài thơ này được chị sửa lại là:

“Ngước lên lại thấy nụ hoa mỉm cười”.

Tôi cam đoan tôi ■ viết bốn câu trên trong vòng 4 phút. Tính bằng giá tô phở, có thể coi là nghề làm thơ được trả giá biểu hơn 30 đồng một giờ. Tôi không tin là ngày xưa Tản Đà được trả giá cao hơn. Khi cụ đăng quảng cáo nhận viết: “Thơ vui và Thơ buồn”. (Xin nói rõ, Thơ Đường luật xin trả giá gấp đôi vì mất nhiều thời giờ hơn. Thơ chia buồn đám tang đắt hơn thơ mừng đám cưới. Thơ tình có thể tính giá đặc biệt!).

3

Tôi chắc bạn đọc ■ biết tôi kể câu chuyện trên để làm gì. Tôi muốn hỏi: Những câu thơ phở đó có phải là thơ không? Tôi nghĩ là không. Nhưng nếu có một người nào viết bốn câu tương tự đưa tôi coi, và hỏi: “Ông coi *thơ* tôi làm có được không?”, tôi sẽ không ngần ngại hỏi lại: “Cái này mà gọi là *thơ* à?” Trái lại, nếu người viết thiết tha muốn tôi phát biểu cảm tưởng, tôi sẽ nói: “Được lắm, viết trên sáu, dưới tám, đúng là *thơ* lục bát. Văn rất chỉnh”. Bởi vì, đó quả là *thơ* lục bát, viết đúng văn, và người viết chỉ mong viết đúng văn. Đối với người đã viết ra, mấy câu họ viết với tất cả tâm thành, phải là *thơ*. Hãy tưởng tượng một ngày nào chị Hoa ngồi đọc bốn câu *thơ* phở kể trên, có khi chị cũng cảm động. Biết đâu chị chẳng nghĩ rằng ngày xưa tôi ■ phải lòng chị cho nên vừa đặt bút tôi đã viết về nụ cười của chị “*rạng rỡ*” như vậy. Biết đâu chị chẳng hồi tưởng lại cả quãng đời con gái, bao nhiêu chàng trai đã qua cửa cũng thấy “*Ngước lên rạng rỡ mặt Hoa mỉm cười*”. Và đối với chị,

mấy câu thơ phổ lúc đó nhất định là thơ. Nó mang lại cho chị những rung động “phiêu phiêu”, như Nhất Linh tả những rung động của cô Mùi khi chớm yêu.

Vậy đây là một điều tôi muốn tạm đề nghị với người đọc: *“Hãy gọi là thơ những câu nói làm cho chúng ta rung động, nghĩa là chúng ta thấy nổi lên những tình tự mà nếu bỏ lời nói đi, chỉ còn giữ ý tưởng trong đó, tình tự đó không nổi lên”.*

Xin tạm gọi đề nghị trên là Mệnh Đề I, viết tắt MĐI. Tôi không nghĩ đó là một định nghĩa của thơ. Tôi không muốn định nghĩa; tôi chỉ có ý tìm một số đặc tính của thơ. Mỗi đặc tính mô tả bằng một Mệnh Đề (đừng hiểu chữ mệnh đề theo nghĩa ngữ pháp học). Sau này, người đọc sẽ thấy có những Mệnh Đề khác bổ túc cho MĐI. Chẳng hạn trong MĐI tôi phân biệt lời nói và ý tưởng. Trong một bài sau, sẽ có một mệnh đề khác phủ nhận sự phân biệt đó. Tôi không cho là sẽ tự mâu thuẫn. Giống như ta muốn gọt một khúc gỗ 木 làm thành một pho tượng. Mỗi mệnh đề là một nét cắt của con dao. Mệnh đề sau sẽ cắt một đường mới, sửa lại nét cắt trước đó. Nói về một pho tượng do mình làm, một điều khắc gia bảo: Tôi chỉ lượm một cục gỗ rồi cắt bỏ những chỗ thừa, đầu có tài gì đầu. Nhưng trước khi cắt, ta chưa biết hết được những chỗ nào là chỗ thừa. Sau mỗi nhát dao ta lại ngó coi còn chỗ nào thừa không, rồi đưa nhát dao khác. Tôi đề nghị chúng ta làm việc theo phương pháp đó, để dần dần có một ý niệm chung trả lời câu hỏi “Thơ là gì?”

Giờ xin nói về mệnh đề I. Thử đọc lại câu thơ của Thái Tú Hạp trong đoạn I:

Trong vườn em thánng Giêng vừa nẩy lộc

Con chim nào vừa hót dễ thương.

Bây giờ thử quên những lời thi sĩ viết, thử giữ lại mấy ý chính.

Có chuyện cây mới nở lộc trong vườn, có cô gái, có tiếng chim hót, người nghe thích tiếng chim.

Lại đọc câu thơ của Nguyễn Du

Yên giao nhất vọng giai trần thổ

Thu nhật, thu phong mãn quan lộ.

Và diễn ý như thế này: Nhìn về nước Yên một cái, thấy đất với bụi mà thôi. Trên xa lộ nắng thu và gió thu nhiều lắm, đầy cả ra.

Nếu chỉ có những ý tưởng trừu tượng đó, bỏ những lời và cách xếp đặt lời của thi sĩ, chúng ta sẽ không thấy những rung động như cũ. Nói vậy chưa đủ. Bạn thử kiếm một người chưa bao giờ đọc mấy câu thơ trên, nói cho họ nghe mấy ý tưởng trong câu thơ, và hỏi họ có rung động không. Chắc là không. Nhưng khi tôi đọc những câu thơ đó, tôi xúc động “phiêu phiêu”, giống như vừa chợt

thấy chính mình ở đâu đây:

*Sáng nay ra phố mua gương
Về soi bản mặt dễ thương của mình.*

(Nguyễn Đức Sơn)

Nếu chúng ta đồng ý với MĐ1 thì thơ có phải là thơ hay không là điều hoàn toàn chủ quan. Vì rung động của chúng ta là chuyện chủ quan. Nó không chỉ tùy thuộc bốn thân mỗi người, nó còn tùy thuộc ở hoàn cảnh sống, kinh nghiệm quá khứ, giờ phút lúc chúng ta đọc thơ, tiếng nói ta thường nói hàng ngày v.v... Bạn thử dịch mấy câu thơ sau đây ra ngoại ngữ:

*Hôm qua anh đến chơi nhà
Thấy mẹ nằm võng, thấy cha nằm giường
Thấy em nằm đất, anh thương...*

(Ca dao)

Một người ngoại quốc sẽ thấy đó là mấy câu thơ tả cảnh nghèo, không phải thơ tình. Có thể dùng mấy câu thơ đó để kêu gọi cứu trợ, không phải để tỏ tình. Không cứ người ngoại quốc. Một thanh niên người Việt, nói tiếng Việt thông thạo, nhưng ở ngoại quốc từ nhỏ, cũng có thể nghĩ như vậy. Nhiều người cho đó là vè, không phải là thơ. Như có nhiều người cho rằng *Lỡ bước sang ngang* của Nguyễn Bính chỉ là vè. Vậy biên giới ở đâu gọi là vè, bắt đầu từ đâu gọi là thơ, là chuyện chủ quan.

4

Nói như trên ■ rằng sẽ đưa chúng ta đến ngõ cụt. Nếu tất cả câu chuyện là chuyện chủ quan thì đâu còn gì để nói nữa. Mà cũng vẫn chưa trả lời câu hỏi tại sao có những bài mà hầu như ai ai cũng nhận là thơ, là thơ hay, là tuyệt tác.

Để tránh ngõ cụt trên, chúng ta hãy cùng đồng ý với nhau rằng loài người chia sẻ rất nhiều tình tự và có rất nhiều phản ứng chủ quan giống nhau. Chung cho những đơn vị cá biệt có những nét đại đồng, nó khiến chúng ta cùng rung động trong một số trường hợp. Và rất có thể, cùng rung động theo một cách như nhau.

Đọc hai câu:

*Kiều Thu, hể, Tổ ■ ■ ■ ơi
Ta dong lửa đốt toi bời Mái Tây.*

(Vũ Hoàng Chương)

Tôi rất lấy làm khích động, và nhiều người Việt Nam cũng cảm thấy như vậy. Những người Việt không biết hai chữ Mái Tây nghĩa là gì, không cảm thấy chữ “dong” gây ấn tượng nào, hoặc

không quen âu yếm gọi hai tiếng “em ơi” v.v... sẽ không bị kích động mạnh mẽ như tôi. Nhưng một người ngoại quốc, hiểu hai câu thơ trên qua bản dịch, có thể chỉ thấy một phần rất nhỏ vẻ đẹp của câu thơ: thi sĩ mất người yêu, giận quá, muốn đốt nhà. Riêng một phần nhỏ nhỏ đó cũng có thể làm nhiều người xúc động, vì nó tá nổi đam mê mãnh liệt của tình yêu, của cảnh tiếc người yêu. Nghĩa là nếu mở rộng cửa cho cả loài người đọc hai câu thơ đó, cả loài người vẫn cùng chia sẻ một số rung động chung. Nếu thu hẹp lại cho người Việt, những rung động chung sẽ mạnh hơn nhiều, vì chúng ta chia sẻ những ấn tượng mà các tiếng “em ơi”, “đong lửa đốt” v.v... gọi lên trong lòng ta. Thu hẹp hơn nữa vào một nhóm độc giả hiểu cả các điển cố sau hai câu thơ, nỗi sáng khoái càng lớn.

Xin đọc thêm mấy câu thơ trong bài Tù Binh:

Mẹ bụng tám hình ủa cũ trước ngực

Dò xét từng nét đau khuôn mặt

Em ôm tám hình ủa cũ trước ngực

Nhắm cầu Kinh theo nhịp trái tim

(Thanh Tâm Tuyền)

Những người Việt ở giữa thế kỷ 20, và người ngoại quốc, quen thuộc với những “tám hình ủa cũ” của các tù binh, sẽ chia sẻ nhiều nỗi cảm kích. Những người nhìn hình ảnh của cha, anh đang đi “học tập cải tạo” sẽ cảm kích mạnh hơn. Những người hay cầu kinh niệm kinh, sẽ thấy nhịp câu thơ làm mình xao xuyến hơn nữa. Nhưng có thể vẫn có nhiều người không thấy rung động lắm, vì không quen đọc thơ không vần.

Hai thí dụ trên giúp tôi nói lại rằng tuy rung động chủ quan là tiêu chuẩn để ta nhận ra thơ, cái chủ quan của chúng ta có nhiều điểm tương đồng. Giống như mỗi người là một căn nhà, nhưng khi nắng xuân tràn về tất cả đều muốn mở cửa sổ hứng nắng. Một bài thơ lớn hơn những bài thơ khác vì đã khiến rất nhiều cửa sổ mở ra. Nhưng ít nhất, mỗi bài thơ đều có thể mở cửa tâm hồn người viết, ngay cả khi đối với người khác nó chỉ là vè.

Khi đồng ý như vậy thì ta dễ nói rằng dân Việt Nam là một dân tộc thi sĩ. Hình như ai cũng làm thơ, ở đâu cũng thấy thơ. Mở một tập báo của sinh viên, mở một “lá thư” của hội bà lão, lúc nào cũng thấy thơ. Khi còn ở Việt Nam, chúng ta thấy bao nhiêu là khẩu hiệu chánh trị, bài quảng cáo thương mại viết như thơ:

Tóc mai sợi ngắn sợi dài

Lan Sơn em gọi thương hoài ngàn năm

(thuốc gọi đầu)

Dù già cả dù ấu nhi

Sương hàn nắng gió bất kỳ biết đâu

Sinh ra cảm sốt nhức đầu.

(thuốc cảm - theo Số Đỏ)

Người Việt Nam chọc ghẹo nhau bằng thơ :

*Ba đồng một chục đàn ông
Chị bỏ vào lồng chị sách đi chơi.*

Bêu riếu nhau bằng thơ :

*Chờng chung vợ chạ kìa cô Bó
Đậu lạy quan xin nọ chú Hàn.*

(Tú Xương)

Nếu chúng ta khó tính bảo rằng mấy văn thơ học trò, mấy bài thơ các bố lão mừng nhau con lấy vợ, cháu thi đậu, v.v... không phải là thơ, tức là chúng ta phải nhận luôn cả một đặc tính của người Việt, một dân tộc thi sĩ. Một lần tôi ở trọ mấy ngày tại San Bonifacio, một làng nhỏ ở miền Bắc nước Ý. Sau vài ngày, tôi nhận ra một điều rất hay. Là ở đâu cũng thấy người ta treo những bức tranh nguyên bản, vẽ bằng sơn, màu nước, hay phấn tiên, tất cả là nguyên bản, không phải tranh in lại. Ở một khách sạn nhỏ xíu mà sáng chúa nhật gia đình ông bà chủ (ba thế hệ) trao chìa khóa cho tôi đi picnic. Ở một quán cà phê trong ga xe lửa. Nơi nào cũng treo tranh nguyên bản. Không phải thử tranh in lại mà tôi thấy nhan nhản ở Bắc Mỹ. Một buổi sáng ngồi uống cà phê trong khách sạn, một ông cũng là dân làng, biết tiếng Anh lồm bồm, chỉ vào bức tranh trên tường nói: Tôi vẽ đó. Và ông họa sĩ làng mời tôi về nhà coi xưởng vẽ. Ông hy vọng có ngày sẽ bày tranh triển lãm trên tỉnh. Sau, tôi quan sát những nơi khác ở miền Bắc Ý, tôi thấy ở đâu họ cũng treo tranh thật. Chắc đó phải là cả một truyền thống của một dân tộc. Cũng như khi tới Salzburg thì đi đâu cũng nghe hòa nhạc. Ở Việt Nam đi đâu cũng thấy thơ. Đó là một đặc tính, một truyền thống của dân tộc ta. Cho nên tôi vui vẻ khi nghe một vị đọc mấy câu về mình viết với đầy vẻ say sưa. Đối với người đọc lúc đó, chính là thơ thật, là thơ hay nữa là khác. Không phải ai viết lục bát cũng hay như Nguyễn Du. Nếu cả nước ai cũng làm thơ lục bát hay cỡ Nguyễn Du thì chắc nước mình sẽ điền hết. Nhưng nếu ai cũng muốn làm hay như Nguyễn Du thì dân tộc mình sẽ rất đáng yêu, rất dễ thương. Thử ngẫm mà coi. Mình không bằng lòng với lời nói tầm thường, nhạt nhẽo. Mình muốn đánh dấu mỗi cảm xúc, nhấn mạnh mỗi ý tưởng bằng những lời nói đẹp. Mình muốn tự mình tạo ra những lời nói đẹp đẽ. Chẳng dễ thương lắm sao?

Nguyễn Bá Trạc

Tình hoang mang gọi tứ hoang mang.

Trời đất có bốn mùa xuân hạ thu đông. Mùa nào thức ấy. Mùa xuân hoa nở bướm bay. Mùa hè mặc quần cộc lải xù đi tắm hồ. Mùa thu, nhìn lá rơi nghe chuông nhà thờ đổ. Mùa đông lạnh co, bắt *hít to* lên rồi sáng ngủ dậy vẫn nhức xương chết bỏ.

Thi sĩ, phần lớn làm thơ về mùa xuân. Lúc khí trời ẩm áp chim chóc đậu trên giầy điện như những nốt nhạc đứng trên khuông nhạc. Tiếng của chim líu lo thúc đẩy người ta bước ra ngoài trời ngắm xem hoa đào hoa mận. Đủ các thứ hoa. Vô số là hoa.

Nói như thế không có nghĩa là không có thi sĩ làm thơ về mùa thu, mùa hè hay mùa đông.

Thi sĩ mùa thu thích nói về lá vàng, lá khô và con nai. Thi sĩ mùa hè hay nói về hoa phượng đỏ, ve sầu kêu ra rả. Đây là nói về các thi sĩ Việt Nam của thuở đi học của những thế hệ 40, 50, 60, và ngay cả 70.

Còn mùa đông ở Mỹ? Thi sĩ Việt Nam buồn da diết.

Thi sĩ nhớ vợ, nhớ con, nhớ nhà.

Trời lạnh dưới không độ, nhìn ra chỉ thấy một màu trắng xóa. Nửa đêm không ngủ, co cẳng ngồi sản xuất thiếu gì là thơ. Văn nào mà chẳng lạnh?

Nhưng nói chung, thơ có mùa.

Thơ có cơn như cơn sốt rét ngã nước, hay nói rõ hơn, cơn **động kinh**.

Thơ, có khi chỉ một lần.

Thơ có khi đi luôn: thi sĩ trở về làm cán sự xã hội, nhà buôn, thợ điện. Không bao giờ thi sĩ nữa.

Giang Yêm, đời Lương bèn Tầu: lúc trẻ thơ vẫn được đời ca tụng. Lúc già, thơ vẫn chẳng lão luyện hơn mà lại thoái bộ đi. Ấy người ta đồn: Giang Yêm bơi thuyền ngừng ở bến nước mà ngủ, mộng thấy một ông bước tới đòi xấp lụa. Chàng Giang rút *trong*

người ra tám thước lụa trả lại. Tại sao tám thước, ai mà biết? Từ đó văn thơ chẳng ra gì. Cái đó kêu là *Giang Lang Tài Tận*.

Tất nhiên cũng có những thi sĩ suốt đời. Thi sĩ bốn mùa. Mùa nào cũng thơ. Đi ba bước: bài ngắn. Đi bảy bước: bài dài. Vòng trở lại là thơ Liên hoàn. Chợt chụm chân dừng ngay lại: thơ Yết Hâu. *Diêm Vương phán hỏi mang gì đó? Be.*

Thơ là nhạc. Nhạc là nhịp. Thơ thoát ra từ tiếng trống.

Tiếng trống căn bản của thiếu nhi Việt Nam là tiếng trống múa lân. Múa sư tử. Nó đơn giản thôi :

Bằng bằng

Bằng bằng

Bằng bằng *trắc* bằng bằng.

Tiếng bằng gõ trên mặt trống. Tiếng trắc gõ trên thành trống. *Điệu thơ của bé thơ* là điệu thơ mạnh khỏe. Mỗi nhịp thơ gọn như nhịp trống tùy theo tiếng dùi gõ trên da trống *tùng tùng* hay thành trống *cắc cắc*.

Tùng tùng cắc cắc suốt một thời thơ ấu trong những buổi trưa hè kia lúc *bé thơ* *bé thơ* thiu thiu ngủ, bà mặc yếm ôm cháu nằm trên võng, tóc bà trắng, tóc bà bay phất phơ. Bà quạt nhẹ nhẹ cái quạt giấy. Bà cất tiếng ru à ời. Tiếng láy trong bài ru làm cho những nhịp thơ đơn giản của tiếng trống sư tử trở nên mịn màng như những đường cong.

Cái cò... là cái (à) cò vàng

Mẹ đi đắp đàn, con ở (ơi a) với... (à) ai ?

Đột nhiên, bà bảo: *Con ở với bà, bà không có vú. Con ở với chú, chú là đàn ông.* Rồi lại lục bát. Song thất lục bát. Bảy chữ. Năm chữ. Thơ dong chơi du lịch trong sách vở sang tận đời Đường đời Tống bên Tàu.

Bằng bằng *trắc trắc* bằng bằng

Trắc trắc bằng bằng *trắc trắc* bằng

Thơ ử dật. Thơ cho người buồn phiền. Thơ cho đau thương cô quạnh. Thơ đuổi giặc. Thơ khẩu hiệu. Thơ quảng cáo. Thơ cho mọi mục tiêu.

Phần chỉ làm thơ mà *đắc chí* cũng làm thơ, thế là thế nào?

Thế là thơ kiêu kỳ. Thơ khinh mạn. Thơ vĩ đại. Thơ nhỏ nhen. Thơ khúm núm. Thơ khiêm tốn. Thơ dịu dàng. Thơ giận dữ hùng tráng. Thơ dõn dạc. Thơ âu yếm và yêu thương.

Thơ nghĩa là thơ nghĩa là thơ

nghĩa là một buổi thấy bơ vơ

một tay cái bút tay tờ giấy

ta giết ta đâm hết thì giờ.

Vậy, thơ đến từ lúc nào? Tất có người biết mà có người không biết.

Cô gái kia da mặt đậm đà như trái *bàng quân*, thời xuân trẻ cô khoác một sợi giây vải đỏ trên mái tóc thề. Cô làm thơ từ hồi đi học. Cô đâu có biết? Chàng thi sĩ hai buổi đến trường nhìn cô. Chàng chờ cô về. *Nhưng thơ vẫn không hay.*

Thơ đi không ai biết.

Thơ đến không ai hay.

Đi luôn như đã nói. Có khi lại về. *Đi đi rồi lại về về, đi đi về về ấy cũng là thơ.* Thơ lục bát tự do :

*Nhưng cũng là thơ vẫn là thơ
những giòng trôi xuống xẻ như mơ
với lòng yêu thích tôi ghi xuống
với nhiệt tình và với hững hờ.*

Đây là nói về những ngày âu sầu thơ đi qua Mỹ.

Đời xưa, thi sĩ không làm việc vất vả. Họ có nhiều thì giờ *don't* chơi *đi đi về về* với thơ. Họ khoái làm thơ liên hoàn bởi lẽ như thế. Còn các ông sư: tụng kinh thì nhiều mà nói thì ít. Ấy họ hay làm thơ thiền, ba bốn câu ngắn ngủn.

Thơ là người, người cũng là thơ.

Người là thơ, người không cần phải viết. Nếu đời là thơ, *trời* cũng là thơ. Nếu trời là thơ, *ngủ một giấc* cũng là thơ. Đồi núi là thơ. Hoa lá một buổi sớm mai *vươn vai thức dậy*, ấy cũng là thơ.

Đời vốn là thơ cần chi viết ?

Cái dẫu lặng cũng là nhạc. Nhạc tức là thơ.

Chắc gì chàng thi sĩ làm thơ tình kia đã là tình nhân ?

Có những tình nhân *đắm đuối*.

Có những mối tình lớn và đẹp hơn hết thấy những mối tình lại không có lấy một giòng thơ.

Cũng như những sinh mạng Việt Nam hàng trăm ngàn vùi thây ngoài biển cả, trong trại tù, hàng triệu trên bãi chiến trường. Không có lấy một quyển sách đáng giá bị thương.

Khi người ta yêu nhiều và yêu thật, người ta làm gì có thì giờ viết thơ tình? Người ta chỉ yêu thôi. *Chỉ biết yêu thôi chẳng biết gì.*

Còn khi đau thương ?

Khi người ta đau thương tuyệt độ? Người ta làm sao kể? *Ta ch! đau thôi chẳng nói gì.*

Thơ của đau thương là tiếng khóc. Văn của đau thương là nước mắt. Chữ của đau thương là những đêm đen. Nhịp của đau thương là giấc ngủ mơ hồ trên xương máu, trên chia ly mà những ngón tay không gõ.

Đó, vì sao một thi sĩ Việt Nam, Quách Tấn viết: *Tình hoang mang gọi từ hoang mang.*

San Jose, 7 tháng 1, 1986

Nguyễn-Bá-trạc

Quyên-Di

**Thiên Nga phi minh
và Cô Nhạn xuất quần.**

Hồi còn điếm phúc dạy Quốc Văn ở mấy trường trung học tu thực tại Sài Gòn, tôi vẫn thích những giờ dạy Cổ văn, dù hồi đó tôi còn rất trẻ. Bạn bè thường chế nhạo, cho tôi là người có một “tâm hồn cũ kỹ”, tôi chỉ cười và không trả lời “Biết trả lời sao!” vì mỗi người có một thứ hạnh phúc, và hạnh phúc của người này rất có thể không phải là hạnh phúc của người khác. Với tôi, một trong những điều làm cho tôi cảm thấy hạnh phúc là tìm hiểu tâm hồn của người xưa. Với một vài người bạn thật thân, tôi thường tâm sự rằng: Khi khám phá ra một điều sâu thẳm trong tâm hồn một người xưa, thú vị không kém gì khi khám phá được một định luật trong lãnh vực khoa học. Bạn cứ tưởng tượng rằng, bậc cổ nhân ấy, thân xác chôn dưới lòng đất rồi biến thành tro bụi, hồn phách thì đã phiêu du không biết cho đến cõi nào; nhưng có nỗi lòng, cái niềm tâm sự của người ấy khi sinh tiền vẫn có nhiều điều luật mà người đương thời cũng như kẻ hậu sinh không ai biết được. Bỗng nhiên một ngày kia, đọc lại văn thơ vị cổ nhân ấy lại, ta chợt khám phá ra một điều mà trước kia chưa từng ai biết, hiểu được một nỗi niềm tâm sự mà trước đây chưa từng ai hiểu, thì, bạn ạ, cái điều ta hiểu lòng một bậc cổ nhân sống cách ta cả trăm năm trước nó khiến ta sướng khoái đến mức độ nào. Và giả như hồn phách của vị cổ nhân đó còn quanh quẩn ở cõi nhân gian, hẳn cũng lấy làm hả dạ, vui mừng mà nhảy múa lên cũng chẳng biết chừng!

Ấy vậy mà tôi thích dạy môn Cổ Văn. Dạy trường tu, anh giáo sư thường phải “chạy giờ”, hết trường này qua trường khác cho hợp với thời khóa biểu như trường xếp. Các vị giám học lại cũng phải tùy giờ giấc của anh em mà xếp giờ dạy. Vì vậy mà nhiều khi một lớp có hai ông thầy dạy Quốc Văn, một ông dạy Kim, một ông dạy Cổ. Khi hai “ông” chia giờ với nhau, bao giờ tôi cũng đòi bằng được ông kia nhường cho mình phần Cổ Văn. Cái chuyện

“đời” ấy thường luôn luôn được thỏa mãn, vì đối với nhiều ông, dạy Cổ Văn là điều không lấy gì làm vui.

Trong chương trình Cổ Văn lớp đệ nhị (lớp 11 sau này), tác giả tôi ưa thích giảng nhất là Nguyễn Khuyến. Ở nhà thơ này, tôi thấy có một cái gì sâu ẩn, và cái sâu ẩn đó, đôi khi ông muốn nói ra mà ngập ngừng không nói hết. Hình như ông muốn tìm người tri kỷ, người đó phải tìm hiểu ông, phải tìm cách đi sâu vào ngõ ngách của tâm hồn ông. Tôi có tham vọng được làm người tri kỷ của Nguyễn Khuyến, dù ông sống cách xa tôi cả trăm năm, dù tâm hồn ông thanh cao mà tâm hồn tôi thô lậu, và dù ông về cõi tâm linh còn tôi đang sống trong cõi đời trần trọc. Bởi vậy đọc thơ ông và giảng thơ ông, tôi đã đọc và giảng rất thận trọng, với tất cả tâm hồn và sự hiểu biết của mình.

Nguyễn Khuyến có ba bài tả cảnh Thu tuyệt diệu là Thu Điều, Thu Ẩm và Thu Vịnh. Bài Thu Điều nổi tiếng nhất, được nhiều người nhắc đến nhất, có lẽ người đời thích nhìn Nguyễn Khuyến qua lăng kính chính trị, tìm tòi bởi móc xem trong thơ ông có câu nào, chữ nào mang hơi hướng chính trị không, có diễn tả được khuynh hướng, thái độ chính trị của ông không. Bởi thế, nhiều tác giả sách giáo khoa khi bình giảng hai câu kết bài Thu Điều:

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo !

Đã nhất quyết cho rằng ông có thái độ yêu nước tiêu cực, ngồi một chỗ chờ xem có ai nổi dậy chống Tây hay không, nhưng chờ hoài mà chẳng thấy động tịnh gì cả! Chẳng biết đây có phải là nỗi oan của họ Nguyễn hay không.

Riêng tôi trong ba bài tả cảnh Thu này, tôi thích nhất bài Thu Vịnh, và xem đó như một con ngõ đi vào tâm hồn Nguyễn Khuyến. Tôi xin chép lại bài thơ đó ra đây :

Thu Vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như tầng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái,

Một tiếng trên không, ngỗng nước nào.

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,

Nghe ra lại thẹn với ông Đào.

Nhìn bình thường, đây là một bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú, luật bằng, vần bằng. Với luật ấy và vần ấy, bài thơ diễn tả một khung cảnh, một tâm trạng hết sức bình lặng. Bài thơ niêm luật rất chỉnh, đặc biệt được kết bằng những lời hết sức bình giản,

nếu tách riêng ra, ta có cảm tưởng đó như là những câu nói thông thường trong lời nói chuyện hằng ngày, nhưng kết những câu ấy lại, toàn bộ trở thành một bài thơ hơi rất êm, ý rất tinh mà tình rất sâu. Hình ảnh trong bài, với trời thu xanh ngắt, cần trúc lơ phơ trong gió hắt hiu, mặt nước bốc hơi trong như sương phủ, ánh trăng lọt qua song thưa, chùm hoa trước giậu, chim ngỗng bay trên không thả những tiếng kêu... làm cho bài thơ mang một vẻ buồn êm đềm và tĩnh mịch. Tôi cũng để ý nhiều đến cách dùng từ ghép trong chữ *lơ phơ* (*lơ phơ* và *phất phơ*), lối nhân cách hóa trong cặp thực (*song thưa để mặc bóng trăng vào*), lối đảo ngữ trong cặp luận (viết xuôi phải là *Mấy chùm hoa năm ngoài trước giậu* và *Một tiếng ngỗng nước nào trên không*). Tác giả dùng tất cả những từ ghép và mỹ từ pháp ấy một cách ấy rất tự nhiên, tài tình.

Có hai điều tôi không hiểu trong bài thơ này, mà tìm trong các sách giảng văn không thấy tác giả nào giảng cả. Điều thứ nhất là cách đối của cặp luận và điều thứ hai là cách gieo vần trong bài. Sau này tình cờ tôi biết được hơn một nửa. Điều khám phá này làm tôi vui đến chết được, nhưng đồng thời cũng đâm ra hậm hực là tại sao mình không có cơ may biết hết. Vậy xin ghi lại điều tôi biết cũng như điều không biết đây để các bạn thơ tưởng lắm.

1

Thiên Nga Phi Minh.

Mỗi lần đọc hay soạn bài giảng đến hai câu luận là tôi tức chết đi được :

Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoài,

Một tiếng trên không, ngỗng nước nào.

Theo phép đối Đường luật, hai câu thơ phải đối về thanh, về ý và về tự loại. Về thanh, áp dụng luật “nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh”, *chùm* (B) đối với *tiếng* (T), *giậu* (T) đối với *không* (B), và *năm* (B) đối với *nước* (T) rất chỉnh. Về ý tác giả áp dụng phép đối *bổ túc*, nghĩa là cả hai câu đều diễn một ý, ở đây là cảnh và tâm trạng buồn. Riêng về tự loại, ngoài việc chọn từ đối thích hợp như *mấy* đối với *một* (số mục) *trước giậu* đối với *trên không*, *hoa năm ngoài* đối với *ngỗng nước nào*, Nguyễn tiền sinh còn dùng điển tích ở câu trên. Ở đây, đọc lên ai cũng biết là tích Thôi Hộ đời Đường trong bài “Đề tích sở kiến xứ”, lấy từ hai câu :

Nhân diện bất tri hà xứ khứ,

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Hai câu này diễn tả tâm trạng nhớ nhung, tiếc xót. Trong Bích Câu Kỳ Ngộ, tác giả diễn Nôm là :

Hoa đào còn đó trơ trơ,

Mà người năm ngoài bây giờ là đâu !


Nguyễn Du, trong Đoạn Trường Tân Thanh chuyển thành :

Trước sau nào thấy bóng người,

Hoa đào năm ngoài còn cười gió đông.


Trong bài Thu Vịnh, Tam Nguyên Yên Đổ chỉ mượn ý mà viết vắn tắt :

Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoài.

Chỉ 7 chữ thôi, mà nghe buồn thấm và xót  đáo để! Điều làm tôi thắc mắc là: nếu ở câu trên, tác giả đã dùng điển tích, thì theo phép đối tự loại, ở câu dưới tác giả cũng phải dùng điển tích. Tôi tìm tòi, lục lọi khắp nơi, không thấy cái câu "*Một tiếng trên không ngỗng nước nào*" lấy từ điển hay từ tích nào. Từ đó, cứ đâm ra hậm hực và xấu hổ, mỗi lần giảng đến hai câu ấy, bao giờ cũng tìm cách lướt đi cho nhanh. Cũng may học trò không có câu nào để ý để nêu thắc mắc.

Cho đến một hôm, tình cờ tôi được hé mở để biết chút ít về điều thắc mắc của mình.

Năm ấy, tôi nhớ không lầm là 1973, Bộ Giáo Dục quyết định xếp môn Quốc Văn vào chương trình lớp 12 niên khóa tới (trước đó, học sinh lớp 12 chỉ học và thi môn triết chứ không có môn Văn ở cấp lớp này), và khi ra thi, Bộ dự trù cũng cho đề theo hình thức "IBM" như những môn khác. Để chuẩn bị việc này, bộ tổ chức một cuộc hội thảo ở Sài Gòn cho đại diện giáo sư môn Quốc Văn các trường toàn quốc. Nhà trường cử tôi tham dự cuộc hội thảo đó. Trong buổi hội thảo, bài thuyết trình của đại diện Bộ chiếm quá nhiều giờ, sau đó là phần tranh luận chương trình hợp lý hay không hợp lý, thi môn Văn theo kiểu "IBM" là điều nên hay không nên... Nghe chán, tôi đâm ra lơ đãng, sẵn có mấy tờ giấy chưa ghi chú được điều gì, tôi hý hoáy ngồi xếp hình con chim để trên bàn chơi. Ngồi bên cạnh tôi là một anh giáo sư ở Đà Lạt, cũng *trẻ người* (có *non dạn* hay không thì tôi không biết), anh này chắc cũng chán nghe tranh luận, thấy tôi lơ đãng thì cũng lơ đãng theo. Anh ta quay sang nói chuyện với tôi, âm điệu đúng là của người tàu lai. Thấy tôi xếp hình con chim hay hay, anh cầm lên ngắm nghía. Rồi tiện bút, anh đề lên hai cánh con chim mỗi bên hai chữ, hợp lại thành bốn chữ Hán (Thiên nga phi minh). Tan buổi hội thảo, tôi chào anh bạn chưa biết tên đó và giữ con chim giấy làm kỷ niệm, đem về cất trong tủ kính và không nghĩ đến nữa.

Cho đến mấy tháng sau, khi soạn bài giảng Thu Vịnh (năm nào tôi cũng soạn lại bài giảng), đến câu "*Một tiếng trên không ngỗng nước nào*", tôi sửa soạn bực mình thì bỗng nhiên trong đầu bật  bốn chữ "*Thiên Nga Phi Minh*". Đúng rồi, Thiên Nga là chim ngỗng, phi là bay, minh là tiếng kêu. Ngỗng trời vừa bay vừa

kêu, diễn thành thơ là “*Một tiếng trên không ngỗng nước nào*” thật là tuyệt diệu. Ông Nguyễn Khuyến ơi, tôi hiểu thêm ông một tí rồi đấy nhé !

Sau cái phút sượng đến mê người ấy, tôi chợt chết lặng! Đành rằng ý tú thì như vậy, nhưng diễn hay tích “Thiên nga phi minh” nó như thế nào? Chứ! Cái anh bạn đồng nghiệp tàu lái viết bốn chữ Hán kia, tôi chẳng biết anh ta ở đâu mà tìm để hỏi, cả đến tên “chàng” tôi cũng chẳng hề hay nữa cơ mà. Cái anh bạn đó, có lẽ biết được diễn hay tích “Thiên Nga phi minh” như thế nào và gốc gác ở đâu, vì “chàng” là tàu lái! Nhưng chưa chắc chàng đã biết Yên Đỗ tiên sinh đem cái diễn hay tích đó vào bài thơ Thu Vịnh.

Tôi hậm hực suốt từ độ ấy cho đến bây giờ. Thôi đời, thà không biết thì thôi, chứ biết được có một nửa mà không biết hết, nó khó chịu lắm.

Bây giờ, vị cao minh nào biết được hết câu chuyện “Thiên Nga Phi Minh” xin làm phúc chỉ giùm !

2

Cô Nhạn Xuất Quần.

Điểm thứ hai trong bài Thu Vịnh khiến tôi khổ sở là lối gieo vần.

Tác giả dùng vần *bằng*, âm “ao”. Phép gieo vần trong thơ Đường luật là gieo ở cuối câu thứ nhất và cuối các câu chẵn. Áp dụng phép đó, tác giả dùng các chữ *cao* (câu 1), *vào* (câu 4), *nào* (câu 6) và *Đào* (câu 8), riêng câu 2, họ Nguyễn đưa vào một chữ hoàn toàn lạc lõng (*hiu*). Nguyễn tiên sinh đâu phải là người không biết cách gieo vần, sao không viết “Cần trúc lơ phơ gió xáo *xao*” cho nó tiện bề sổ sách? Tôi nghĩ mãi về điểm đó, và... chịu không biết tại sao. Mỗi lần giảng bài, tôi lại sợ... học trò hỏi. Vì không như chuyện “Thiên Nga Phi Minh”, quá sức hiểu biết và phân tích của học trò, mấy cái vần này nó nằm chinh lĩnh ra đó, dòm sơ một cái là thấy ngay. Thế mà học trò vẫn không bao giờ hỏi cả. (Vây là học trò hiền lắm, ai bảo “Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò”?)

Học trò không hỏi, nhưng tôi vẫn tức vẫn xấu hổ, thường lục lại sách vở tìm kiếm hoài. Không thấy. Cho đến một ngày kia, nói chuyện với một cụ giáo già dạy Quốc Văn lớp đệ lục (lớp 7) tôi mới sáng mắt. Cụ nói về các lối chơi thơ Đường luật của người xưa, trong đó có một cách gieo vần gọi là “*Cô Nhạn xuất quần*” (một con chim nhạn cô đơn tách ra khỏi bầy). Cụ nói: khi diễn tả một tâm trạng cực kỳ cô đơn, nhà thơ dùng lối gieo vần này, cả bài thơ âm vận xuôi chảy, bỗng có một chữ lạc điệu, như một con chim nhạn lạc bầy!

Khi diễn giải điều đó, cụ không nhắc gì đến bài thơ Thu Vịnh của Nguyễn Khuyến với cái chữ *hiu* ác ôn kia, có lẽ cũng không bao giờ cụ để ý tới. Nhưng tôi, vì "ôm hận" lâu năm, nên lời diễn giải của cụ như một tia sáng chiếu vào bộ óc tăm tối và... láo lếu của tôi. Chết thật! Tôi mà sửa thơ cụ Nguyễn Khuyến, từ "Cần trúc lơ phơ gió *hắt hiu*" thành "Cần trúc lơ phơ gió *xác xao*" thì... không còn ra làm sao cả !

Nhưng, tôi chỉ có dịp giảng cho học trò nghe cái lối gieo vần "Cô nhận xuất quần" có một lần rồi thôi! Số là khi tôi vênh mặt nói về chuyện "cô nhận xuất quần", ra cái điều uyên bác lắm thì cả lớp bỗng phá lên cười rần rần, một học trò buột miệng la lớn: "Trời đất ơi! Làm sao mà cô Nhận lại bị *sút* quần há thấy?" Kỳ lạ thiệt! Tôi ăn nói đâu có ngọng nghịu gì, cũng đâu có bị nhịu giọng. Từ đó tôi... tịt, không dám nhắc gì đến "Cô Nhận" ở bất cứ lớp học nào nữa.


Bằng đi cả mười mấy năm, tự nhiên sinh lòng kiêu ngạo, tôi lại đem điều hiểu biết về "Cô Nhận" nói cho anh Vũ Huy Quang, tự là Quang Cường (tôi cũng chưa biết về cái... điển này), hiện là Năm Vòng (vì anh dịch tác phẩm Ngũ Đại Kỳ Thư của Nhật Bản). Tưởng anh sẽ tấm tắc khen tôi... Hân rộng, nào ngờ người Năm Vòng nhếch mép cười nửa miệng, nói rằng: "Tôi nghĩ tôi là một thứ Cô Nhận xuất quần, vì trong khi mọi người được làm việc thì tôi phải rong chơi, mọi người được "diet" thì tôi phải đi ăn phở!"

Thiệt! Chuyện nghiêm chỉnh mà trẻ con, người lớn ai cũng lấy làm chơi. Rốt cuộc, chỉ có cụ Nguyễn Khuyến là hiểu tôi chút đỉnh.

Quyền Di

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.



9251 Bolsa Ave
Westminster, CA. 92690

(714) 895-1264

Giờ làm việc: Thứ Hai: Thứ Bảy: 10am - 7pm

- Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
- Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
- Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
- Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
- Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm
- Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp

KINH NGHIỆM - TÂM TÂM - CHU ĐÁO

UNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Bùi-Vĩnh-Phúc

Thơ, hình như trái tim.

1

Trước khi viết bài này, tôi đã nghĩ là mình sẽ thử tìm và phác định ra những khuynh hướng của dòng thơ Việt Nam lưu vong trong khoảng thời gian trên mười năm nay, kể từ cái buổi tang-thương-ngẫu-lục kia. Tuy nhiên, khi bắt tay vào việc, có nghĩa là khi đã để bề bộn trong phòng mấy trăm cuốn tạp chí cũ cũng như mới và chừng vài chục tập thơ của các thi sĩ Việt Nam lưu vong, và nhất là khi đã ngồi xuống ghi chú, phân loại, và đọc lại khoảng mấy ngàn bài thơ xuất hiện trên các tạp chí định kỳ và các tập thơ in trong vòng mười năm nay, tôi thấy mình không thể làm được chuyện đã dự tính trong một bài viết vài chục trang báo như thế này. Sau khi đã đọc lại những bài thơ, đã chọn lựa, sắp xếp theo cảm quan riêng, tôi có được khoảng trên dưới sáu mươi nhà thơ, mà theo ý tôi, sự sáng tác đều đặn hoặc những nét riêng nhất đã tạo ra một sắc thái nào đó trong thơ của họ. Họ đáng được nhắc đến trong dòng thơ Việt trôi chảy không ngừng nghỉ suốt hơn mười năm trên những vùng đất không được gọi tên là quê nhà mà chúng ta đang có mặt.

Tôi phải lặp lại một lần nữa là sự chọn lựa này hoàn toàn có tính cách chủ quan, mặc dù tôi đã hết sức cố gắng gìn giữ một số những tiêu chuẩn khách quan như đã trình bày. Chủ quan, bởi lẽ cái nhìn của một người, dù yêu thơ đến mấy, trong hoàn cảnh lưu vong hiện tại, cũng không thể có tính cách toàn diện. Tài liệu dù nhiều nhưng cũng không thể gọi là đầy đủ trong điều kiện sống này. Những thiếu sót, chắc chắn sẽ có ở đây, tôi mong được sự bổ túc qua những bài viết về dòng thơ Việt lưu vong của những vị có khả năng và điều kiện hơn sau này.

Như đã nói, tôi không thể phân định —mặc dù là chỉ thử làm— các khuynh hướng của thơ Việt mười năm qua trong một

bài viết vẫn vôi như thế này. Gần như là mỗi thi sĩ nhắc đến ở đây tôi đều có thể viết được một bài riêng biệt về thể giới thơ của người ấy. Nhất là đối với những vị từng đã in thơ. Tập thơ giúp cho người làm công việc thưởng thức, thẩm định, nhận xét, phê bình được dễ dàng hơn trong việc làm của họ, bởi các bài thơ, một cách nào đó, đã được đặt trong một bố cục giúp cho người xem dễ nhận thấy được cái thể giới thi ca của thi sĩ.

Để phân định các khuynh hướng thơ, có lẽ ta phải viết một cuốn sách dày. Chuyện ấy, hiện tại, gần như chưa ai có đủ các điều kiện để thực hiện.

Trong phần dưới đây, tôi sẽ cố gắng trình bày dòng thơ Việt Nam ở ngoài nước, từ 1975 đến 1985, qua một cái nhìn của riêng tôi, có tính cách khá phóng túng, nhưng hy vọng sẽ nêu lên được cái hình ảnh và sức sống cũng như phản ánh được những tâm tư thiết tha và những ước vọng nồng cháy của người Việt từ những ngày bỏ nước ra đi vì cơn quốc biến. Tôi sẽ đi một vòng khá rộng, từ không gian cho đến thời gian, từ những tình cảm nhớ nhà, nhớ nước, nhớ bạn bè, anh em và những người yêu dấu đến những tình cảm khác mang đủ màu sắc và cấp độ khác nhau trong thơ của chúng ta. Tất cả những tình cảm ấy, chúng nằm ở trong giọng nói, trong hơi thở, trong khóe mắt, trong nụ cười, trong giọt lệ, trong cách đi đứng, cách làm việc, cách sống đời... của mỗi một người Việt Nam lưu vong.

Tôi sẽ đi suốt một vòng như vậy với sự cảm nhận bùng vỡ của riêng mình. Hơn hai tuần đọc lại mấy ngàn bài thơ trong một căn phòng đầy áp sách báo và chữ nghĩa Việt Nam, sự bùng vỡ mà tôi vừa nói là một điều không thể tránh được. Sự bùng vỡ có thể đánh mất tính khách quan, nhưng, với tôi, nó phản ánh được cái *tâm thành*.

Cũng là một điều có lỗi khi tôi chỉ có thể trích một, hai đoạn, hay một vài câu thơ, của mỗi một người thơ trên những chặng tìm kiếm, cảm nhận và khám phá của mình. Trong một bài viết tương đối ngắn, tôi không có cách nào khác, mặc dù hiểu rằng làm sao ta có thể nhìn một người thơ qua chỉ một vài câu thơ của người ấy. Chuyện đó là điều hiển nhiên, đồng thời cũng là sự khó khăn trên hết của người viết bài này. Chỉ nghe một tiếng đập của một trái tim Việt Nam nào đó, làm sao ta có thể hiểu thấu và nghe ra cả một trời đau thương chất ngất hay cả một đại dương gào gió quê nhà. Người ta không thể nào nghe được hết *ì ới* điều trong một tiếng đập đâu. Nhưng nếu lắng tai nghe, may ra người ta sẽ cảm nhận được tiếng rơi của một giọt nước mắt cuộn ngược trở lại trong lòng, hay tiếng lá bàng bay nhẹ trong một chiều quê tím sẫm. Nếu

người ta để ý lắng tai nghe...

Tôi xin cảm ơn tất cả những tác giả tôi đã mạn phép trích dẫn thơ ở đây. Việc trích dẫn bài thơ nào, câu thơ nào, hoàn toàn nằm trong cảm quan của riêng tôi về dòng thơ của một tác giả. Dĩ nhiên, để hiểu thật một thi sĩ, ít ra, ta phải đọc đầy đủ những bài thơ của người đó, có khi ta lại phải đọc lần lượt theo một thứ tự thời gian nữa.

Tất cả những tác giả nào, trong cảm nhận của riêng tôi, đã có sự gần gũi hoặc chia sẻ một khuynh hướng nào đó với nhau, tôi đặt gần bên nhau trong những chặng hành trình của mình. Người đọc, như thế, sẽ có thể không nhận thấy rõ một nhà thơ nào đó nằm trong một khuynh hướng nào đó trong cách sắp đặt này. Dù sao, tôi hy vọng, trên những chặng viễn du sắp tới cùng với người viết bài này hôm nay, người đọc sẽ có thể thấy rõ mở những khuynh hướng đang thành hình, những dự phóng đang rõ nét.

Tất cả những khuynh hướng, những dự phóng ấy có nguồn gốc từ chính chúng ta, cái khối người Việt hải ngoại ở khắp năm châu này.

Bối lễ, Thơ, trên và trước, là Sáng Tạo cá nhân, Nhưng Thơ cũng là soi chiếu, là phản ánh những ước mơ, những rung động của cái tập thể người trong đó nhà thơ sống với. Thơ làm hiển lộ chân diện mục của thi sĩ. Nhưng Thơ cũng không tỏ lộ gì khác đâu ngoài những nhịp đập của trái tim mỗi một chúng ta. Có tiếng dịu dàng. Có tiếng tức tưởi. Có tiếng cuồng loạn. Có tiếng yêu thương

Hãy lặng yên và lắng nghe lại những tiếng tim mình.

2

Ba mươi tháng Tư, bảy mươi lăm.

Như chim trên giàn lửa trong ngày đại nạn, những người con Việt tan tác xác xơ đã bị lửa và gió đánh dạt khỏi căn nhà cũ.

Tâm thức Việt bùng cháy.

Như bài huyền sử để lại từ cổ mịt mờ, những người con Việt của thế kỷ hai mươi lại kẻ lên non vào rừng, người ra nguồn xuống bể. Và cũng có những người chọn cuộc ở lại để đối mặt tử sinh, cương quyết giữ lửa trong tay chờ ngày thắp sáng lại non sông.

Không có cuộc ra đi nào là không chứa sẵn trong nó mầm nhớ nhung và nỗi hoài vọng, nhất là khi cuộc ra đi đó lại là sự rời bỏ quê nhà. Bỏ quê, bỏ vườn, bỏ đất, bỏ cha mẹ anh em và những người yêu dấu, chạy khỏi hồ lửa, để chỉ mong một ngày trở về ôm lại quê hương và những người thân yêu. Trái tim thi sĩ bây giờ là một trái tim phiền muộn, thao thức hoài những yêu dấu cũ.

...

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già

*Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh
(Nuôi một bầu con cuối đời vẫn lạnh
Cho anh hôn ㅁㅁ nặng một thời xa)*

...

*Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ
Gửi cho anh vài nhánh cỏ què hương
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thờ*

*Và gửi cho anh một tờ giấy trắng
Thắm nước trời què qua mới dột đêm mưa
Để anh đọc: mệnh mỏng đời lạnh vắng
Em tiếc thương hoài ấm áp gối chăn xưa. (1)*

Những nỗi buồn không người ngoài. Mà đời thì cứ đẩy xô ta sắp mặt. Cuộc sống này vẫn tiếp tục quay tới, quay tới mãi. Thời gian vây chặt lấy thân thể lưu đầy. Buổi sáng sớm kia, có người thi sĩ chợt thấy quá nhớ nhà. Dậy sớm, không thay quần áo để đến sở như thường lệ, nhưng tự pha cho mình một ấm trà, rồi ngồi đọc ấm. Bảo nhé với vợ :

...

*Em yêu quý chắc em vừa thức giấc
Đừng hỏi anh sao đời sống quá sâu
Hãy điện thoại giùm anh vào trong sở
Nhắn rằng anh bỗng trở bệnh cảm đau
Để thời gian xa anh thêm một buổi
Để hương trà còn thơm đến hôm sau. (2)*

Và người thi sĩ để dòng hồi tưởng ngập lụt trở về :

...

*Xin cho tôi được một lần thấy lại
Ánh nắng chiều lấp lánh sông Cửu Long
Con phà cũ đưa tôi về quê ngoại
Lục bình trôi theo con nước xuôi dòng.*

...

*Cho tôi thấy mưa buồn bay trước ngõ
Lá mùa thu đang rơi nhẹ trên thềm
Căn nhà cũ vết tường vôi loang lổ
Dấu muộn phiền trong buổi sáng nắng lên (3)*

Hoặc là, có một ngày mùa Xuân, ngồi trên đất khách, người thi sĩ nghe ngóng và cảm nhận đời :

...

*Hương Xuân trên đất người ta
Ngủ vô lạ hoặc, thở ra bởi hơi
Hương trầm còn lại trong tôi
Ôa lên nghi ngút xông đời quạnh hiu.*

Khi người ta cảm nhận cái hiện hữu lạ này trong tâm cõi rỗng mình như thế, nỗi mong ước được trở lại những ngày xưa, những ngày xưa thơ bé trên đất quê mẹ ngày nào lớn dần. Nỗi mong ước lớn dần và có khi rụng xuống thành giọt nước mắt. Người ta khóc không phải vì hèn yếu, nhưng vì tâm hồn người ta vẫn còn mãi vương vít những mảnh trời quê.

...

*Tôi đã khóc khi nhớ về quê mẹ
Canh mùa tới, cơn gạo mới đem về
Tôi ước mơ trở lại ngày thơ bé
Cạnh mẹ tôi cầm vạt áo mân mê. (5)*

Giọt nước mắt và nỗi ước mơ làm bùng lên lời tự hèn hứa... Với mình. Cho mình. Lời hẹn hứa trộn lẫn với nỗi khát khao, trầm tư nhưng đầy tha thiết :

...

*Không hiểu trọn đời ta có được về
Nơi ta đã sinh ra...
Nơi có nguồn ca dao chớ chất tình người
Nỗi bây giờ bằng hữu ta
Đang sống trong những công trường vĩ đại
Và ta ở nơi đây như những bóng ma Hời
Ta vẫn tin lịch sử mỗi giống dòng
Cũng có lúc phải cúi đầu nhục nhã
Dù thế nào ta cũng phải về
Ngay cả khi ta đã chết... (6)*

Lời hẹn hứa ấy vẫn luôn gọi ta mỗi ngày mỗi đêm, nhất là những lúc bóng trăng soi về quạnh quẽ.

*Ôi ta! Ôi ta! Non sông ngàn nỗi khổ
Sao cứ quẩn quanh những hệ lụy riêng mình
Chung quanh guơm giáo vang vang lời phẫn nộ
Máu lệ ngập tràn ngoài biển lớn điêu linh.*

*Còn nốt đêm nay ta mang hồn lơ lảo
Gọi ánh trăng đêm soi cho rõ lòng mình
Mai ta bẻ kiếm không còn mơ mộng hão
Sẽ bước xuống đời mà nhập cuộc tử sinh. (7)*

Nỗi niềm sâu xứ luôn luôn cào xé tâm hồn người thi sĩ. Ta vẫn phải ăn và thở, vẫn phải đi đứng nói cười trong cuộc lữ này. Nhưng trái tim, ôi trái tim của người thi sĩ, đó là chiếc thập tự giá dựng hoai trên dốc quê hương.

...

*Ngoài đêm tuyết trắng như bông nở
Không đợi mùa Xuân vẫn cứ qua
Em với quê hương hai mũi nhọn
Bất ngờ đâm thấu suốt tim ta. (8)*

Em và quê hương thì mật mù như thế. Nhưng nếu em ở bên đời ta bây giờ, có lẽ ta cũng chỉ cảm thấy xót xa thêm. Hãy tưởng tượng. Năm giờ sáng ở chốn quê người, em đã phải lên đường đến sở. Tuyết bay mù ngoài ngõ. Em đổi mấy lượt métro mới đến sở làm?

...

*Đường thì rộng đời thì dài mệt mỏi
Em âm thầm như một bóng chim bay
Lọn tóc rối giấu trong vành khăn ẩm
Mất chong đèn trong ngọn bút anh đây... (9)*

Em phải vừa đi làm vừa đi học, chạy theo kim đồng hồ suốt buổi, tóc em không còn thơ dai để gió đùa bay như những ngày xưa chúng ta vụng dại qua cầu, vậy mà em vẫn cố giữ cho anh một nụ cười thom mềm bóng nguyệt. Em yêu,

*Đời như vậy phải chăng anh có lỗi
Vì yêu em vì quyết định lên đường
Cơm với áo, tự do và cộng sản
Mất hẳn rồi hai tiếng "quê hương" (9)*

Không đâu, "quê hương", hai tiếng đó vẫn còn cháy mãi trong lòng. Vì tự do của con người, ta không thể ở lại với thù. Ta đã vùng thoát để tìm nguồn sinh lộ, để mong được thở gió tự do. Nhưng thực sự: *Ai đã đi mà chẳng từng bị rịn. Rời yêu thương nào đã mấy ai vui* (Yên Thao). Ta bỏ vợ, bỏ con, bỏ những cơn bụi đỏ quê nhà mà lang thang viễn xứ. Lửa quê hương vẫn còn cháy mãi trong lòng.

*Lũ chúng ta mười phương trời hoạn nạn
Lìa quê cha như thú chạy cháy rừng
Chân vẫn nặng những con đường cũ
Mất vẫn còn tưởng nhớ gió trắng xưa. (10)*

Ta thương ta nhớ ta thương nhớ. Có nhớ ta không mưa gió quê mình. Có nhớ ta không những tình xưa đang dở. Ta sẽ trở về dù ngàn kiếp điều linh.

*Ta muốn có những ngày đông quê xưa
Mưa giăng giăng cho trời đất mịt mờ
Tìm như bắp nhảy trong nỗi đất bể
Khi trống họ đề khắc khoải từng giờ.*

*Ta thèm mặc chiếc áo toi hụi hảnh
Áo với người toi tả trước cuồng phong
Ngón chân tê bầm nhói tìm đất đứng
Cánh đồng làng là biển nước mênh mông.*

*Ta muốn về ăn bò khô Thủy Tạ
Ăn bánh tôm trường Tiểu học Hàng Kèn
Một gã mua đất theo năm bảy gã
Đứng ngón rau thối cũng đã cơn thèm.*

*Thăm Huế những chiều đồng sông nước
Những ngày mưa đồng nghĩa với thiên tai
Thuyền giăng cầu trên công viên rét mướt
Thành cổ ưu tư nhiều nếp nhăn dài.*

*Ngày hai buổi Huế hai lần mở hội
Giờ tan trường bướm trắng xếp hàng ba
Tóc thả gió như ngón tay mời gọi
Nón bài thơ che ánh mắt thiết tha.*

*Đông đôi bạn ghé Sài Gòn vội vã
Những ban mai chợt thấy chút sương mềm
Em giả bộ suy tởm trời lạnh quá
Đầu gần rồi, em muốn xích gần thêm... (11)*

Yêu thương và những hình ảnh thương mến cứ lại làm trái tim ta quặn thắt. Có câu ca dao ướt đầm mùi quê hương ở đâu lại rớt giữa hồn :

...

*Lời ca dao của Mẹ
Thoảng ngọt ngào vang vọng đâu đây ?
Nghe bỗng dưng
Khói tỏa sông dài
Trắng cánh cò bay
Thơm nồng lúa mới*

Lặng lẽ bờ kinh
Đèn soi chập tối
Giọng khoan hò nhịp bảy, nhịp ba
Bờ bụi mù mù
Ghe trước đọi ghe mù mù
Gái gạo chợ nước sông
Trai giang hồ tử chiến
Chèo quế thuyền lan
Khoan khoan bớt mái
Nợ tình nợ ngãi
Một nhớ hai sầu cơm chẳng buồn nhai
Bóng chim tăm cá miệt mài
Bền gie, đóm đậu thương hoài ngàn năm... (12)

Ừ, thương hoài ngàn năm. Ta cứ nhớ thương quê hương hoài đứt ruột.

Kẻ ra đi thì vậy, người ở lại thì sao ?

Lửa thì vẫn cháy trong tim, ngọn lửa ta vẫn phải ấp ủ và khơi dậy mỗi ngày mở mắt. Nhưng đời sống kia, cái đời sống âm u kia, mỗi ngày cứ mỗi như chiếc lưới úp chặt trên ta và anh em bạn. Không, ta không thể gục mặt. Ta phải sống, dù có phải dạn dày sương gió từng ngày.

Dưới dốc cầu mấy quán cà phê
Anh hùng thấm mệt tối quay về
Quăng đại xe dưới hàng cây điệp
Nhìn nhau gật đầu chẳng nói chi.

...

Có những thằng ngồi pha cà phê ế khách
Đổ ra ly rồi nhấm nháp một mình
Đầu đường thì công an cuối đường thì kẻ cắp
Ở giữa đường mà sống cũng không xong

...

Lâu lâu có thằng ra đi cứu nước
Chả dạn dò mà cũng chả thu thêm
Có lắm lúc đêm dăm thằng vong mạng
Mà chung quanh chỉ bóng trắng rằm... (13)

Quê hương đó, bạn bè anh em đó, tất cả đã bị xé toang bởi lũ bạo thù. Hồi những kẻ Việt Nam đã thoát thân khỏi hồ lửa, có những ai nhận diện được nỗi căm thù nằm ở nơi đâu ?

Những cơn mưa bay chéo trong đời sống này ■■■ cứ làm ta nhớ đến những cơn mưa bay mù trời đất ở chốn quê nhà. Những cơn mưa ở đây làm ta nhớ vườn, nhớ đất, nhớ mẹ già, nhớ ■■■ sen. Đôi khi bỗng mưa làm ta nhớ. Đôi khi bỗng nghe bước chân về đầu đó của em. * Mưa dựng lên một nỗi nhớ nhung trắng muốt. Ta chợt nhớ đến em ngày xưa con gái. Có sợi tóc nào bay trong trí nhớ nhỏ nhoi. * Mưa trầm trầm thổi suốt chân dung kỷ niệm. Chiều nay, trời lại mưa.

Lá vàng rụng hết đêm qua
Chiều xó cửa ngó ra mưa rất buồn
Mưa đầm ngọn cỏ đan sương
Mưa nghiêng kỷ niệm mưa buồn tóc bay
Hồn bình nguyên rộng trên tay
Càng đầy nỗi nhớ sông dài phù sa
Ơi miền Nam ơi quê nhà
Dưới ■■■ sen nở mẹ già vo cơm
Vo nồi gạo mới nàng hương
Của đồng thán chấp của lòng đất thiêng
Mưa phun gió phất qua hiên... (14)

Cơn mưa làm nhớ dòng sông. Cơn mưa ■■■ nổi quạnh không rụng vàng. Cơn mưa đầu trắng khăn tang. Cơn mưa mở giắc cũ cang, cơn mưa. Những dòng sông và những cơn mưa kia ■■■ chia sẻ định mệnh nghiệt ngã của Việt Nam.

Có nhớ gì không những cánh đồng ?
Lúa vàng vàng cả nước dòng sông
Đêm về chó sủa vang đầu xóm
Em ở một mình sợ lắm không.

Có buồn không hỡi những ngôi làng
Lá thắm ngày nao lá đã vàng
Anh lính chiến nay không về nữa
Nắng chiều ở đó chắc mong manh.

...
Có buồn không hỡi những dòng sông
Có biết gì không hỡi cánh đồng
Anh lính chiến nay không về nữa
Vườn cà thôi chắc hết đơm bông. (15)

Cơn mưa làm nhớ dòng sông. Dòng sông làm nhớ trăng. Trăng làm nhớ quê nhà, nhớ mẹ, nhớ em, nhớ hiên thềm rêu, nhớ cây

bông vải, nhớ ao bèo cũ, nhớ dáng cau gầy. Trắng làm vỡ giọt nước mắt trong trái tim của mỗi một người trong chúng ta.

*Ngày về hiền đồ thềm rêu
Nắng soi liếp rách ao bèo tàn thu
Mái tình xào xạc nắng trưa
Hơi may gọi chút âm thừa đầy thoi
Xót con, mẹ cũng qua đời
Cây bông vải khóc ngậm ngùi khăn tang
Cau gầy vì nỗi trông mong
Giếng khơi soi mảnh hồn không đợi chờ
Mười năm mùa đã qua mùa
Đầu chân yêu những cơn mưa xóa rồi.. (16)*

Chúng ta, như lũ chim bị đuổi khỏi tổ quê nhà, bay lênh đênh đi tìm đất sống. Trời đất thì mang mang, sao lòng ta nhìn đâu cũng chỉ thấy có quê nhà. Ra sông, vào núi, ta lại thấy mộng cũ, trời xưa. Bước theo bóng mưa, ta thấy lại mắt người thấp thoáng. Theo vào nhánh cỏ, ta bỗng gặp lại một dòng trăng cổ độ.

*Theo sông vào trăm sông. Sông như ta bạc đầu
Người năm xưa cũng vội. Theo mộng bước qua mau
Theo mây vào bóng núi. Ta chia núi quanh hiu
Mỗi năm lòng mỗi nhuốm. Nỗi trời rộng tiêu điều
Theo mưa vào bóng lá. Ngó lên ngơ mắt ai
Ta nổi trôi như bọt. Chỉ còn áo sờn vai
Theo sương vào nhánh cỏ. Ta nhớ mộng xưa qua
Có con trăng ngày nọ, Đã xa ta như là... (17)*

Tóc ta giờ bạc giữa những dòng sông mang mang ly biệt. Sao ta vẫn thấy nhớ em. Em của một thuở quê nhà ngày cũ. *Hỡi Liên những Liên và Liên. Làm thế nào để quên được nhau. Hạt mưa kia long lanh nỗi nhớ niềm từ biệt, hoàng hôn bằng hoàng màu khói nhạt... Hỡi Liên những Liên và Liên.* (Thanh Tâm Tuyền).

*Thả mây dựa nỗi quan san
Tóc bụi ngùi bạc giữa ngàn dặm sông
Thả tử sinh gửi cỏ bông
Thôi ta cứ đợi ngựa hồng theo sau
Thả trăng vào cuộc gối đầu
Áo người xưa lại về đau đôi tà... (18)*

Vẫn lại con trăng cũ tiếp tục theo ta miết miết. Con trăng làm ta nhớ. Ngày xưa có em áo tím, tóc thè ướp hương bồ kết để gió bay

bay. Bây giờ, giữa cuộc trần ai này, bỏ em áo tím, em ở nơi đâu ?

Đường xưa trắng ngủ li bì
Đan sông áo tím mẹ đi em về
Bến hoa em xóa tóc thề
Hẹn ta đến phố thăm thì bờ môi
Bây giờ giữa phố than trời
Áo đan dạo nợ thôi rồi bỏ em

Mẹ về hát giữa thềm chanh
Hái ngọn húng quế còn xanh sau vườn
Tóc ai buông xóa ngang lưng
Thơm mùi bồ kết ướp hương bạch trâm
Tình thơ mà hẹn trăm năm
Lời ta còn nhớ - cứ nhằm gì em
Đường xưa trắng ngủ êm đêm
Mẹ thêu áo đỏ đưa em qua cầu.

Ơi em chẳng nhớ gì sao
Đường xưa, áo tím, tình đầu, bến hoa (19)

Sao trắng và nổi quanh không còn mãi theo ta hoài không dứt. Gió cứ thốc vào quán vắng như thốc vào cõi lòng ta mở tung những ân tình cũ. Trắng lại sắp về.

Chiều về trên sông quán vắng
Mình ta uống rượu chờ trăng
Bạn bè giờ tan tác cả
Tình em thôi những phơi pha
Quanh ta trời im lặng quá
Sầu dâng man mác hiên nhà

...

Chiều về trên sông quán vắng
Mình ta ngồi giữa đất trời
Ngóng trăng về trên mái nước
Ngóng đò rời bến bãi khuâng
Ngóng bạn tàn phai tắc dạ
Thương tình thoáng thấp thoáng cay
Thương đời tàn lỵ rượu nhỏ
Ồ! Em biệt biệt từ đây.

...

Chiều tàn trên dòng trí nhớ
Rượu đổ môi hồ hững hờ
Vẫn ta một mình chết đứng
Gọi trăng gọi mộng qua đêm. (20)

Thiết tha. Là người ai lại chẳng thiết tha nhớ hoài những con đường của quá khứ, những hoa lá vàng thom của kỷ niệm. Nhưng cái thiết tha ấy lại càng nung nấu hơn khi người ta không những bị ngăn cách khỏi những êm đềm vàng son cũ bởi lớp sương mù của thời gian mà còn bởi cả dòng nước cuộn cuộn của một đại dương xanh. Càng thiết tha hơn nữa nếu người ta là một phụ nữ Đông Phương dạt dào tình cảm Việt. Cái tha thiết ấy tưởng như là nhẹ phơn phớt, bởi người phụ nữ Việt thường vẫn cố kìm giữ cảm xúc mình, nhưng thật sự nó trầm lắng và cứ cửa mãi vào lòng. Cái buồn man mác tỏa rộng vào trời đất, cỏ cây.

*Đêm qua Xuân chợt về
Trên cành sồi trước cửa
Ta bỗng thấy lòng đau
Nhớ về Xuân quê cũ*

...

*Mẹ ngồi bên bếp lửa
Tóc bạc bánh chưng xanh
Cha ngồi bên hương án
Mai nở vàng trên cành.*

...

*Sáng nay ta mở cửa
Tìm mùa Xuân qua đây
Chỉ thấy con chim con
Chết trên cành sồi gầy (21)*

Cái tình cảm đau xót nơi quê người đất khách ấy, cái nỗi nhớ nhà thiết tha ấy cứ miên man tỏa rộng. Như hương ngâu trong ngôi vườn của kỷ niệm.

*Lưu lạc bao năm đất nước người
Hương về quê mẹ vạn trùng khơi
Nhớ sao những buổi chiều êm vắng
Ngào ngạt hương ngâu tỏa khắp trời. (22)*

Người phụ nữ hay để ý đến thiên nhiên và có vẻ nhạy cảm đối với thiên nhiên hơn người nam. Nhưng thiên nhiên đó là thiên nhiên trong ý nghĩa của riêng họ. Cái thiên nhiên 卍 giữ và gửi lại trong lòng họ những thiết tha thầm kín.

...

*Tôi muốn biết những hoa thực quí cánh bướm
Có tươi vàng rực rỡ ở trong sương
Và rất nhiều hoa có đại ở ven đường
Vẫn âm thầm đua nở khắp đời vương ?*

Tôi muốn hỏi những dãy đồi thỉnh lặng
Mộng mơ gì sau những lớp mù giăng ?
Tôi muốn biết những hoa cà phê màu trắng
Có thoát hồn trong vầng vật những đêm trắng ?

...
Tôi vẫn nhớ chỗ người yêu tôi ngủ
Trên đồi cao cỏ mọc rất thông dong
Tôi muốn hỏi những con đường đất đỏ
Ngõ lên trời chẳng biết có gần không? (23)

Và : *Ôi dĩ vãng xa xôi, như phượng hoàng chợt đậu*
Xuống lòng ta, cây cỏ thụ buồn thương
Rơi rớt đâu đây quanh trí nhớ mù sương
Chùm hoa đỏ ngấn ngơ sầu mái ngói
Những viên sỏi còn vang trên dốc mòn tê tái
Khu rừng nên thơ ta đã gửi linh hồn
Những dòng sông xanh biếc lúc hoàng hôn
Những hạt cát thủy tinh thời trẻ dại... (24)

Hãy hình dung một người thiếu nữ, sáng sớm, ngồi uống trà. Tại
■■■ không? Hương trà, hương hoa đại buổi tình mơ, và kia, như là
có ai đang đốt lên một cọng nhang để thương nhớ người thân. Các
nỗi đoạn trường lại cuộn đến. Nhưng người thiếu nữ Việt đã được
tập để gìn giữ cảm xúc mình. Những giọt nước mắt lăn trở vào
lòng. Và, với mùi hương nhang, hương trà, hương hoa đại buổi
sáng sớm như thế, người thiếu nữ để mặc nỗi buồn bay đi.

Sáng ■■■ ngồi với chung trà
Trong gùi vừa nở một hoa đại vàng
Hiên ngoài ai đốt cọng nhang
Vài ba sợi khói mơ màng tỏa hương
Bao nhiêu là nỗi đoạn trường
Thoát nhiên thành những đám hương ven trời (25)

Người phụ nữ Việt nhìn cảnh sôi, nhìn hoa thực quí cánh bướm,
nhìn những dãy đồi thỉnh lặng, nhìn hoa đại vàng, nhìn dòng sông
xưa, nhìn cây cầu cũ... Họ không khóc, nhưng lòng họ xót xa như
muối bào. Và họ hỏi nhỏ: Có nhớ gì không trái tim ?

Mai một tôi về tóc đã bạc
Đứng trên cầu cũ nhìn sông xưa
Sóng êm như thuở còn tươi mát
Mười tám Xuân nghiêng nón đợi chờ...

...

Mai mới tôi về tóc đã bạc
Đứng trên cầu cũ, nhìn sông xưa
Sông ơi! Đá cũng còn cau mặt
Mà nước sông sao cứ lững lờ ? (26)

Trên những chặng đường ta đi tới, những ngày tháng tương lai
mỗi mòn mở ra trước mắt, nỗi nhớ không chút nào khuấy. Nỗi
nhớ vỗ lại bập bênh những cơn kỷ niệm. Từ sự đối mặt với đời
sống vội vã, hấp tấp mỗi ngày ta phải cố gắng hòa nhập vào, những
kỷ niệm của ngày xưa cũ như một cuộn phim quay ngược trở lại
trong đầu óc ta. Bước đi trên phố người, sao ta cứ còn thấy hoài
những ngọn lửa hồng quê cũ.

...

Chiều nắng vàng phương xa
Khói bay sau đồi vắng
Hay hớp hồng nhà ai
Chiều nay nhen lửa ấm ?

Ơi chút lửa yên vui
Không sưởi lòng buốt giá
Chân phiêu du một đời
Vẫn muốn tròng đất lạ (27)

Những chiều nắng vàng. Những sớm tinh mơ. Những tối quanh
quê. Sao ta cứ nhớ nhà. Có buổi sáng ở đây, nhìn ra không gian
bên ngoài, sao mắt ta lại thấy rõ ràng những hình ảnh quê hương.
Và nghe như có tiếng khóc trong lòng mỗi một con chim trốn tuyết.

Chậm rãi trôi qua những tối buồn
Những giờ quanh quất lái xe xuống
Những câu nhạt nhẽo trong điện thoại
Những hẹn xa nhau sống thật thường

Một sớm tinh mơ có tiếng gà
Tiếng người đi guốc chợ đường xa
Tiếng ru hèo hát trưa mùa hạ
Tiếng khóc trong lòng mỗi chúng ta (28)

Cuộn phim cứ tuần tự quay ngược trở về trước. Nhớ mùa Xuân
năm nào, trời đất tràn nắng, hoa mẫu đơn trên cành. Và em xinh
đẹp giữa lòng quê hương nhìn ta với vợ.

Sáng dậy, ô kìa, hoa mẫu đơn
Tay em mười ngón đẹp ngời son
Nắng trào trời đất, ôi, nghiêng ngửa
Ta gửi lòng em một chiếc hôn. (29)

Ta cũng còn nhìn thấy em ngày mùa Hạ. Tóc em thơm như nắng.
Nắng tháng tám làm em thơm mùi biển mặn. Ngọt đắm lòng ta.

*Tháng tám em ngồi ướm tóc mai
Mồ hôi em ứa giọt châu trai
Hé môi ta liếm mùi sông biển
Muối ngọt ngàn năm chẳng nhạt phai (29)*

Cuộn phim lại quay tới. Ta bỗng thấy ta thân thể lang thang lếch
thếch, ôm nặng một mối sầu đứng trước sân trường cũ. Bốn năm
tù ngục trên quê hương yêu dấu, bây giờ trở về thành phố, ta muốn
nhìn lại ngôi trường cũ.

*Bốn năm, chờ, trở lại đây
Thoảng nhìn sân nắng, lá bay xạc xào
Nụ cười xưa, nước mắt nào ?
Chợt buồn, thấy bóng cờ sao, trên đầu (30)*

Ta lại muốn trở về ngày xưa thơ bé. Và cứ muốn đứng nhìn lại
ngôi trường cũ. Muốn gọi lại tiếng Thầy kính yêu.

...
*Đời chỉ dạy anh mỗi ngày toan tính
Sống với hồn cuồng dần bước chân ngóng
Phải anh ngày nay vụn rời trăm mảnh
Tan tác cõi hồn đau đó theo dòng ?*

...
*Anh sẽ thăm Phan Chu Trinh trường cũ
Các Thầy nhớ con thằng bé M. xưa
Thế nào mai đây khi anh về lại
Kiền kiền sân trường chắc ướm thu mưa (31)*

Hãy tưởng tượng... Hãy tưởng tượng một ngày nào ta được trở về
ngôi nhà cũ. Vào thăm lại khu vườn xưa. Tất cả mọi thứ đều còn
nguyên vẹn. Và buổi tối, những tiếng mưa khuya diu dặt trở về.

...
*Hãy tưởng tượng trong khu vườn thuở trước
Cây ngọc lan ngày đó đã ra hoa
Mấy bụi cúc và một hàng thược dược
Mùi đất thơm cơn mưa nhỏ đầu mùa.*

...
*Hãy tưởng tượng khi bước chân lên gác
Bàn ghế còn nguyên, sách vở còn bày
Bỗng nghe thoảng tiếng mưa khuya diu dặt
Những giọt buồn rơi mãi xuống đêm nay... (32)*

Những cơn mưa lại đổ xuống làm ta nhớ. Mùa mưa xưa, có ta tuổi trẻ lớn lên đi giữa lòng quê hương mà nghe mưa thơm rớt hột. Lúc ấy, ta cũng cô đơn. Nhưng đó là cái cô đơn ngọt ngào thuở mới biết yêu em. Không phải cái cô đơn năm-tháng-vây-quanh-một-minh-đất-khách như bây giờ.

*Khi về bóng dựng đầu non
Ngang qua Thượng Tử lòng nao nao buồn
Tiếng ca con gái khơi nguồn
Lặn trong mưa lạnh nghe hồn trôi xa (33)*

*Ta đi lãng đãng cuối trời
Nghe mưa rớt hột nặng lời hoang sơ
Mùa Đông tàn tạ đổi bờ
Nhân gian lạnh mặt thờ ơ ta về (34)*

Ta vẫn nhớ thuở nào nhìn em áo mỏng qua sông. Trời mưa xanh lu màu khói sóng. Bây giờ, ta vẫn ước một lần trời mưa, mưa mãi. Như ước ao một lần nhìn thấy em ngày xưa con gái qua cầu.

...
*Qua sông thở khói sương mờ
Thấy em đuổi bắt những tờ thu phong
Con hờn kêu lạnh từng không
Rơi trên em đỏ một dòng nhật khoan.*

...
*Tóc xanh con gái bay hoài
Tóc tôi sợi bạc rơi ngoài trời mưa
Trời mưa thì mưa lụa thừa
Đùng mưa sấm sập, tôi chưa ngờ lời (35)*

Nhớ em. Nhớ em. Nhớ em. Chẳng phải là ta không nhớ quê hương. Nhưng em không phải là quê hương sao Em 11 tuổi trẻ ta, mơ mộng ta một thời mới lớn. Tiếng chuông, tiếng cu gù, mùa Xuân, tháng giêng, giọt nắng, nụ cúc, vàng hoa... Tất cả đều làm cho ta nhớ em và lại muốn quay trở về. Ôi, giàn lúa của lũ bạo thù kia xô ta biên biệt đi, đi mãi.

*Tình đã cạn khô trong trái tim
Người đi rừng có nhớ lời chim
Lối xưa em có về hong nắng
Nụ cúc vàng phai dưới mái hiên.*

*Tháng giêng phố cũ còn mây xám
Còn tiếng cu gù trên lũy tre*

*Tiếng chuông còn có khuya đêm vắng
Mùa Xuân còn hết những đam mê (36)*

Tưởng tượng một buổi nào ta về. Tất cả đều còn nguyên vẹn chờ đón ta. Như em ngày xưa bé bỏng. Ta vẫn tưởng tượng như thế. Nhưng ngày ta về thật, có chắc gì tất cả vẫn còn nguyên vẹn. Dù vậy, ta cũng sẽ cố về.

...
*Mắt đã mờ bởi dặm đường phiêu bạt
Ai chỉ giùm tôi ngọn nắng hiên ngoài
Ai dẫn dắt tôi sờ vì tường cũ
Hôn đột hoàng lan còn đọng sương mai.*
...
*Tôi trở lại vai cầu thành xa lạ.
Dòng sông xưa đâu tiếng sóng êm đêm
Áo ai bay xa xa ngoài đậu biếc
Chiếc nón dù dang khuất dưới hàng me... (37)*

Đó là Huế. Huế với dòng sông, với đậu biếc, với chiếc nón bài thơ. Với dáng em mềm dưới giàn me cũ.

Quê hương ơi, sao đây đáng nhớ. Nhớ phượng đỏ, nhớ trúc xanh, nhớ mai vàng, nhớ sen trắng. Nhớ những phố sông mù sương khi bóng thu chợt xuống. Nhớ những quán chiều buồn lạnh rớt đầy vai. Nhớ ta dọc phố nhìn bóng chiều lặn dần. Nhớ dáng em gầy như một cánh hoàng mai. Những cơn nhớ về, bây giờ, lại ủ mềm trái tim ta tội nghiệp.

*Vẫn mù sương phố sông này
Về nghe vàng lạnh xuống đầy mấy vai
Không em đầu ngõ trúc mai
Phượng bay rồi bước chân tôi ngập ngừng
Ngành trũng nắng chết mệnh mỏng
Người lên tiếng gọi vọng không âm thừa
Quán ngồi chưa mời lưng thưa
Đã vai chiều lệch so vừa bóng thu
Kính chào Huế rất sương mù
Mình tôi dọc phố âm u lạnh thăm
Thơ nào vừa lỡ giọng ngâm
Rượu nào vừa rót tay không đưa mời
Bạn bè ơi, Huế tôi ơi
Chìm theo chiếc lá vàng rơi tan mùa (38)*

Ôi, những hình ảnh tha thiết ấy cứ mãi trở về lênh đênh trong trí nhớ ta mịt mù sương khói. Ta cũng muốn trở về Đà Lạt nhìn lại những con đường nhòa nhạt mưa bay.

...

Phố còn ai đó chưa đi
Quán Tùng ghé lạnh mình ghi lấy nhau
Phố cao nguyên buồn rầu rầu
Hòa Bình đây chỗ rên đau con đường
Ngó nghiêng hồ nước Xuân Hương
Hôn nhau lần cuối bên vườn Bích Câu (39)

Hay là ta về Sài Gòn nhìn nắng trắng bao la. Ngã tư Sài Gòn ngọn đỏ
ngọn xanh vẫn còn chớp tắt hoài trong ta những ngày viễn xứ. Có
thể chẳng ta lại thấy em? Em, vạt áo mềm khép hờ yêu thương
những ngày Sài Gòn bập bênh góc nắng.

Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế
Nắng rơi trong đầu những trắng bao la
Còn đôi mắt tôi ở Nhà Bè ở Gia Định
Ở Ngã Tư Bảy Hiền ly nước mía, má, môi

Em đạp xe mini trời gió mềm trong áo
Thành phố bập bênh trôi giữa nắng mênh mông
Sợi tóc chẻ hai gần đường xích đạo
Vạt áo sau lưng khép hờ Sài Gòn (40)

Những bước chân ta về trong chiêm bao thơm mùi hoa cau hoa
bưởi. Em dịu dàng còn đứng mãi vườn sau. Ta sở mãi một gian
nào ㅈㅈ mất. Nụ hôn đầu em còn giữ cho nhau ?

Người về hoa bưởi chiêm bao
Mất trong cõi khác, hình hao vóc gầy
Hồn cây nguyệt quế góc này
Đã mừng mừng đổ những ngày còn xanh (41)

Đôi khi, đời sống lấp lửng và mịt mù ở đây khiến ta nhớ mãi dịu
dàng bước chân em. Ta tự cào cào hồn xác mình trong những ngày
lưu thân nơi xứ lạ. Ta cầm thanh kiếm mỏng chặt ngang đầu mình
mà nghe dòng máu nóng chảy nhịp ba ngoài huyết quản. *Ta đã làm
chỉ đời ta? Ai đã làm chỉ đời ta?* (Vũ Hoàng Chương)

Thấy ta đứng giữa điêu tàn
Dưới trăng cổ độ, bạt ngàn núi sông
Thấy ta rao bán linh hồn
Xôn xao ác quỷ, lạnh lùng dã nhân
Thấy ta xương thịt mủn dần
Máu khô thân mộc, da xăn gốc đũa
Thấy ta tình gửi cây cà
Giấu trong luống cải nụ hoa ngậm ngùi. (42)

Ta đau đớn thành ngàn cơn thác loạn. Nói làm sao, ai hỏi những nỗi buồn? Đôi lúc ta ngồi nhìn ta mà thấy mối sầu mừng mủ vẫn còn nguyên. Bây giờ, ta không còn *tình yêu đàn ông ba mươi tuổi, áo lụa Hà Đông* đã bay ngoài cõi mịt mù. Bây giờ, quân cường đạo đã kết vòng gai dữ dội lên đầu quê hương, và ở đây, ta ngồi nhìn ta sầu về thiên cổ :

*Ta ngồi nhìn cánh tay xăm
Hỏi thăm đời trước, truy tìm đời sau
Mang về mấy chục đầu lâu
Luân hồi chắc dứt, nỗi sầu còn nguyên. (43)*



Thôi, ta lững thững bước đi trong khi chiều tà xập xuống. Có còn ly rượu nào không ta tự rót cho mình.

*Rượu mời ta rót cho ta
Bạn gần không tới bạn xa chưa về
Rót nghiêng năm tháng vào ly
Mắt nheo bóng xế tay che tuổi buồn
Rót đầy băng giá cổ đơn
Rót thao thức nhớ rót hờn giận quên... (44)*

Bạn bè, anh em, sao giờ đây mọi người đều vắng bóng. Chẳng còn một người cùng ta đối ẩm. Ta biết nhìn ai, ngó ai. Thôi thì ngó ra xa mãi ngoài kia cái bóng tím thẫm của buổi chiều vẫn còn đang hoang mang xập xuống.

*Ngó đời lẩn lóc vòng xe
Rã rời xích chuyển ê chề bánh xoay
Ngó lui hun hút đêm dài
Những xuân đã lạnh, những đời đã xa
Rót thêm ly nữa mời ta
Cái say như muốn chuyển qua cái sầu... (44)*

Trong cái buổi chiều đang chập choạng xuống ngoài kia, ta ngồi nhìn lại chân dung mình mà nghe như giữa lòng sông cũ quê nhà, con sóng vẫn còn thăm thì hoài tiếng thời gian đầm đầm xuôi chảy. Ta bây giờ xa tấp. Ta như con thuyền mới mọt ở mãi nơi cuối bãi đầu ghềnh.

*Nổi gì nghi hoặc năm năm
Thân phơ cuối bãi hồn nằm bến xa
Bốn mươi tí tấp Quê Nhà
Cánh cao chim nhỏ chiều tà không quên*

*Xe khuya nhớ phố không đèn
Đồng hoang nhớ ruộng quen quen nhớ người
Ngậm ngùi nhớ bản thân tôi
Khỏi quên nhớ bạn ly vơi nhớ thù... (45)*

Ta bây giờ như một con chim trốn tuyết. Ta biết trốn vào đâu, hay là tự trốn vào nỗi buồn mình. :

...
*Bốn mươi nghi hoặc nổi gi
Lòng sông bóng nguyệt thăm thì thời gian
Con chim trốn tuyết xa đàn
Để tôi về ẩn nỗi hàn trong tôi (45)*

Chắc chắn, rồi một ngày kia ta phải trở về. Dù ruộng vườn xơ xác, dù cỏ lá buồn tênh. Dù anh em con cháu bạn bè mặt lạ mặt xa. Ôi, ta đã xa nhau tự bao giờ ?

*Sinh ở đâu mà giạt bốn phương
Trăm con cười nói tiếng trăm dòng
Ngày mai nếu trở về quê cũ
Hy vọng ta còn tiếng khóc chung (46)*

Tiếng khóc chung. Đó là lời sơ khai tự ngàn xưa để lại. Chẳng biết đến bao giờ ta mới lại gặp nhau? Ôi đất, ôi trời, ôi bông hoa vãi. Ta giữ trong ta hoài cho đến mãi xưa sau.

Lại nhớ về cái thời ngày xưa tuổi nhỏ. Mấy trái mù u, những cây bông sao, rừng bần ở Cù lao Rừng. Mấy con ngỗng trắng. Ừ, mấy con ngỗng, chẳng biết bây giờ chúng nó ở nơi đâu.

...
*Hai con ngỗng trắng trên sông Cửu Long
Tuổi thơ ấu hái bần chấm muối ở Cù lao Rừng*
...
*Những trái mù u của thời bé nhỏ
Những bông cây sao rơi rụng hàng ngày
Mỗi chiều đi tắm sông
Chơi với những con cua con còng sơ sinh
trên đất phù sa Tây Tạng*

...
*Mỗi buổi chiều người lạ bán ngỗng bên cồn
Máu đỏ cả một dòng sông Cửu Long dạo đó
Ngỗng biển mất*

*Tuổi thơ của thằng nhỏ cũng không còn
Những ngày héo hon ngó mòn con mắt
cũng không thấy được ngổn trời
Tha phương cầu thực đất khách rã rời
Mùi thơm của con sông chiều nay hiện tới... (47)*

Ngoài trời bây giờ lại mưa. Mưa như trút nước vào lòng. Mưa rơi ướt đầm trên mặt mày ta và ta để hai dòng lệ chảy tuôn thoải mái. Ô, tiếng mưa giục nhớ quê nghèo. Nhớ bóng súng tím cheo leo giữa đầm. Nhớ con chiến chiến cà lăm. Nhớ kinh, nhớ rạch, nhớ tằm, nhớ tơ. Nhớ ta lếch thếch không ngờ. Nhớ em ở lại giữa bờ tử sinh. Nhớ ta ngồi khóc một mình...

Sao lũ bạo thù không tin tưởng vào trái tim nhân loại, vào trái tim chan hòa dân tộc của chính người Việt Nam, mà lại ôm cứng mãi một chủ nghĩa đã chết yếu từ lâu? Để giờ này ngồi nghe mưa mà nhớ Nước.

...
*Mưa rơi còn nhớ tôi không?
Nhớ kinh Xáng Múc nhớ giếng cái cao
Nhớ cây me, nhớ gốc đào
Nhớ bóng súng tím nhớ màu lúa non
Nhớ con chim hót bên đồn
Và tôi buồn nước trên ngườn ra khơi
Chiều nay mây trắng đâu rồi?
Bỗng nghe tiếng mõ chuông hồi ầu thơ*

...
*Mưa rơi mù lấp quê nghèo
Biển đông sóng dữ sầu đeo cánh bướm
Cộng rong còn gửi lại vườn
Thì con tim đập nhịp buồn Việt Nam
Giữ cho tôi phần hương tràm
Cái ao cá lội cái đầm hoa sen
Giữ cho tôi tiếng chim hiền
Hót bên đồng nội nghiêng nghiêng nắng vàng (48)*

Tối qua, mưa buồn thăm thiết.
Sáng. Bây giờ, trời trong xanh, đỡ nhẹ hồn ta lên cùng với nắng mới thơm thơm mùi lúa non.

*Đốt cối thuốc buổi sáng
Nắng đợi qua vườn xanh
Ngày trở mình đang dậy
Chân mây vươn nụ hồng (49)*

Nắng nâng hồn ta lên, và ta trực nhận rằng dù trong đoạ đầy, đau khổ, nếu ta còn giữ lại được cho mình một trái tim, ta sẽ còn đủ sức sinh tồn để nhìn một ngày mai mặt trời rực sáng trên quê hương sông núi. Đó là điều ta muốn nói cùng em, hỡi em yêu dấu :

...

*Đó là điều ta muốn nói cùng em
Tìm mỗi nhịp bật ra từng nghĩa sống*

...

*Rõ chứ em? Đau khổ suốt một dòng
Dòng chảy qua kiếp người hữu hạn
Và hạnh phúc, hình dung như dấu đạn
Bia-đời-người với tất cả hân hoan
Mãi đón chờ, hứng nhận đến tan hoang
Vẫn không biết đạn từ nòng-bất-hạnh ! (50)*

Nắng càng lúc càng lên cao. Mặt trời càng lúc càng lớn dậy. Cây lá càng lúc càng mượt mà. Ta bỗng lại muốn cảm ơn đời. Thì trời đất cũng vẫn gần gũi với con người. Ta chẳng còn quá ưu tư như đêm qua khi mưa mù giăng khắp. Bây giờ, ta ra vườn.

*Sáng sớm ra làm vườn
Nhặt con sâu xanh leo trên bờ đậu
Ném vào hư vô mịt mùng sâu thẳm
Cho lá non kịp lớn với mặt trời đang lớn*

...

*Sáng sớm ra làm vườn
Gầy lại màu xanh của lá
Cho hồng màu hoa
Cho thơm mùi cỏ
Hăng mùi lá mục quê hương
Nồng tình yêu của mẹ
Vườn kỳ vọng của cha
Cho đất trời lại là đại ngã
và ta
Đứng giữa loài người (51)*

Ồ, những cọng rau ở góc vườn kia. Sao chúng xanh mượt đến thế. Đó là những cọng rau cũ ngày xưa ở nhà. Bạn bè mấy đứa ngồi đây quanh bàn trong một góc vườn, nhìn lên mệnh mang trời cao xa tắp. Bây giờ vẫn cọng rau rậm ấy. Tóc cũ thay hồ may trắng bay.

*Ra vườn ngắt cọng rau răm
Niềm quê chợt nhủ nửa mầm đau thương
Đắng cay chút vị tâm thường
Bữa cơm đất khách bỗng vương chút sầu (52)*

Cọng rau răm đã vậy, bụi ớt thì sao ?

*Hình như bụi ớt se mình
Rễ cay đắng hội nhớ tình đất xưa
Chín năm bèo bọt gió đưa
Triều âm vẫn mặn trong mùa trở bóng
Trái buồn chiều quai cành cong
Lá xanh úp mở cũng vòng tay cầm (53)*

Trời lại giăng nhẹ một cơn mưa bụi. Thời gian lại ■■ vào Xuân trên xứ người.

*Tháng sáu vào Xuân nơi đất khách
Cali còn lạnh, gió bay mau
Đầy trời hoa tím miền man rưng
Hoa nở trên hoa, đất đổi màu*

...

*Ngơ ngẩn bên đường lạnh thấm sâu
Còn mơ tiếng mõ gọi xưa, sau
Cổ hương sao nhớ mùa soạn rưng
Mưa tím chiều Xuân khuất nhịp cầu... (54)*

Mùa Xuân ở đất trời xứ người làm cho ■■ nhớ mùa Xuân quê nhà. Ở đây, ta luẩn quẩn đi xuôi ngược tìm lại chút Xuân ngày cũ, sao hoài biệt mù không thấy. Chỉ có cọng cỏ vô tình nở xốt hồn ta.

...

*Rượu bát Xuân phố phường building
Khe xi măng nở cọng vô tình
Ở đây đồ thị đời xuôi ngược
Lối ngõ nào cho Xuân nó xanh ?*

*Đâu phải vì say lợp rượu đông
Đâu phải vì say hộp rượu đông
Mà quên dân cột chữ Xuân hồng
Ngoài kia hoa đậu lòn phen tuyết
Những nhánh còm run trốn gió đông
Ta trốn ta bằng những bước quanh
Tường giam bốn phía khóa xuân hành*

*Đi lui đi tới vòng xuôi ngược
Luẩn quẩn đành rơi rụng mất Xuân (55)*

Ngồi trong tường giam bốn phía, ngoài kia có thể tuyết lại đang rơi, ta cứ vẫn mãi thiết tha nhớ về những mảnh trời quê. Những đêm ngồi nhìn đóa quỳnh vàng màu trắng cũ. Hương trần gian thơm một mùi cổ tích. Đêm ngọt ngào mở nhẹ như tấm ■ ai dãi ngoài kia. Bây giờ, một mình ta ở đây ngủi nhớ.

...
*Vèo bay cánh nhận mù khơi
Còn ta lấy mảnh mây trời làm duyên
Tâm nghe ụp đổ trống chiêng
Mà hồn biên tái ngã nghiêng dốc sầu
Dường như tàn một canh thâu
Vẫn quanh quẩn hỏi về đâu cội tình
Ra sân thăm ngọn hoa quỳnh
Quỳnh rơi trên đá lạnh thình nguyệt tà... (56)*

Cành hoa giục nỗi nhớ. Ta khóc bao giờ mà lệ chảy chan chan.

...
*Có nghe sương khói nào nề
Lệ ta ướt đầm bốn bề đỏ em
Vạch hai đường máu tím tím
Ôi tìm dị chủng biết tìm nơi đâu
Nhớ quê bạc nửa mái đầu
Lòng quê khói dậy mạch sầu đầy vơi (57)*

Nhìn ngược, nhìn xuôi, ta lại chỉ thấy có một mình. Ngày Xuân không một người bạn. Ôi, những thằng khổ hạnh. Tóc râu các người chắc bây giờ đã bạc. Nhưng ta biết, các người vẫn còn giữ mãi ngọn lửa nuôi lớn chí, thù.

...
*Xuân ta xứ lạnh mùa Đông
Nhà nhà lắng tiếng pháo hồng im hơi
Đón Xuân như một trò chơi
Tàn canh vắng lắng tiếng cười nhẹ tênh !
Một mình ngồi tựa chêngh vênh
Trăng đêm gọi nhớ dăm tên bạn bè
Thằng ở tù vẫn chưa về
Thằng treo mạng sống gần kề vực sâu
Thằng khổ hạnh bạc tóc râu
Thằng nuôi chí lớn phục thù quê hương
Còn ta, thằng lỡ độ đường... (58)*

Nhưng, quê hương ơi, rồi ta sẽ trở lại. Ta đã một lời hứa sắt son.

...

Ôi kinh đô! Ôi quê nhà!
Triều đã dậy cuốn theo triều đổ vỡ
Thành xưa còn nguyên vẹn giải khăn số
Xin chớ khóc

vì lời ta đã hứa

Đưa trăng về cho núi giữ kinh đô (59)

Và Mẹ, Mẹ có còn không khi con trở lại? Hay là con chỉ còn nhìn thấy hoa trắng đầu cành, như chiếc khăn tang chít lên lòng con nhớ Mẹ ?

...

Bao giờ trở lại khu vườn ấy
Hỏi ngọn ngành hương cây để đâu
Mẹ chẳng còn đây khi nắng dậy
Đáng lòng hoa nở trắng đầu bóng... (60)



Thi sĩ, người đã bước chân đi giữa lòng ta nước mắt. Người đã là ta trong khắc khoải ghen lời. Một lúc nào đó, ta đã không còn nhìn người như một người ngoài, bởi lẽ, người đã bước vào lòng ta, và tâm tư người cũng như ta đã chỉ như những dòng máu nóng qui về một mối. Dòng máu truyền đi từ những ngày xưa huyền sử. Nếu người và bạn hữu có ở quê nhà cương quyết giữ thơm dòng lửa thiêng bùng cháy, hãy tin rằng bên kia một bờ biển, vẫn luôn còn có những người hăng hăng son sắt vững một niềm tin. Thi sĩ, ta vẫn nghe người cất tiếng.

...

Sống với quỷ tao không hề đổi chác
Để dầu chi cảm dỗ được tâm hồn
Súng kẻ hòng vẫn không ngừng ca hát
Cho dầu người nghe chỉ có một mình

...

Gửi tặng chúng mày một đêm tóc bạc
Một sớm mưu toan, một tối nằm tù
Chúng mày ở xa chúng mày hẳn biết
Có những kiếp người bọt nước phù du... (61)

Vâng, có những kiếp người bọt nước phù du. Nhưng ta hiểu dù gì đi nữa, bằng hữu ta vẫn còn tiếp tục nhìn thẳng về phía trước, trực diện với thù. Ta ngồi đây, một mình, nghe gió mưa thổi mãi trong

lòng. Và trái tim ta bật khóc.

Sáng nay có gió trong lòng
Có mưa trong trí phủ vân trong người
Có tôi ngồi cạnh tôi thôi
Hai tay tê dại ngó đời đi qua
Trời trên đất dưới mù sa
Dương gian có lúc nghe ■■■ tuyền đài
Quỷ về lồng lộng thiên thai
Nước non tân khổ sau ngày binh đao
Sáng nay mới đúng bề dâu
Trong tôi bật khóc lần đầu, thanh niên... (62)

Rơi xuống, giọt nước mắt của người đàn ông nhớ bạn bè, xót quê hương đất nước. Giọt nước mắt ấy không làm lòng ta mềm yếu, nhưng làm cho lòng ta khắc sâu sấn sứt lời thề.

Tổng cụu nghinh tân đá của ra
Vĩ Xuân hồn mở một phần ba
Hai phần ba khép: khu nghiêm cấm
Là chỗ mài guơm của mối thù (63)

Lời thề vẫn còn ghi dấu ấn nồng trên trái tim ta. Đời sống này cuộc vui thừa mứa, sao ta vẫn hoài hoài trần trố. Quê hương bấy giờ khuất lấp mặt mừng. Ôi, ta là ai? Ta là ai mà nằm đây quần quại mãi.

...
Ta là gì ?
Phải chăng ta là những con tàu viễn xứ
Vượt trùng dương về ngự trị cạnh ngàn lau
Là thái dương soi sáng những tình cầu
Cho vũ trụ không còn tăm tối nữa
Là bóng mộng trường chinh dập dờn vỏ ngựa
Thời Quang Trung tuổi lửa sáng bùng lên

Ôi ta là ai ?
Mà nằm đây quần quại mãi
Khép hồn đơn trong gối mộng ơ hờ.

...
Anh vui lên
Ta buồn chi cho điêu tàn tuổi lửa
Mấy năm trường cần cõi thép tình hoa
Thì thôi lỡ bước xa nhà
Dầu cay đắng mấy cũng là chiêm bao

*Ngày mai rồi có ngày nào
Cưỡi voi theo gót ai vào Thăng Long... (64)*

Ta vẫn còn nhớ mãi những ngày rừng núi quê hương, bạn bè bên nhau sinh tử.

*Ừ mai tao lên Pleiku
Đêm cảm hơi đá ngày mù núi xanh
Uống say quên mộng quần quanh
Về nơi gió cát cũng đành cuộc chơi (65)*

Rồi quê hương ngập ngựa bóng thù. Ta may thoát vòng lưới chụp, nương mình thê thảm ở chốn tạm dung.

*Ở đây thăm một hành trình
Ngẩn ngơ thân thể nấu mình cho qua
Tôn che lửa hắt nắng nhòa
Đâu manh nhớ vụn đâu tà áo quen
Ở đây dầu dãi biển quên
Tay giờ góc tối chân chen cuộc sầu
Nắng mưa trái mộng nát nhàu
Lạc con đồng thiếp chìm sâu chỗ nằm... (65)*

Và rồi con dấu đỏ đóng xuống đời ta, giam ta nơi vùng đất mới.

*Đến rồi dốc nhớ chập chùng
Nát nhàu áo bụi mông lung nu cười
Phải đây tạm ngụ xứ người
Đỏ con dấu đóng một đời quần quanh... (65)*

Nhưng, có thật ta sẽ bị cầm giữ nơi chốn quê người? Không đâu, ta vẫn còn nhớ mãi những thăm cảnh quê hương. Có người Việt Nam nào không nhớ. Có cần nhắc lại không ?

...
*Nhớ gì không
Còn nhớ gì không hở Gia
Con mắt chó trung thành rơi trên nền đất cứng
Bà lão cụt đầu lỏa lổ bên bờ nương
Đứa nhỏ chết cứng trên đỉnh vú xanh
Những phát chày vỡ những cơn lửa táp
Người đàn bà rái cá bà mẹ xoa tóc điên
Những kẻ tội nguyên bị tra tấn
Những kẻ âm thầm gục dưới gầm cầu*

Những kẻ bị thủ tiêu trong rừng vắng
Nhớ lấy Gia
Nhớ lấy ngàn đỹ thứ
Để mai kia
Vào những đêm mùa Hạ thật vắng vẻ
Mày kể cho giun để nghe... (66)

Những kinh hoàng thâm thương ấy, làm sao ta có thể quên. Ôi, biết bao lần ta đã lặng lẽ đi nhặt xác dân, nhìn em lạc thần bên bụi chuối cháy xém ■■■ nhà. Bây giờ, ta ngồi ở đây một mình. Thấy lại tất cả mọi chuyện.

...
Bụi chuối ở nhà ■■■ cháy xém
Lúu rúu chân giữa đám tro tàn
Ta đã tổng nhau vào tấm ảnh
Gửi kinh thành làm chứng đã man.

Quân em chỉ còn trong ký ức
Ta bây giờ mặc áo thư sinh
Sân đại học sao mà vắng quá
Xin quanh co ngồi nói một mình.

Thưa bom đạn trong đầu vẫn nổ
Ta lênh đênh kiếp sống lưu đầy
Có lúc tưởng mình cảm thiết quải
Trên trời quê cười một đám mây.

Bay đáp xuống bắt tên bộ đội
Đánh thật đau rồi mới thả ■■
Và được thấy bóng em đi chợ
Áo dài xanh thấp thoáng đôi tà

Trưa ấy trời nắng bùng nhảy nắng
Em gặp ai đừng hể mới cười
Ta sẽ đứng núp trong nhân ảnh
Ném giỏ em mấy đoá hồng tươi(67)

Đó là cái ước mơ hồn nhiên xanh ngắt mà sống giữa đời sống này ta vẫn muốn còn gìn giữ. Nhưng nếu ta chưa kịp về, và nếu ■■ có vượt biển, hãy nhớ mang đến cho ta những chứng tích quê hương. Để ta tiếp tục nuôi lớn ngày về.

Khi nào em vượt biển, Mang giùm tôi nỗi buồn
Trong nhà giam hiu quạnh. Đêm mờ mịt mưa tuôn

...

Mang giùm tôi nước mắt. Mẹ héo hắt nỗi niềm
Mang giùm tôi đêm vắng. Ngọn đèn mù giới nghiêm

...

Mang giùm tôi tang trắng. Cuộc chiến mấy mươi năm
Tim khô trong lửa đạn. Mắt đỏ rục hờn căm
Khi nào em vượt biển. Mang giùm tôi què hương
Dù chỉ là chiếc lá. Em nhặt nơi góc đường (68)

Hỡi em, khi nào em vượt biển, hãy nhớ mang giùm ta tất cả những chứng tích què hương đó. Ôi, đời sống ở đây! Đời sống ở đây không có những chứng tích buồn thảm và thiết tha như những ■ ta vừa nhắc đến. Đời sống ở đây ngày đông thì dài thăm thiết, mà lòng ta thì đã trắng xóa những đám sương mù. Ở đây, còn đâu từng buổi nắng mưa ngày cũ. Những giọt ■ me buồn bỗng rớt xuống lòng ta. Chiều ngỡ hạnh áo ai mềm trong gió. Ôi nhớ, ôi thương, những dáng què nhà. Bây giờ, phố người, ■ đưa tay sờ vào cuộc đời lạ lẫm.

...

Ở phố X mùa Đông dài sáu tháng
Có áo bành tô che kín mặt mày
Đội tuyết đi xem cuộc đời lạ lẫm
Một ngày buồn khời rưng trên tay.

Ở phố X phố nhà đủ cỡ
Tìm đâu ra một lối hẹp vừa
Một ngõ thân thương níu đời ở trọ
Có bạn bè về kể chuyện nắng mưa.

Ở phố X thềm ngồi quán ngọ
Nhớ bóng ■■ cao đụt bóng bên đường
Những chuyển xe qua mặt mù bụi đỏ
Một tối đi về me vẫn chờ com... (69)

Ở đây, có những lúc, lòng thật bình yên mà sao buồn quá, giãi mình nhìn tới ngời khóc bao giờ.
Đời sống ở đây lâu ngày rồi có thể như chiếc rọ cầm chân. Có như thế không?

...

Ồ, tuổi trẻ Việt Nam trên vùng đế quốc
làm thợ làm công
Điệu Blues đen nhuộm đen đời bơ sữa
Đâu buổi lên thuyền vết cháy đốt tim ■

Giờ em làm công làm thợ
Tuổi trẻ chúng ta sắc mùi để quốc
Mắt hau háu nhìn những giấc mơ sang

...

Ồi Si bémol đen cuối octave trầm
Cuối cuộc đời mòn, trong ta, bốn năm !

...

Đứng dậy đi anh em ơi
Đừng để tim ta đập nhịp hai đồng lửa
Nơi chúng ta chắc chắn là không phải nơi đây
— Mỹ châu trong niềm hoan lạc—
Hãy đốt tim ta
như buổi bước lên thuyền (70)

Ta sẽ về lại quê hương cho dù bao nhiêu chông gai quân thù giăng mắc. Ta sẽ về để thấp sáng lại bình minh trong mắt Việt Nam. Có người chiến sĩ vườn ngâu Tân Phú, một sớm nào trở về với ước mơ dựng lại quê nhà.

...

Anh về đây cùng dăm anh em lập chốt ngăn thù
Lá ngâu xanh bạt ngàn che màu áo trận
Hoa ngâu vàng sôi thêm niềm căm phẫn
Anh về đây, về đây cố thủ đất quê hương
Anh về đây, vườn ngâu phảng phất hương rừng đất núi
Lam Sơn
Của một thuở nào cha ông phất cờ trung liệt
Bao nhiêu lần giặc xua quân càn quét
Cùng với anh, vườn ngâu hôm nay thành lũy thép ngàn thù
Giặc điên cuồng, giặc sợ sệt, giặc lo âu
Chúng hạ lệnh diệt anh bằng mọi giá
Anh quận đau nhìn từng anh em mình gục ngã
Dù cái chết của mỗi người đã đổi đến gấp mười lần
bọn giả hiệu nhân dân... (71)

Nhưng lũ giặc thù đã rình rập bữa vây, chúng tấn công anh bằng cả rừng người mà chúng tự hào là đánh Tây đuổi Mỹ.

...

Hùm thiêng sa cơ rồi, trời ơi, anh rơi vào tay giặc
Trên vòm đêm âm u, ánh sao mai dăm đĩa nước mắt
Lá ngâu xanh run từng loạt kinh hoàng
Hoa ngâu vàng tan tác rụng đau thương
Đất Tân Phú khuya nay cũng nghe chùng dậy sóng

*Chúng dẫn anh đi giữa trùng trùng lê, súng
Giữa sáng mù sương chúng cho quân đi tập hợp xóm làng*

...

Chiến sĩ vườn ngâu

anh,

người chiến sĩ vườn ngâu Tân Phú

Anh nằm xuống nhưng vườn ngâu vừa đứng dậy

Điệp trùng màu hoa vàng anh dừng của quê hương

Anh chiến sĩ ơi, anh chiến sĩ rất can trường

Anh chết nhưng khí hùng anh anh còn sống mãi

Giữ lòng người, lòng đời và lòng thế kỷ

Hoa ngâu vàng thơm ngát bước anh đi

Và còn đây, còn đây những tay súng kiên trì

Quyết chiếm lại vườn ngâu thuở trước (71)

Nghe đầu đây như có lời sông núi nhắn gửi người anh hùng trước
khí nhám mắt :

...

Ta không gửi anh lệ mẹ

để dịu vơi cơn khát

đây dòng nước từ đỉnh cao liên đới

Và để anh bớt đói

ta không gửi hạt ưu phiền đang hóa thành kiếng vụn

mà gửi anh tủy xương hy vọng cường tráng sinh sôi

...

Ta sẽ liệm anh bằng gió

thấp sáng anh bằng sao

với câu ca ta dệt lời cầu nguyện

với hoa hồng đắp ấm thân anh

với cát ta anh sẽ tồn vinh vinh cửu (72)

Phải, ta trở về quê hương là trở về với vòng tay của Mẹ. Dù thắng
hay thua đã một lời thề. Trong ta đã nghe tiếng cờ reo phần phật.
Ta trở về để giữ trọn tình quê.

...

Hãy nổ súng đi

những phường bạo ngược

bắn vào ta là chém nước trên sông

...

Hãy nổ súng đi

đây thân của Mẹ

chết là hòa vào tiếng hát quê hương... (73)

Ta đã đi gần như hết con đường khổ tự .Trái tim ta, hơn mười năm
qua, đã đo gần hết những nỗi xót xa của loài người. Hãy nhìn lại
trái tim ta như nhìn lại vết cháy buổi lên thuyền. Bình minh ở quê

hương ■ bây giờ chỉ còn là một bình minh cảm. Loang loang màu cờ đỏ. Hãy mài lại gương thiêng trong mắt Mẹ và lên đường quang phục quê nhà.

...

*Đường ta đi còn mù mịt xa xăm
Hỡi nhân loại mới mồn kia có biết
Đầu cách biệt quê nhà nhưng chưa hết
Hẹn ngày về mưa gió sẽ tan đi*

...

*Gương thiêng mài trong mắt Mẹ tự nghìn khuya
Mắt đất nước, con phải giành lại nước
Triệu sinh mệnh hợp thành ngọn đuốc
Rực hồng lịch sử uy nghi. (74)*

Đêm Việt Nam rồi sẽ sáng lòa dòng sử lịch. Một bình minh mới phụt cháy. Và ngày Việt Nam sẽ là ngày riu rít tiếng chim, vàng tươi dáng nắng. Ta sẽ bắt gặp lại được những con người Việt Nam như thực, chân vững trên đất quê hương và đầu thì ngẩng cao hướng về hồn thiêng sông núi. Trái tim Việt Nam bây giờ lại vô đập những tiếng an bình, thanh thoi và thiết tha ngày cũ, như lời ru ạ ời trong dòng ■ dao muôn đời của Mẹ.

Ngày ấy, Việt Nam.

3

Thơ, như thể, là trái tim, là mạch máu chảy tuôn trong dòng sống con người. Không có thơ, ta ghen lời cạn tiếng. Và ta sẽ sống như trở về những thời đại hoang dã nguyên sơ.

Thơ là sáng tạo.

Những vũ trụ thơ ■ những vũ trụ được bùng mở trong năng lực sáng tạo của trái tim con người. Trái tim là những mặt trời bất lửa soi sáng những vũ trụ thơ.

Chỉ khi trái tim búp tất, Thơ mới dừng ngưng mạch sống.

Thơ cũng là phản ánh, soi chiếu tình cảm cũng như đời sống của ta. Nó vẫn là tấm gương soi luôn luôn quay tới. Nó làm hiển lộ con người nói chung, và làm bật sáng chân diện mục của người thơ nói riêng.

Thơ là khơi mở. Như hoa lá mở ra cùng trời đất. Như trời đất mở ra cùng vịnh cửa, thiên thu.

Thơ, cốt ở tâm người thi sĩ. Cũng như những vòng tròn loang rung trên mặt nước kia đều bắt nguồn tự nơi hồn sỏi chúi đầu.

Nguyện cầu cho trái tim con người không bao giờ búp tất.

Bùi Vĩnh Phúc

tháng giêng quê người, 1986
huntington beach, california

Ghi chú :

01. Thư quê hương, Cao Tần
02. Trà của một ngày giả bệnh, Ngu Yên
03. Trọn đời không rời bỏ quê hương, Đinh Tuấn
04. Xuân trên đất người, Huy Lực
05. Tôi đã khóc, Trần Phùng Linh Duyên
06. Thơ đầu đời cho bé Thụy Mi, Hoàng Khởi Phong
07. Nhập cuộc tử sinh, Đinh Tuấn
08. Cho quê hương và người tình lỡ, Hà Huyền Chi
09. Thơ cho vợ, Luân Hoán
10. Ta thật tình buồn hộ cho những bạn ta, Hoàng Khởi Phong
11. Đồng quê ta, đồng quê người, Hà Huyền Chi
12. Ca Dao, Nguyễn Đức Lập
13. Những tháng ngày ở lại, Chu Vương Miện
14. Mưa ở Arlington nhớ mưa quê nhà, Giang Hữu Tuyên
15. Có buồn không hỡi những dòng sông, Giang Hữu Tuyên
16. Trăng xưa, Đinh Nguyên
17. Một thuở buồn như sông, Hoàng Chính Nghĩa
18. Phù sinh, Hoàng Chính Nghĩa
19. Bờ em áo tím, Vũ Dung Tâm Minh Hằng
20. Uống rượu bên sông, Hoàng Phú Hoan
21. Xuân, Trần Mộng Tú
22. Quê mẹ, Trương Anh Thụy
23. Thư về Ban Mê Thuột, Đặng thị Quế Phượng (Liege, Belgique)
24. Chốn cũ, Thi Thạch
25. Đám hương, Đặng thị Quế Phượng (Toronto, Canada)
26. Mai một tôi về, Vi Khuê
27. Chiều nắng vàng phương xa, Đào Trường Phúc
28. Tiếng khóc trong lòng, Nguyễn Bá Trạc
29. Xuân - Hạ, Võ Đình
30. Từ về, thăm trường cũ, Nguyễn Tư
31. Khi nghỉ một giờ ở trường, Nguyễn Nam An
32. 1980, Bùi Bảo Trúc
33. Đi ngang Thương Tứ chiều mưa tháng 11, Huỳnh Liễu Ngạn
34. Mùa đông về thăm nhà, Huỳnh Liễu Ngạn
35. Một chỗ có đôi, Phan Ni Tấn
36. Ta sẽ về, Thái Tú Hạp
37. Khi già lưu dân trở lại Huế, Kiêm Thêm
38. Trở lại Huế 1982, Mừng Mán
39. Chưa say men cưới, Du Miên
40. Uẩn tình kẻ xa xứ, Cao Đông Khánh

41. Những giọt sương, Du Tử Lê
42. Dưới trăng, Du Tử Lê
43. Tay xâm, Nguyên Sa
44. Đêm cuối năm uống rượu một mình, Thanh Nam
45. Nghi hoặc nỗi gì, Viên Linh
46. Khúc 78, Thủy Mộ Quan, Viên Linh
47. Trường ca Cù Lao Rồng, Phạm Công Thiện
48. Bài ca dao về mưa, Lâm Hảo Dũng
49. Sớm, Đỗ Quý Toàn
50. Cũng cần cho hạnh phúc, Nguyễn Tất Nhiên
51. Làm vườn, Cung Vũ
52. Xem rau, Trúc Chi
53. Bụi ới nhớ nhà, Trần Nghi Hoàng
54. Khuất nhịp cầu, Vô Ngã
55. Gửi Nguyễn Hữu Nghĩa, Vũ Kiện
56. Khúc 2, Thảo Ván, Trịnh Y Thư
57. Một giòng chia hai, Mịch La Phong
58. Đêm Xuân nhớ bạn bè, Vĩnh Liêm
59. Gửi Huế, Thi Vũ
60. Huế, Thi Vũ
61. Đêm, ở miền xa bất liên lạc với bạn bè, Hoàng Xuân Sơn
62. Cảnh trí tháng Tư, Hà Thúc Sinh
63. Không hòa, Hà Thúc Sinh
64. Trường Ca, Vũ Đình Trường
65. Nẻo đến một đời (Pleiku-Galang-San Francisco),
Nguyễn Mạnh Trinh
66. Dòng sông, và con thuyền hai mươi tuổi, Kiệt Tấn
67. Nói quanh trong đại học, Bắc Phong
68. Khi nào vượt biển, Bắc Phong
69. Điều ghi nhận ở một nơi đến, Hoàng Xuân Sơn
70. Ngẩng đầu lên ta gọi mặt trời, Hoàng Phủ Cương
71. Anh hùng ca người chiến sĩ vườn ngâu Tân Phú,
Lê Quang Phục
72. Mùa Xuân người tử tội, Phương Anh
73. Chào Yên Bái 85, Thi Vũ
74. Nhật ký biển, Nguyễn Đức Bạt Ngân.

Võ Đình

Trường hợp Ông Kim.

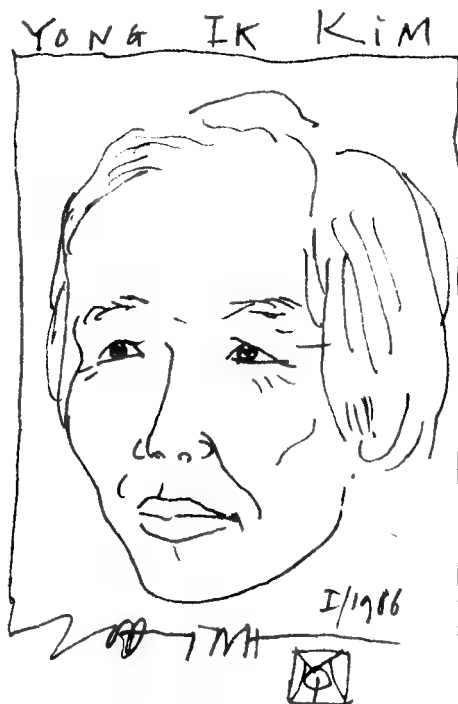
Bây năm về trước, cũng trong tờ Văn-Học Nghệ-Thuật này, tôi có cho đăng một bài viết về họa sĩ Mỹ gốc Nhật Yasuo Kuniyoshi (1893-1953). Hồi đó tình trạng tị nạn và định cư đang còn mới mẻ, các vấn đề “sung đột và hội nhập văn hóa” đang còn gay gắt. Đặt biệt giới làm văn nghệ đang còn ngỡ ngàng bàng hoàng. Viết đó, vẽ đó, làm nhạc đó, nhưng cứ như bị mất...mùa kiếm.

Tôi viết về Kuniyoshi bởi vì “khá lâu trước khi chúng ta, những nghệ sĩ Việt Nam, đến Hoa kỳ mới có nhiều nghệ sĩ ngoại quốc lưu lạc tới đây. Hoàn cảnh có khác nhau, không-thời-gian có khác nhau, nhưng sự kiện một nghệ sĩ từ xa đến đây chung qui vẫn có những động cơ và diễn biến tương tự”(1) Một trong những mục đích của bài viết là để các “nghệ sĩ trẻ có thể lấy đó làm dấu mốc, một điểm tựa, để đi đến những nhận định, những giải pháp riêng tư --riêng tư chứ không lẽ loi” (2).

Bây năm trôi qua. Tình trạng 1986 hiện tại đã có rất nhiều đổi thay. Đổi thay đến nỗi đọc lại bài viết cũ của mình, tôi thấy... hơi ngượng! Cái gì mà lời lẽ quá ư nghiêm chỉnh, quá ư thiết tha, quá ư khẩn trọng như thế! Tôi càng “ngượng” khi mới đây tình cờ được một bài về nhà văn Đại-Hàn Yong Ik Kim (The Washington Post, 12/15/85, tr. C3).

Bài báo có tám chân dung đi kèm. Khuôn mặt người đàn ông 65 tuổi, thanh, hiền, kín đáo, hao hao giống Vũ Hoàng Chương, nhưng có vẻ bình dị, chơn chất hơn. Dưới đây, vài nét về nhà văn Mỹ gốc Đông Á này, và những câu trả lời của ông trong một cuộc phỏng vấn mà tôi ~~đã~~ gạn lọc vừa đủ để khỏi phải đụng chạm đến vấn đề tác quyền của tờ Hoa-Thịnh-Đồn Bưu-Báo. Và lần này, thay vì nói “lấy đó làm dấu mốc, điểm tựa, để đi đến những nhận định, những giải pháp, v.v...” (như khi viết về họa sĩ Kuniyoshi), tôi chỉ xin quý độc giả cứ đọc về nhà văn Kim cho... vui, rồi sau đó

hạ hồi phân giải. Sau đó, bạn đọc nào tò mò hãy cứ vào thư viện hoặc tiệm sách mà tìm tác phẩm của ông. Một điểm đáng lưu ý: phỏng vấn một nhà văn thành danh gốc Á Đông, vốn là một điều hiếm có, vậy mà không kèm theo danh sách một vài tác phẩm (và nhà xuất bản) để độc giả tiện bề tham cứu. Bởi vì đâu? Bởi chẳng sự kiện ông Kim là một nhà văn Mỹ gốc Đông Á quan trọng hơn cả tác phẩm của ông, *mặc dầu ông đã được công nhận như một nhà văn tài danh?*



Yong Ik Kim, 65 tuổi. Quê miền duyên hải Choongmoo, Đại Hàn. Đến Hoa Kỳ năm 1948. Từng học văn chương Anh quốc ở Đông Kinh, đầu thập niên 40. Cha bảo học để thành luật sư, nhưng không vâng lời, thu xếp được qua Mỹ, và mặc dù nói Anh ngữ rất “bồi”, vẫn theo học văn chương Anh, cấp đại học. Sau đó, ngoài viết văn, còn dạy... viết văn ở Berkeley, và hiện nay ở Đại học Duquesne, Pittsburgh. Đã từng đăng bài ở các báo danh tiếng như

The Atlantic, The New Yorker, The Hudson Review, và Sewanee Review. Mãi đến năm 1976 mới vào quốc tịch Mỹ. Năm 1985 vừa qua được National Endowment tài trợ (grant) để tiếp tục công trình viết lách.

Yong Ik Kim tự cho rằng sau bao nhiêu năm cư ngụ ở Mỹ, mình vẫn là một kẻ “khách lạ” một “misfit” lạc loài trong một xã hội máy móc đầy rẫy ước lệ và khuôn phép. Ông không có xe hơi, và không biết lái xe. Tới Mỹ năm 1948 mà mãi đến 1973 mới đặt điện thoại vô nhà. Cách đây 10 năm mới mua một cái TV đầu tiên.

Người đặt câu hỏi là ông Yearn Hong Choi, gốc Đại Hàn, nhà thơ / nhà văn, giáo sư quản trị học ở Đại học của District of Columbia.

Đọc những câu trả lời của nhà văn Yong Ik Kim, bạn đọc có thể có cảm tưởng rằng ông là một người rất tếu. Tôi thì tôi nghĩ rằng những câu đó *nghe như* hài hước, nhưng thật ra ông Kim đã trả lời một cách rất nghiêm chỉnh, hơn thế nữa, rất chất phác. Đó cũng là lý do đã gây hứng thú cho tôi đặt bút viết bài này, chia xẻ cùng bạn đọc bốn phương.



CHOI: Năm 1948 từ Đại Hàn qua Mỹ, ông có gặp những khó khăn nào không?

KIM: Hồi đó đâu có máy bay phản lực! Phải dừng lại ở Alaska, lạnh và tối mò. Rồi bay đi Chicago, ông biết không, với tôi Chicago là thành phố của xi-nê, của găng-te. Tôi vừa bước ■ khỏi phi trường, thấy ngay một chàng có cái sẹo trên mặt, tay đút túi, tôi sợ quá, rút lui vào phi trường luôn! (...) Ở Đại Hàn ai mà dám bước vô những chỗ để dành cho người Mỹ. Tôi đói bụng quá mà không dám bước vô tiệm ăn. Sau đành liều, vô ngồi. Cô bồi hỏi: “Ông dùng chi?” Tôi nói: “Kem”. Cô bồi nói: “Va-ni, sô-cô-la, dâu?” Trời, chữ nghĩa chi mà khó nói quá. Tôi nói liều: “Dâu!” (Strawberry) mặc dù cả đời tôi đâu đã từng ăn thứ dâu đó. Từ đấy trở đi tôi thành thói quen ăn kem là chỉ ăn kem dâu. (...) Ở Jacksonville, Florida, tôi được một giáo sư Trung học mời ăn cơm và nói chuyện ở trường ông. Thấy cái thứ hột gì nhỏ nhỏ xanh xanh, tôi bốc ăn thử. Mùi vị chi mà kinh quá! Tôi nuốt đại, nghẹn gần chết. Thầy giáo khen: “Ha, ông Kim khoái đồ ăn Mỹ đấy nhá!”. Tôi nói: “Vâng”. Lần đầu tiên tôi nói láo trên đất Mỹ đó. Sau này, tôi mới biết là tôi đã nếm trái ô-liu lần đầu tiên hôm đó. Cơm xong tôi phải bước lên bục, nói chuyện, mặc dù tiếng Anh của tôi còn quá dở. Chắc chẳng có ai hiểu tôi cả. Bài nói chuyện

chấm dứt, một bà già Mỹ từ cuối phòng tiến lên, khen tôi: “Young man, ông nói hay lắm, tôi thích lắm!” Tôi nở mũi, cảm kích. Tôi ân cần hỏi bà: “Thưa, Cụ ngụ tại vùng này ạ?” Cụ bà đưa tay lên úp vào vành tai: “Xin lỗi ông, tôi nặng tai lắm, không nghe chi hết”. Đó, bài thuyết trình đầu tiên của tôi trên đất Mỹ được một bà cụ điếc khoái chí từ.

CHOI: Hồi mới sang Mỹ, ông đã có tham vọng trở thành một nhà văn chưa?

KIM: *Đâu có! Có chăng là những khó khăn phải vượt qua để thích ứng với một xã hội mới. Cô đơn đến sợ. Và vì cô đơn, tôi bắt đầu viết cho đỡ buồn, cứ sáng dậy là tôi viết liên miên ba tiếng đồng hồ. Sáng nào cũng viết. Anh bạn ở cùng phòng hỏi: “Chớ cậu làm cái gì đó?” Tôi nói: “Tôi viết sách”. Anh cười: “Nói cho cậu biết, sách cậu mà được nhận xuất bản ở Mỹ, tôi tặng cậu 500 đô đó. Xin cậu nhớ cho rằng nhà văn Mỹ mà còn trải da tróc vẩy đi mới lọt vào được, hưởng hồ...” Anh bạn nói, cứ nói, còn tôi viết, cứ viết. Tà tà ba tiếng mỗi sáng, từ hồi đó cho đến bây giờ...*

CHOI: Trong thuở đầu đó, ông viết cái gì? Về cái gì?

KIM: Tôi nhớ nhà quá xá, cho nên tôi cứ viết về thời thơ ấu của tôi ở Đại Hàn, về bọn bạn nhóc con của tôi, những vui buồn, sướng khổ của chúng tôi. Mấy đứa bạn tôi, có đứa nhà nghèo lắm. Có đứa chẳng có cha, mẹ thì ử đậu làm giá ở nhà, rồi gánh đi bán rong. Có đứa đại dại, khùng khùng. Tôi nhớ những bữa trời xanh ngắt, chạy theo mấy con diều, có đứa vấp ngã lăn đùng lên cả phân bò, thế mà cứ lồm ngồm ngồi dậy, rồi lại chạy... Cười sướng thôi! Tôi yêu quê tôi phần lớn bởi vì đời sống chưa bị chi phối bởi máy móc, bởi khuôn ước... (...) Khi tôi viết xong cuốn *Những Ngày Vui* (The Happy Days) tôi gửi bản thảo cho mấy nhà xuất bản ở New Uớc, nhưng cứ bị trả về hoài. Một hôm chán quá, tôi ngồi nghe nhạc suốt ngày, chẳng ăn uống gì cả...

CHOI: Rồi rồi cuộc cuốn sách của ông có được xuất bản không?

KIM: Little, Brown chịu in. Thời gian viết *Những Ngày Vui* tôi làm việc ở Đại học Kentucky, ngày ngày lấy xia đánh bóng gậy da những bộ sách quý trong thư viện của trường. Tôi nghĩ thầm ngày nào đó sách của tôi được in ra và đóng gậy da như thế này thì tuyệt biết mấy. Công việc đánh bóng gậy sách thật chẳng hấp dẫn chi lắm nên tôi thường đọc lên cho qua giờ. Đọc thơ thôi, vì đọc văn thì phải giở trang sách, mà tay tôi thì dơ, đầy xia... Một hôm, có vị quản thủ thư viện thỉnh linh bước vô, tôi nghĩ chắc thế nào cũng bị mắng, hay cả bị đuổi việc nữa, ai ngờ ông lại chỉ cười, và dừng lại... giở trang sách cho tôi! Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đang đọc bài “*Đường*

tách đôi ngã trong cánh rừng vàng" (Two roads diverged in a yellow wood) của Robert Frost... Khi "Những Ngày Vui" in xong, nhà xuất bản Little, Brown gửi biểu tôi một bản đồng bìa cứng, gáy da vàng hoàng. Tôi cảm kích quá trời.

CHOI: Ông có ăn mừng không?

KIM: Mừng thì mừng chứ, nhưng ăn mừng thì không! Ngược lại, tôi rầu quá vì khi đó tôi ở một mình ở Iowa, chẳng có ai mà chia xẻ cái vui cả. Càng nhớ nhà để sợ vì trong lòng thì thật mừng mà không có ai thân thuộc để nói chuyện cho đã đời...

CHOI: T.S. Eliot bỏ Mỹ đi Anh, vô quốc tịch Anh, rồi ở miết bên ấy và không quay về Mỹ nữa. Ông thì sao? Ở Mỹ hoài sao?

KIM: Ở đâu thì cũng vậy à. Khi nào mà tôi chẳng nhớ về Đại Hàn và viết về Đại Hàn. Ngồi ở trong núi Đại Hàn rồi viết về Đại Hàn, hay ngồi ở Mỹ rồi viết về Đại Hàn thì cũng vậy thôi. Có khác gì đâu, vì trong tâm tôi khi nào cũng quay về Đại Hàn cả. Thật ra nói "quay về" không đúng, bởi lẽ bọn bạn nhóc con thuở ấu thời của tôi khi nào mà chẳng có mặt trong lòng tôi.

CHOI: Bây giờ ông nổi tiếng lắm rồi. Một nhà văn thành danh đó. Ông cho phép hỏi thật, vấn đề tài chánh bây giờ chắc phải thoải mái lắm lắm nhỉ?

KIM: Tôi vừa được National Endowment for the Arts tài trợ cho một số tiền để được tự túc viết lách trong một thời gian. Lại vừa được mời tạo lại một vở kịch của tôi vốn viết cho sân khấu, để đưa lên TV. (...) Thật tình, chuyện tiền bạc của cải, tôi không lưu tâm lắm. Tôi chỉ thích viết. Tôi viết về sự đam hoa kết trái của lòng người trong giây phút đắm đuối ngất ngây của bóng tối (3). Tôi viết là tôi sung sướng rồi!

CHOI: Mới đây tôi có đọc một bài báo nói rằng người Đại Hàn chúng ta qua đây, thoát thấy nước Mỹ thật lý tưởng, rồi vì chịu khó cần cù làm ăn, chen chân lọt vào giai cấp trung lưu trong xã hội này, thông dong đồng ra đồng vào như ai. Nhưng bấy giờ mới giật mình: té ra mình vẫn bị kỳ thị gần chết. Ông có kinh nghiệm gì không về khía cạnh này?

KIM: Không, ông ạ. Ham của ham cải thì rồi thế nào cũng có chuyện thất vọng... Tôi thì ngày nào tôi cũng viết, tôi sống trong tôi, vợ tôi đau thì tôi rầu, chứ tôi không để ý mấy đến chuyện khác. Tôi thấy thiên hạ cũng đâu có lưu tâm gì đến chuyện kỳ thị chủng tộc (...). Văn chương nghĩ cũng hay, giống như đồng đô-la. Anh da trắng, da đen, da vàng chi, anh xia đồng đô-la ra vẫn là đồng đô-la ngon lành. Đọc một cái truyện hay, là người ta cho hay, đọc giả đểch cần biết ông da vàng mũi tẹt, hay gì đi nữa !

CHOI: Hoa Kỳ thay đổi khá nhiều từ 1948, năm ông đến xứ này. Theo ông, có những thay đổi nào lớn nhất.

KIM: Trước hết, như một nhà giáo. Hồi còn chiến tranh Việt Nam, tôi bắt đầu dạy học. Hễ cứ bị điểm D hay F là bọn sinh viên rửa tôi sau lưng: "Thằng củ sấm trời đánh!". Nhưng bây giờ tôi thấy sinh viên lại lưu tâm đến văn hóa Á Đông nhiều hơn và muốn tìm hiểu con người Á Đông hơn. Như một người cầm bút thì tôi thấy rằng các nhà xuất bản và các đăng chủ bút tha hồ nói chuyện văn chương chữ nghĩa, nhưng chúng ta cứ bước vào một tiệm sách mà coi thì biết rằng các cụ ấy chỉ nói mà chơi thôi. In truyện với bối cảnh là mấy cái làng Đại Hàn ư khó hái ra tiền quá !

CHOI: Ông bảo rằng ông yêu Đại Hàn và ông nhớ nhà dễ sợ, thế sao ông lại cứ ở lại Mỹ hoài hoài vậy ?

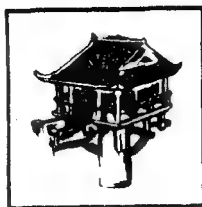
KIM: Ở Nhật Bản và Đại Hàn, các liên hệ giữa con người với nhau quá ư là chặt chẽ gò bó, tôi ngán lắm, tôi khó chịu lắm. Tôi ưa đến một nơi nào ■■■ xôi, không ai biết tới cả, tôi có thể đi loanh quanh xem chỗ này chỗ nọ, làm quen với người ta. Nhưng xa Đại Hàn, tôi lại cứ nhớ về quê hương hoài. (...) Lâu lâu bà con bên ấy lại gửi cho tôi một thùng thực phẩm Đại Hàn. Mở ra thấy mấy con mực, con cá, mấy mớ rong biển, mấy miếng sấm, là tôi ngửi thấy cả cái quê hương tôi ở miền biển. Tôi ngửi thấy cả cái mùi đất Đại Hàn. Tuyệt! Chỉ còn biết cười, rồi thở dài thôi...

Võ Đình, 1/1986

Tóm tắt và lược dịch

(1) và (2) Trương Hợp Kuniyoshi, *Văn Học Nghệ Thuật*, bộ cũ, số 12, 1979, trang 3, 4.

(3) Không hiểu sao bỗng dung ông Kim nổi hứng, ví von bóng bảy như thế này. Nguyên văn: "I write about human success in the rapture of darkness".



Nhà sách

VĂN KHOA

9393 Bolsa Ave, Suite E

(khu chợ Mỹ Hoa)

Westminster, CA 92683

ĐT: (714) 531-6591

Thơ Định Nguyên

Trăm Năm Chợt Nhớ

Chợt trăm năm, chợt một ngày
Chợt bàn tay ngủ trong tay lạnh lòng
Chợt nhìn lên nắng rung rung
Cành trơ lá gọi mùa đông cuối đời

Chợt ăn, chợt ngủ, chợt cười
Ngu ngơ đất khách quê người làm vui
Quê mình xa tí mù khơi
Bỗng dưng chợt khóc ngậm ngùi trẻ thơ

Chợt thêm tay mẹ võng đưa
Gió ca dao, nắng buổi trưa trắng ngần
Nhớ em, môi chợt gọi thầm !

Nhớ

Cúi trên trang giấy Luân Hồi
Hồn thơ thấp sáng đôi lời vô âm
Thịt da lãnh đãng chỗ nằm
Nghe hơi thở cũng âm thầm nhớ nhau

Chiêm Bao

Em là hương bưởi hương cau
Giếng trong, nước ngọt, những gàu bình yên
Em là một dải sông êm
Chở trăng về tận bến quen tự tình
Em là mái ngói sân đình
Ô-Ân-Quan : Chuyện chúng mình trẻ thơ
Em là tiếng nắng ban trưa
Rơi vàng trên những giọt mưa trái mùa
Em là ngô trúc đan thưa
Che nghiêng nửa mặt cho vừa môi hôn
Chiêm bao thơm trái nhãn lồng
Tỉnh ra chỉ thấy một dòng tuyết bay

Khinh Bạc

Đưa nhau vào cõi điêu tàn
Dối gian điện ngọc cung vàng nguy nga
Yêu nhau đến xót thịt da
Thủy chung môi vẫn điêu ngoa với lời
Thâu đêm đánh bạc nụ cười
Được thua trả nửa thân người là xong
Thơm má phấn, ngọt môi son
Ngực căng gồ nhịp sống mòn đầy thôi !
Thà leo lên ngọn đỉnh trời
Dang tay gọi tuyết làm người man di

Thơ Nguyễn Mai Thạch

Cùng chung chiến tuyến

Đêm về đổ bóng đau thương
Sân lảng sầu gieo xóm nhân
Hàng hiên lộng đôn gió sương
Vàng vọt đèn treo hiu hắt.
Bốn mươi phòng hẹp dày song sắt
Não nuột ai buông tiếng thở dài

Nhóm chúng ta
Chim mười phương gặp cơn bão tố
Tha hương lạc cánh sa !
Bóng lẻ, hồn đơn,
Ngỡ ngàng chân chiếu
Đợi chờ chim sớm gà trưa,
Không gian quá thiếu
Thời gian quá thừa

Chân vướng buồng hai thước
Một bước đi lên một bước ngừng.
Lòng vướng dặm ngàn non nước,
Nhớ tự do như hổ nhớ rừng.

Ngày tháng đã đành không vội vã,
Nghẽn dòng lịch sử cũng ngừng trôi.
Hoà đàm chưa vỡ tường băng giá
Chiến cuộc còn cao ngọn lửa sôi.

Xa cách tắc gang
Gạch dày ẩm đạm.
Tiếng động khê đưa sang
Cũng vang niềm giao cảm.

Cùng một dòng sông
Cùng chung chiến tuyến,
Cùng một tấm lòng,
Bấy nhiêu xao xuyến.

Đắm chìm đến tối màn tre,
Khao khát tự do xứ mẹ :
Hoa thấm tình thương,
Lòng người diễm lệ,
Đất ngát muôn hương.
Nghe đồn về từ mấy đại dương
Sóng chiến đấu trong tim thế hệ.
Lá rộn ràng chờ đón viễn phương,
Thuyền chính nghĩa căng buồm vượt bể.
Rạo rức hồn sôi, thật chuyển mình,
Trăng đêm tù chói nắng bình minh.

Hà nội 1969.

Sáng Tạo

Lắng ý thơ về động ánh trăng.
Lung linh sóng nhạc vỗ hồn bàng.
Đo lời, cân chữ, tìm châu ngọc,
Mệt thiếp còn mơ dáng chị Hằng

Kẽng gác chập chờn lay bóng đêm.
Nửa chừng nẻo mộng, tỉnh cô miên.
Sắc, hình chợt sáng trong tiềm thức.
Văn điệu đều nhau lượn trước thềm.

Thơ Hoàng Xuân Sơn

Mùa Đông

Sáng nay trời đóng băng
lòng cũng vừa đông đá
trong đại kiếp hằng hằng
bước chân còn xiêu ngã

Mùa đông mùa ẩn tự
trên nóc tháp chuông rền
bay đi lời sấm ngữ
tới cõi huyền mộng mênh

Người mặc áo dẫu đen
đi giữa trời thình vắng
mây ở cuối lâm tuyền
đắm sắc chiều vô lượng

Tin ở lòng bằng hữu
đẹp bốn mùa hoa niên
lâu ngày không thăm bạn
như thiếu cả một miền

Có đi hành đượ không ?
những sông đời chia nhánh
đã qua rồi phải không ?
những nguồn đời bất hạnh

Về giữa phố băng tan
khua một ngày đông chí
chờ nhau ngọn nắng vàng
hong mới sâu vạn kỷ.

Trái Tim

Ừ thì lên non làm rẫy
có ngăn gì cây cuốc cong
một ngày nào cây cuốc gãy
đời ta ta lại thông dong

Ừ thì xuống biển chài ngư
Lưới giăng đầy một biển mù
ví như trời còn tai mắt
xác người đâu nổi trăm tư !

Ừ thì vườn rau ở lại
ngọn xanh ngọn héo mặc lòng
đất cha ông mình mình sống
ai người quây được lòng trong ?

Ừ thì thất lạc tứ phương
nổi trôi đời cũng một phường
ví như lòng còn nghĩa nặng
đậm đà hai chữ quê hương

Ừ thì mộng con mộng cả
cổ nhen bằng được chút tình
ví như đời hành tơi tả
vẫn còn nguyên vẹn trái tim

Thơ Luân Hoán

Hạnh phúc ta.

ta đã từng nói trước
qua đây là bỏ tay
một chân làm sao chạy
theo cái đồn lẫn quay

ngồi không ừ sướng lắm
mỉa mai hoài mà chỉ
sống liều mạng vẫn sống
ta chừ có ra gì

và cơm cùng nước mắt
cúi mặt sợ em buồn
cổ ta không ai bóp
ăn bánh mì mắc xương !

muốn chết mà sợ chết
ngồi ngó bốn bức tường
sợ chết mà muốn chết
tâm ta hết bình thường

em nuôi ta từng bữa
cơm nước với nụ cười
đằng sau đôi mắt đẹp
thao thức chút ngậm ngùi

chắc ta càng vô dụng
hơn cả Trần-Kế-Xương
văn tài như bão rút
đùn cao nổi chán chường

hạnh phúc ta tìm thấy
bây giờ là nắm mờ
ngại thay hòm quá đặc
trả góp đến bao giờ ?

Thơ Vô Ngã

Tiểu muội lớn rồi...

Khả liên vô tận thương xuân ý

Tận tại đình trâm bất nghĩ thì.

Huyền Quang đại sư

Này bạn !

Có biết tường-vi đổ thủy-vi ?

Rèm thưa thả thả chủ hoàng-ly.

Hoa-viên khổng-tước say sưa mùa;

Bầy sắc nghệ-thường khoe vũ-y.

Này bạn !

Sực nước mùi thơm dã-thảo hương;

Phù-dung yếu-điệu bướm xanh-xang.

Có ai mơ mộng trên thơ cổ ?

Áo biếc Văn Quân tuyết-mỹ nàng.

Này bạn !

Có biết lòng hoa đã dậy hồng ?

Tình kim ý chỉ cuộn mênh mộng.

Cúi đầu e thẹn trong hơi thở :

" Tiểu muội lớn rồi,

Huynh biết không ? "....

Thơ Nguyễn đức Lập

Ngựa Đông Phương

Cho ta ngựa mặt lên trời
Thét lên tiếng kêu vô vọng
Của loài thiên lý mã
Cuồng vô bên bờ vực sâu
Oán khí ngất từng mây chót vót
Cơn hận dài tím ruột thiên thu...

Đâu thảo nguyên bình minh xanh ngần ngát ?
Đâu sa mạc cát vàng nắng cháy hoang sơ ?
Ngựa Đông phương
Vạn dặm trường chinh đâu sá kể
Sao bỗng bỏ chân lạc lồng phượng trời ?

Nào đâu thành quách ?
Nào đâu chiến trường ?
Đao thương nào ngang dọc ?
Tên đạn nào gọi gió muôn phương ?
Đâu bản hùng ca ngàn đời bất tử ?
Đâu trang hào kiệt đàn kiếm vai mang ?
Mộng lấp biển có còn ai ôm ấp ?
Hay mãi cam đành đánh mất quê hương ?

Ta muốn thét điệu ngân trâm thống ?
Dựng dậy ngàn đời lớp lớp rêu xanh
Thu gấm hết khí thiêng sông núi
Để gọi hồn tổ quốc anh linh
Ngựa Đông phương cuồng vô
Đắm nát thềm đá đen
Ngủ mất đêm đêm bờ viễn mộng
Lệ anh hùng...ai nhớ...ai quên ?

Sinh Nhật ca

Đổi thuốc nửa đêm thay đổi nền
Một mình cười với bóng trắng suông

Ừ nhĩ ! Bốn mươi năm rồi đây
Mộng đời còn quá khỏi tầm tay
Phù sinh một thoáng trôi gần hết
Mà vẫn đau buồn chuyện nước mây

Đất khách bốn ba chùng vệt gót
Soi đèn tâm sự dễ ai hay
Tri âm đâu đó ? Đâu tri kỷ ?
Quyền quyền bên mình thoáng gió bay ?

Cha chết quê nhà không vuốt mắt
Mẹ già dò dẫm bóng trắng phai
Nghiến răng dày nát tình già tộc
Trung, hiếu, hai đường khó vẹn hai

Muôn tạ ơn lòng, ơi, má đỏ
Dặm dài chưa nắn cánh chim bay
Tuồng đời trót nhận vai kiêu bạc
Chén rượu ân tình há đắm say !

Ừ nhĩ ! Bốn mươi năm lận đận
Số đời chưa hết bụi trần ai
Thiên kinh vạn quyển mang đà mỏi
Hưng ? Phế ? Ra gì cuộc đổi thay !

Nhớ thuở hai mươi tràn ước vọng
Sông hồ phơi phơi nẻo tương lai
Gót chân Kỳ Kỳ khinh đường hẹp
Hồn ngát hương hoa ,trái đậm dài

Theo gương người trước đòi nghiên bút
Thế núi, hình sông, luống miệt mài
Khắc khoải trường thành, bia đá cũ
Nước cờ trị, loạn, chất oằn vai.

Rồi thuở ba mươi đầu chớm bạc
Nửa đời, mất mỗi chuyện vẫn xoay
Bất bình cũng học trang hào kiệt
Chợt ngó trong gương lạ đáng gầy

Tím máu cô thần tìm nước cũ
Giữa dòng cột đá ! Buổi tàn phai
Rau rừng, măng núi thêm đầy dạn
Hồn quốc năm canh vẫn gọi hoài

Cắm gan bẻ kiếm , thời chưa thuận
Xứng vứng bạn bè xiết đắng cay
Tình đầu ! Vạch trời kêu chẳng thấu
Anh hùng ? Thành bại ? Luận cùng ai ?

Ừ nhĩ ! Quê người còn lạc lõng
Vinh gì áo mượn với cơm vay
Mảnh lòng du tử còn đeo đẳng
Cổ quận trống vơi mỗi phút giây.

Nợ bốn mươi năm tay vẫn trắng
Ngày mai còn lại chút thân này
Chông gai dù có trăm ngàn lối
Giương vẫn chưa rời ,đội cuộc chơi !

Thơ Thái Tú Hạp

Cảm khái Đường thi

Hoàng hạc vút cánh bay ■
Thành xưa trắng quanh vắng
Hoang vu cõi ta bà
Ngàn năm chim mộng trắng

Bờ sông thiên cổ dựng
Đồi tây ngắm mây bay
Xưa sau còn tri ngộ
Cổ nhân tình heo may

Mai về qua kinh sử
Dấu hài cổ rêu phong
Đời quần quanh sinh tử
Cõi tạm sâu vong thân

Thánh thi trên bia mục
Hoàng hạc đã bay rồi
Con trăng đồng trinh khuất
Bên trời ta lẻ loi

* Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
(Hoàng hạc lâu của Thôi Hiệu)

Viễn Phương

Lên đồi dẫm nguyệt dưới chân
Biết mây còn chút băng khuâng bên trời
Cõi em ngậm tiếng sầu rơi
Cõi ta nghe nặng canh đời viễn phương

Thơ Chu Vương Miện

Tương Lai

Rồi loài chim cũng có ngày bỏ hót
Trở về rừng sống lại thưa sơ khai
Rồi kiếp người cũng có ngày chấm dứt
Những buồn vui cũng phơ phất bên ngoài

Rồi ta cũng có ngày nhắm mắt
Tuổi chất chồng phủ hết lớp tương lai
Ôi dĩ vãng đầy sa mù lã đẵng
Trôi trong mưa như những củ khoai mài

Đi với đến cũng con đường như thế
Nước quên nguồn hun hút có gì vui
Trăng với sao thì đời đời vô định
Gió vi vu thổi mãi cỏ bên đồi

Một tấm thân vui trong bèo dạt
Dầm vùi năm một cuộc gió đưa
Không quay lại nhưng biết rằng mất cả
Chút quê hương còn nhàn nhạt mơ hồ

Ta đi bộ vào tương lai hoang vắng
Trên cột đèn còn sót lại tiếng quạ kêu
Rồi tàn năm cành cũng rơi hết lá
Trơ lại cây gầy guộc đứng tiêu điều

Chộp mắt thì đã thành kẻ lạ
Giữa đất trời giữa con phố đều hiu

Bá Di Thúc Tề

*Anh đi về Thú Dương
Em theo về Thú Dương
Bốn phương nhà Châu cả
Còn chỗ nào đất Thương*

*Vốc nước khe mà uống
Ngất rau vì độ thân
Quanh quanh thiên hạ loạn
Lên núi ngồi không đành*

*Ở thì ở không được
Đi thì đi chả xong
Chín đỉnh về Châu tuốt
Mất xứ mất luôn thành*

*Nằm đói trong hang núi
Ngó đất trời mệnh mỏng
Bầy bầy chim mất tổ
Kiếp kiếp người lưu vong
Cơm Châu đâu nuốt nổi
Thôi chết sườn Thú Dương*

Thơ Lê Thị Hiền

Mời

*Thôi cứ mặc mây giăng đầy ngõ lạnh
Mặc cảm căm giá rét suốt tàn đông
Ta đốt lửa sưởi chút hồn cô quạnh
Hơi ấm này chia sẻ với hư không*

*Có ngôn ngữ ta chẳng dùng cũng được
Có trà thơm không uống cũng không sao
Thơ muốn viết...thôi chẳng cần vãn tự
Mai ta về bút giấy chẳng mang theo*

*Bạn có đến, ta gần thêm chút nữa
Niềm cảm thông tuy thế chẳng vơi đầy
Có gặp gỡ cũng dường như không thấy
Giới hạn nào giữa quá khứ tương lai ?*

*Cười khanh khách vang bầu trời buổi giá
Chẳng có niềm vui, không cả nỗi buồn
Sao cũng được ! ...đến hay là chẳng đến
Pha ấm trà khuya vung bút chép thơ.*

Tù Giã

Mộng đã đủ rồi
Sao trong mộng này ta vẫn còn mộng nữa
Vẫn cuồng điên trong vòng kiềm toả
Trong ngục tù ta giam giữ chính ta

Mộng chưa qua
Vẫn thời gian không gian kinh ngạc
Vẫn trùng trùng nỗi phiền hà trói buộc
Vẫn có ta và nỗi đau thương
Cùng ước mơ hạnh phúc

Trong đêm đen
Vết thương sâu kín
Những lời câm
Nói chưa thoả mong cầu

Em vẫn ở đó
Lặng yên những lời khấn nguyện
Hương đốt chưa phai
Sao đã tràn trề ngán lệ

Đêm nay
Có vì sao nào soi dấu chân em
Bước trên thảm cỏ nhung
Xoa đi niềm ăn năn bằng lời sám hối
Xoa đi niềm băn khoăn bằng tiếng chuông
Ngân sâu vào thăm thẳm nội tâm

Sáng mai ta ra đi
Khi bình minh chưa thức giấc
Bỏ hết đam mê một thời khuất khúc
Bỏ hết buồn vui xáo động đêm qua
Ta sẽ ra đi
Em ơi ! Em ơi !
Mộng rồi sẽ thức !

Thơ Thanh Nhung

Lên Đường

Để tặng bạn bè vùng Hoa Thịnh Đốn

Mai tôi đi rồi

Những con đường Arlington xin ghi làm kỷ niệm

Xếp hàng số bao nhiêu trong các ngõ vào đời

Mà gốc rễ Trường sơn là tâm điểm

Cánh tay không dài như của thi nhân

Để vòng ôm vũ trụ bao la vào hồn thơ rất rộng

Phủ thế đi về thương nhớ theo chân

Chỉ có lời êm xoa niềm đau nóng bỏng

Mai tôi lên đường, dài thêm ước vọng

Xây đắp tình người qua ngôn ngữ con tim

Kỷ niệm phương này đi theo hộ tống

Gỡ nhẹ vòng gai cho bước chân mềm.

Xưa Nay

Gửi N N K

Này anh cuộc sống năm nào

Bờ xanh biển mặn xôn xao tiếng cười

Bãi trường chân sáo dong chơi

Chiều non cát trắng thơm mùi viễn du

Thoát bay theo lớp sương mù

Hai mươi năm lẻ vòng mơ đã tròn

Nẻo về xương máu đầy non

Nẻo đi mộng ước không còn hương xưa

Này anh cuộc sống bây giờ

Hai vùng biển rộng trơ vơ khôn cùng.

Thơ Cung Vũ

giang-hồ vật

*hôm nào cưỡi ngựa xuống non
lần về xóm cũ nhật hồn cuối xanh
ném con cá nhỏ dưới ghềnh
hỏi xem có muốn lênh-đênh cùng người.*

bốn giờ sáng, dừng lại giữa đèo “ngắm trăng”

*một chiếc sừng con treo góc núi
một dòng lưu thủy gọi mưa xuân
một con ngựa tía không đòi cỏ
ba gã dạ du tay vẫy sương...*

*rừng thì-thăm, giun-dế rì-rầm
chút sáng non tàn-lụi trời tây
thôi lên yên, đất mù vẫn xám
lòng nhẹ như tơ người có hay...*

trong **Hồng Trần** tập thơ Cung Vũ
Việt Publications đang in, I 1986

Thơ Ngu Yên

Đi về đâu hỡi kẻ mù !

Bị cao đè xuống nhiều nhưong
Bị thấp trối dậy tang thương mịt mờ
Bị chung quanh đánh bơ phờ
Bị nhốt ở giữa sống nhờ văn chương
Thơ ta không có dị thường
Thơ ta chỉ có tầm thường ngẩn ngơ
Thơ ta đừng gọi là thơ
Gọi là văn ngược giả vờ văn xuôi
Tâm làm đầu, Tưởng làm đuôi
Trí đi tới, Ý đi lui theo tình
Thơ ta tẩy bóng xóa hình
Chỉ còn chút lõi thình lình nở hoa
Rủi thay ta đã mù loà
Không còn thấy được cái hoa màu gì.

Râu xin mọc nơi bờ cây bụi cỏ

*Râu chớm mọc cùng thời gian hoài bão
Rồi xa quê râu khắc khoải kém tươi
Nơi đất khách râu bụi ngủi héo hắt
Râu buồn khô thì hồ hướng chi người*

*Râu quanh môi nên che nhiều hẹn ước
Thuở bình sinh chưa sợ lệnh đất trời
Râu bị cạo theo tháng ngày trôi nổi
Nên thề xưa theo râu cũ rụng rơi*

*Rồi râu mọc như một vàm cỏ dại
Đề lên môi đan kín miệng che lời
Râu lắm lì tăng vẻ người đạo mạo
Ngoài uy nghi che hờn rách tơi bời*

*Râu nào ngờ cũng trong vòng sinh tử
Một sáng nào cũng lốm đốm trắng phau
Râu run rẩy theo già nua bất hạnh
Sẽ liệm chôn theo xác bỏ công hầu*

*Nếu được quyền xin trở lại kiếp sau
Râu xin mọc nơi bờ cây bụi cỏ
Dù tuyết sương mưa nắng có dài lâu
Vẫn thích hơn mọc trên người bạc phước*

Thơ Nguyễn Ban Sơ

Ngủ Say Từ Độ Mây Bay

*Thêm một năm sống với đời quên lãng
Chuyện ngày xưa như gió thoảng mây bay
Chàng tuổi trẻ ôm đồm cơn mộng lớn
Tưởng chừng như thế giới tựa bàn tay*

*Thêm một năm tóc thêm nhiều sợi bạc
Giấc mơ kia nằm đợi đã bao ngày
Chàng tuổi trẻ ôm đồm bầu nhiệt huyết
Đếm thời gian qua những ngón tay gầy*

*Thêm một năm âm thầm cơn tử nhục
Nhớ nước non ngàn dặm thuở mây bay
Chàng tuổi trẻ nay đã không còn trẻ
Từ thuở bại binh nằm ngủ như say*

Cuối Cùng Rồi Mây Trời Cũng Tan

*Một buổi bình minh chuyện trò với nắng
Sực nhớ ra đã quá tuổi mộng mơ
Bèn đứng yên đợi đến chiều tắt nắng
Cõi vô minh chờ đến thật không ngờ*

*Ngày tháng rộng trải dài như mặt biển
Năm quay tròn như con vù thoi miên
Thoảng một chốc đã ra đời rong biển
Thân phiêu du luân lạc bấy năm liền*

*Bảy năm trước hãy còn mơ với mộng
Bảy năm sau chỉ thấy bóng với hình
Bảy năm trước còn chuyện trò với nắng
Bảy năm sau chuyện vẫn với vô minh*

*Tuổi trẻ đi qua không ngày trở lại
Tuổi già không đợi đến thật vô tình
Một buổi tình cờ nhìn sương buổi sáng
Mới hay trên đó mây trời đã tan*

Thơ Huỳnh Liễu Ngạn

Viễn Mộ

Khi về đứng giữa hoang sơ
Hỏi em tà mộng đong đưa mấy mùa
Liễu xưa ủa tự mái chùa
Để xanh tiền kiếp vọng mùa chim di
Qua đây sương ngói bất nghi
Hồn nghiêng xuống cõi xuân thì của đêm
Ngồi nghe lại chút ưu phiền
Tiếng chim vỡ đội qua triền núi xưa
Thưa hư không có bốn mùa
Mà viễn xứ có triệu mùa đau thương
Anh đi gió núi mù sương
Gửi trăng nước lại bên đường em qua
Mười năm không một mái nhà
Để anh đợi mấy chiều tà long lanh
Đèn khuya hiu hắt bên màn
Con sóng nào nhớ ngọn ngành vỡ tan
Anh đi lả ngọn trên ngàn
Câu thơ nước chảy đa mang một đời
Tiếc thương chỉ nửa nụ cười
Trăm năm chỉ áng mây trời giăng ngang

Thơ Nguyễn Đức Bạt Ngàn

Phương Tây

Xuống sông vớt củi
Một chiều phương Tây
Giữa hồn gió nổi
Qua cầu ai hay

Quá Bữa

(Tặng vợ)

Nồi cơm chưa chín
Em ngồi khoanh tay
Khói chiều phủ kín
Bên nhà tóc bay

Quan San

Bước đi một bước theo chồng
Bước đi hai bước đau lòng em không
Tôi ba bước đã tang bồng
Quan san nghìn dặm mây hồng theo sau
Tiết trinh phong kín ban đầu
Mòn thu khúc, nhạt bến cầu năm xưa

Vô Dung

Từ em là cõi phiêu bồng
Từ em nhạc phá giữa lòng nhiều khe
Từ em lần lửa hẹn thề
Trăm bông là một thuả về hôm mai
Từ em là đã lạc loài
Nghìn con sóng nhỏ ra ngoài bến sông
Từ em là đã theo dòng
Từ em là đã trong lòng vô ưu

(Thuả Ngát, bây giờ nơi đâu ?)

Thơ Lê Giang Trần

Dù em như sao khuất

*Theo chân ngọn đèn đường
Đi xem lửa trời tắt
Cho em đêm mắt buồn
Cho ta ngày cúi mặt*

*Ta nhện nằm lưới mưa
Giăng giữa trời nhạc lá
Từng hạt kỷ niệm xưa
Vây hồn ta trắng xoá*

*Ta loài sâu cà phê
Sống trong rừng ý thức
Gặm tìm mười năm trước
Lá đắng hồn lê thê*

*Ta loài kén tương lai
Tơ lòng là điều thuốc
Xây cho đời ngày mai
Mộ trên đời cô độc*

*Em là lịch sử tươi
Em người nhân chứng héo
Ta người nhân chứng héo
Lên xuống con dốc đời
Có lệ ngùi lăn theo*

*Anh sức vóc thể hệ
Sơn hà vác nặng vai
Ta hồn mòn chí khí
Như một chiều nắng phai*

Gặp như chim ngang dọc
Rời xa như mây bay
Buồn như trăng già mốc
Rời sương đầm thân cây

Gặp nhau thật ngoạn mục
Như đời trong bức tranh
Như tình trong ẩn khúc
Chỉ hiểu bằng mong manh

Vẫn còn em trong mắt
Và tìm ta trong em
Dù em như sao khuất
Ta trong lòng sao quên ?

Dù em như sao khuất
Ta vẫn chờ đêm sau
Dù ta như trăng khuyết
Nhưng hồn nào hư hao ?

Phổ buồn hết vui

Trốn ai lặn đạn bên đời
Nép trong bóng tối gọi người cách xa
Tay dề lên trán-hôm-quá
Ep ra từng ảo ảnh đa dạng đời
Gối chưa úp mặt nhớ mùi
Chập chờn di văng nhói thời hạnh ngôn
Tương lai mộng vỡ nát hồn
Hôm sau thức dậy phổ buồn hết vui.

HÃY TÌM MUA NGAY **ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI**

*Tập hồi ký đầy những tiết lộ bất ngờ
Tác phẩm cuối cùng của nhà văn
NGUYỄN HIẾN LÊ.*

Trước ngày lâm chung, nhà văn phong phú nhất, nghiêm chỉnh nhất, khả kính nhất của Miền Nam tự do, tự kiểm điểm đời mình và :

- * Kể lại từng bước một sự nghiệp đồ sộ nhất của lịch sử văn học Việt Nam đã được thành hình như thế nào ?
- * Nhận xét về nền văn học Miền Nam trong khoảng thời gian 1954-1975
- * Nhận xét về các khuôn mặt văn nghệ sĩ Miền Nam
- * So sánh văn học Miền Nam và văn học Miền Bắc.
- * Kể lại những tác phẩm ông đã viết, những hoạt động của ông, đời sống của ông sau tháng 4 năm 1975.

DO VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

Sách dày 276 trang : Giá \$10.00 US

Ngoài Hoa Kỳ ,thêm \$ 1.50 US cước phí.

Độc giả và các nhà sách xin liên lạc với :

Ông Võ Thắng Tiết

14861 Dillow Street

Westminster, CA, 92683

Điện thoại : (714) 838 8432

Thơ Kiệt Tấn.

Đoản khúc cho lính say rượu.

Hôm nay là Xuân mai còn Xuân

Rượu uống say rồi nhớ cố nhân

■ Nguyễn Bình

Rời thoát bồng lác dòng mỗi đứa
Mấy tuổi bom tao lửa lưng đeo
Sốt thừa thơ ấu mang theo
Lửa binh đốt cháy ngất nghèo tuổi thơ

Này ly rót những giờ tan tác
Này ly nâng tình nhạt son phai
Này ly máu đỏ mặt nhòa
Này ly hâm nóng lạnh hoài tình em

Này ly uống say mềm đón Tết
Này ly say toan chết tình đầu
Này ly đời rụng A Sao
Này ly cạn giọt máu đào Gia ơi

Này ly hỏa châu rơi Đèo Mụ
Này ly soi phi vụ Tây Nguyên
Này ly đêm hét quân truyền
Này ly cạn chén tình Liên rót đầy

Này ly tiễn hồn mây côi chết
Này ly xông xong hết đường hầm
Này ly đột hét dao đâm
Này ly quạnh quẽ âm thầm quán tre.

Này ly vút chớp lòe Mê thuật
Này ly ôm đời vượt khỏi tay
Này ly anh dũng Đồng Xoài
Này ly ngó lại tuổi dài máu xương

Túy ngựa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi
Bờ đào mỹ tửu quang bôi
Dục ẩm mã thượng hề thôi tỳ bà

Cạn ly dốc chiều tà núi lở
Cạn ly rừng man rợ máu xanh
Cạn ly mấy chết đã đành
Cạn ly đồng vọng Loa Thành xa xăm

Cạn ly bốn ngàn năm văn hiến
Cạn ly Đà bìa miệng ngàn sau
Cạn ly Trọng Thủy Mỵ Châu
Cạn ly lông ngỗng gieo đầu giếng yêu

Cạn ly tiến Nhị Kiều Trưng Nữ
Cạn ly hồn ai ngự Hồ Tây
Cạn ly Trinh Triệu voi dầy
Cạn ly Nam Đế dục hoài dã quỳên

Cạn ly cọc Ngô Quyền sắt đóng
Cạn ly Hoàng Thao sóng Bạch Đằng
Cạn ly Bộ Lĩnh trâu chày
Cạn ly phá Tống, Lê Hoàn xâm Chiêm

Cạn ly Mị Ê niềm Xạ Đẩu
Cạn ly Thường Kiệt thấu đế cư
Tiết nhiên định phạt thiên thư
Nhữ đẳng khan thủ bại hư trụ đồng

Thời lai đồ điều thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa
Cạn ly Nam quốc sơn hà
Lai xâm nghịch lỗ nhữ hà bại vong

Cạn ly sát Đát Mông Cổ chiến
Cạn ly vang quyết chiến Diên Hồng
Cạn ly Hưng Đạo trở sông
Đầu thần chưa rơi đừng mong kẻ hàng

Văn Học 93

Chương Dương độ cướp ngang đảo giặc
Hàm Tử quan quyết bắt quân thù
Thái bình gắng sức ngàn thu
Thoát Hoan Ô Mã ôm thù nghiệp đao

Xam tác lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu
Cạn ly Công chúa hai châu
Huyền Trân gạo trắng lại rầu lửa rơm

Nguyễn Trãi bút thần thơm Đại Cáo
Lấy chí nhân cường bạo thế thay
Hung tàn đại nghĩa trị oai
Chi Lăng Thôi Tụ đầu bày Liễu Thăng

Cạn ly đỏ Bắc Nam tòng hải
Dục Hoàn Sơn vạn đại dung thân
Hai trăm năm ruột đau dần
Tây Sơn Nguyễn Huệ hai lần Bắc chinh

Cạn ly phá giặc Thanh Sĩ Nghi
Đồng Đa Xuân tướng sĩ tranh tài
Bắc Bình Vương hịch thị oai
Quang Trung thuốc súng đen ngời chiến y

Cạn ly mất Nam Kỳ Thanh Giản
Độc được ly uốn cạn đời ta
Cạn ly Pháp chiếm Biên Hòa
Cạn ly Đề Thám Hoàng Hoa oai hùng

Cạn ly máu chung dòng Sử Việt
Bắc Nam giờ thịt tiếp xương rơi
Cạn ly từ giã xuân đời
A Sao Bến Súc hỡi ơi còn gì !

Tết hỡi Tết nâng ly khóc bạn
Xuân ơi Xuân chén cạn đời anh
Đắc Tổ lửa đốt đất xanh
Khét đời xương cháy rừng tanh máu người...

Kiệt Tấn
(Việt Nam thương khúc)

Thơ Nguyễn-Tất-Nhiên.

Trường Ca: Cũng cần cho hạnh phúc
(trích)

Điều muốn khuyên nhau

7.

mấy ai sống chưa hơn lần quần khố
thì lần này, lần nữa... có bao nhiêu
tù ngục này đủ bùng bít, âm mưu
vô nhân đạo, hành hung, gai lửa
phi nhân bản... hay gì gì đi nữa...
chẳng qua là giai đoạn thời gian
chẳng qua là dăm hành động bất
đáng tội nghiệp, được mệnh danh: Chính trị!

8.

em yếu đuối, em hất hieu tiều tụy
trách chi tình đưa dẫn đến xói xa
vì yêu đương mang bản chất mù lòa
mà nước mắt cũng cần cho hạnh phúc!

thiên hạ vẫn hay trao lời cầu chúc
trách chi điều bất hạnh mãi trùng vây
bởi tiếng cười lúc rộn rã trên môi
không thể hứng lần tăn như lệ xuống!

yêu dấu hỡi, trách chi hoàn cảnh khốn
tủi chi đường lầy lội nứt chân son
hờn chi nhau cho thêm thất héo mòn
cho chờ đợi ~~trở~~ trở thành tuyệt vọng!

yêu dấu hỡi, chán chi đời vốn nản
tình mong manh, hãy rán nâng niu
chàng hư thân, hãy rán nuông chiều
và mong mỏi, nhưng nhớ, đừng nhầm tính
như thời tiết góp phần vào trái chín
mùa khổ đau sẽ tươm mật con tim
lưỡi-nhục-nhân cày xới đất-tâm-linh
hồn uẩn khúc sẽ bùng hoa-độ-lượng!

yêu dấu hỡi, khi thấm nhuần nghiệt hận
cũng là lần tay gỡ cửa lương tâm
cũng là lần đôi mắt của cảm thông
nhận ánh sáng qua những người cùng khổ

yêu dấu hỡi, gắng tập tành tha thứ
tập cảm ơn bằng hết kẻ tâm cừ
mỗi vết thương, tự nó, đã đền bù
một hạnh phúc đa non vừa kéo miệng!

sau hay trước, thể thôi, lần miên viễn
màng chi em cuộc lệch thếch sống còn
dấu yêu ơi, nên tự biết ủi ~~an~~
rằng, cái chết là một kinh nghiệm, mới
rằng, tội ác hôm nay là bóng tối
cho ngày mai phong phú lộc bình minh...

9.

phải, mặt trời rực chói lợi vĩnh niên
còn bóng tối, do, vận hành trái đất!

10.

dồn nén nào cũng có cơ bột phát
hỏa sơn phun bởi co bóp vỏ cầu

11.

giáo-mệnh-phần xuyên thấu trước ra sau
nơi máu phún sẽ thành nguồn siêu lực!

12.

ta ngồi đây giữa hoàng-hôn-trí-thức
ngồi trên trần, ngồi lặn bại dần mòn
ngồi khô queo làm khỉ bém thanh chuông
ngồi gãi chí, ngắm em phơi áo bạc...

13.

thời đuổi nắng sân trường em đã mất
học bao nhiêu rồi cũng phận dâu người
hai vạt áo dài màu trắng xa xôi
em xếp có gọn gàng ngàn ký ức?

thời đuổi nắng sân trường em đã mất
tóc xuôi vai giờ giờ ngọn vôi vàng
búi sớ sài gài que đũa bẻ ngang
cho tròn nợ phu thê cam cộng khổ!

thời đuổi nắng sân trường trong quá khứ
em có đeo theo những bước gian truân?
em có thương dăm cọng cỏ trên đường
lao tác, nhớ công viên hiền nhung cỏ?

thời đuổi nắng sân trường trong quá khứ
em có còn trong mắt-gánh-giang-san?
lúc nhìn nhau thơ mộng có còn đan?
có đủ sức nuôi tào khang tám măn?

14.

vừa thức dậy liền giầy đầu trong sáng
em hãy cười ngay một nụ tình mơ
em hãy cười ngay một nụ như chưa
biết phải sống thêm một ngày bất mẫn!

vừa thức dậy liền giây đầu trong sáng
em hãy cười ngay một nụ ngậy thơ
em hãy cười như nhật, nguyệt vô tư
với tiết đất đổi thay trăm điều kiện

vừa thức dậy liền giây đầu hữu hiện
em hãy cười ngay một nụ lành tươi
lâu dần quen, em sẽ biết ơn đời
cho hai đứa thêm một vắng mai mới!

vừa thức dậy liền giây đầu nóng hổi
em hãy cười thỏa hiệp với trần ai
lâu dần quen, em biết cách đưa tay
sờ ranh giới của đôi miền sinh, tử

vừa thức dậy liền khi hay mình thở
em hãy cười như nhịp thở đầu tiên
lâu dần quen, em sẽ khóc hồn nhiên
như con trẻ vùi mua quà-hạnh-phúc

15.

và, mỗi bận nhìn nhau, em cứ khóc
khóc khi cần, rồi vui đại-đùa lên
(những nụ cười như bèo bọt lênh đênh
cũng cần thiết cho những dòng trôi, chảy...)

16.

em suốt suốt, em tiểu thư đầu dải
hồn đông phương nê chấp đạo tam tông
có tìm ra nơi gánh nặng vợ chồng
thứ hạnh phúc của một đời hệ thuộc?

em đuổi sức bắt đầu không gượng được
có tìm ra thâm thúy của suy tàn?
cuồng-lưu-đời vô nghĩa với trần gian
khi tất cả bàn tay đều vô vọng !

Nguyễn Tất Nhiên

(trích trường thi

Cũng Cần Cho Hạnh Phúc, sẽ in)

Nhật Tiến Cánh cửa.

Mối liên hệ giữa Trường và Sùng, thằng công an mặt non choẹt chỉ đáng tuổi con trai của chàng, khởi sự từ hôm Trường kiếm được một mảnh nhôm lớn. Mảnh nhôm nằm đầu đó trong bụi cỏ và bị vùi nong dưới một lớp đất bùn. Thoạt tiên, Trường tưởng đó chỉ là một miếng tôn rỉ. Nhưng nắn thử, chàng thấy nó vừa cứng, vừa nhẹ. Lúc chàng miết mạnh móng tay cái của mình xuống, Trường thấy nó để lại một vết sáng ngời. Thế là Trường thủ mảnh nhôm đem về trại và phác họa trong đầu đủ thứ vật dụng mà chàng có thể biến chế. Chàng nghĩ đến một cái lược cài tóc cho vợ, một cái trâm gài đầu cho đứa con gái và một cái mặt dây chuyền đeo cổ để tùy nghi. Thời giờ ở đây có thừa để Trường đủ kiên nhẫn ngồi gò những món vật dụng của mình trở thành tinh xảo. Như cái lược là một công trình tuyệt hảo của bàn tay tài hoa phối hợp với khối óc nhiều sáng tạo. Hàng răng lược đều đặn, khoảng cách cân đối, còn dây hoa văn khắc trên mặt lược là cả một nghệ thuật trang trí tỉ mỉ, gợi ý từ những mặt hổ phù, những nét khắc họa trang trí trên đồ gỗ, đồ khảm, đồ chén đĩa mà trước đây Trường đã có nhiều lần say sưa ngắm nghía.

Một công trình như thế, Trường đã phải dành ra cả tháng ròng rã để hoàn tất. Trong thời gian ấy, đi đâu chàng cũng mang nó theo, dắt kỹ ở lần túi trong của chiếc áo thổ sơ may bằng vải bao cát. Khi đi lao động có chút thì giờ nghỉ ngơi, Trường hay đem nó ra ngắm nghía để thấy mình còn đôi chút hơi hướng nghĩ về người vợ thân yêu. Chiếc lược này rồi ra sẽ được cài lên mái tóc óng ả, mượt như tơ của nàng. Nói cho đúng ra, đó là mái tóc trong kỷ niệm, trong trí nhớ của thời kỳ đoàn tụ, yên ả đã qua chứ không phải là mái tóc cũng của chính nàng nhưng đã toi tã, héo khô và ngả màu đốm bạc mà chàng đã trông thấy trong lần thăm nuôi kỳ trước. Hôm ấy Trường đã gờ bàn tay sần sùi, chai sạn lên vuốt mái tóc xác xơ của nàng, với lòng đầy ghen ngào, xúc động. Mới

có vài năm trôi qua mà mọi sự đổi thay mau chóng đến bàng hoàng. Tuy nhiên hình ảnh mái tóc phong sương đầy vất vả ấy dù đã hiện hữu nhưng hãy còn quá ngỡ ngàng, mới mẻ. Nó không đủ sức để bôi xóa được trong tâm tưởng của chàng về một mái tóc đen mượt, óng ả bao quanh chiếc cổ trắng ngần và phủ xuống hai bờ vai thon. Ngày xưa đã xa lắc, đã vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại như mái tóc đã đổi màu chẳng thể bao giờ còn lấy lại được vẻ nuột nà. Nhưng Trường vẫn muốn cứ níu kéo, cứ muốn mọi kỷ niệm, mọi hình ảnh, mọi tâm tình đều phải dừng lại ở thời điểm nồng nàn ấy như một cái phao cuối cùng giúp chàng có can đảm lội qua được chặng đường khổ ải này. Cho nên chàng vẫn chất chiu cái lược với tất cả sự say sưa. Mồ hôi lao động thấm qua lớp áo vải thô đã làm cho nó lên nước bóng ngời. Chàng vừa khắc những nét tỉ mỉ vừa thủ thỉ với nàng, với kỷ niệm, với cả chính chàng.

Cơn mê sáng thẳng thốt ấy khiến chàng đôi lúc đã bức rời thực tại và đắm chìm trong những giấc mơ huyền hoặc, ngẩn ngui. Chàng không nghe thấy tiếng báo cáo viên nói. Còi tập hợp của cán bộ đã thổi thúc luôn hồi, chàng vẫn chưa buồn đứng dậy. Hết giờ nghỉ giải lao mà chàng hãy còn mơ mộng, lẫn lộn. Cho đến một lần thì thẳng công an mặt non choẹt giật dũ xông lại. Nó túm lấy ngực áo của chàng. Nó kéo chàng bật dậy, sừng sộ:

— Nằm chưa được một góc công nênh mà đã đổ nười ra hả. Ông thì đá cho một cái xem mắt có mở to thao nào, nằm ăn tỉnh táo ra ngay không lào!

Trường không đáp, lẳng lặng nhét cái lược vô trong túi rồi định quay gót đi, nhưng thẳng Sùng tưởng chàng dấu diếm cái gì đã vội vã vịn vào cổ tay chàng lại. Hai người đột nhiên ở vào cái tư thế phải giằng co. Rồi cái lược rớt xuống đất. Cái lược sáng bóng lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời nom như một thỏi bạc sáng ngời. Vật lạ khiến cho Sùng ngây hần người ra. Nó cúi xuống lược lên rồi giờ lên ngắm nghía cái công trình tuyệt hảo ấy một cách sững sờ. Lâu lắm nó mới lại cất tiếng, lần này giọng điệu có vẻ nhẹ nhàng hơn:

— Anh nằm nấy đấy à ?

Trường không đáp mà chỉ lẳng lặng gật đầu. Rồi chàng giật lấy cái lược trên tay thẳng công an mà lòng nhen nhúm một sự tức giận, khinh bỉ đến tột cùng. Những hạng súc vật như nó không đáng sờ mó lên vật kỷ niệm vô giá của chàng. Tay chàng run lên. Mắt chàng long sông sọc. Chàng sầm sầm quay đi. Đây là lần đầu tiên chàng đã có phản ứng mạnh mẽ đối với một đứa công an. Những lần khác, chàng chỉ khinh bỉ mà không hề giận dữ. Chàng vẫn nói với các bạn đồng tù rằng chỉ có lòng khinh bỉ mới đặt mình ở vị trí cao hơn. Giận dữ với chúng nó là tự đặt mình ngang hàng.

Thế mà hôm nay chàng đã bày tỏ thái độ giận dữ. Con giận dữ ủa đến bất ngờ khiến chàng không thể kiểm soát được, có lẽ nó bắt nguồn từ bàn tay thô bạo của thằng công an đã dám sờ nó lên vật kỷ niệm thiêng liêng của chàng. Nhưng rồi chàng tự nhủ, như thế còn là may. Nó chưa kịp có dịp mè nheo, xin xỏ hay tệ hơn nữa, tạo đủ lý do để tịch thu bất cứ cái gì mà nó muốn.

Sau hôm đó, Trường chôn kỹ cái lược ở một chỗ kín đáo ngoài phòng giam tù. Chàng chỉ sẽ đào nó lên trong lần thăm nuôi kỳ sau để tự tay cài lên mái tóc úa khô, xơ xác của vợ chàng. Bấy giờ thì chàng khởi sự công trình mài dũa chiếc trâm dành cho đứa con gái. Công việc ngày một thêm khó khăn hơn, bởi vì những ngón tay xước nát, bầm dập của chàng. Lúc mài mảnh nhôm xuống mặt xi măng hay trên một hòn đá nhỏ, chàng nghe thấy sự buốt xót từ những đầu ngón tay hòa lẫn với cái cảm giác trơn láng, mát lạnh của mặt nhôm. Chàng thì thầm với con gái về sự nó có cảm nhận được làn da tay sần sùi, ruộm máu, đau đến tê dại của bố khi cài chiếc trâm này trên đầu. Phải chăng đây cũng là một loại ngôn từ di chúc của cha gửi đến cho con và trong lòng quê hương khốn khổ này, đã có biết bao nhiêu là ngôn ngữ lưu truyền kiểu đó, của thế hệ này gửi lại cho thế hệ sau.

Trong thời gian đó, Trường cũng để ý đến sự thay đổi khác lạ trong cung cách đối xử của thằng công an. Nó bớt hằn giọng điệu gay gắt đối với chàng. Thỉnh thoảng nó hay nhìn chàng với ánh mắt nửa như thân thiện, nửa như lăm lết. Trường ngạc nhiên tự hỏi cái lược trâm trổ của chàng đã làm chóa mắt thằng côn đồ đó đến cỡ nào khiến nó thay đổi thái độ như thế. Nhưng trường tự nhủ, dù thế nào thì công an vẫn là những thằng công an. Chế độ sản sinh ra chúng nó để chỉ thuần túy là công cụ của bạo lực, sẵn sàng đàn áp không nương tay và bất chấp tình người. Ngay như các bạn đồng tù của chàng cũng đều xa xẻ cái thành kiến này. Chúng nó không đáng làm người. Chúng nó chỉ sống theo bản năng và gần gũi với loài súc vật. Trường bản khoán tự hỏi thằng Sùng toan tính gì đây khi nó muốn lân la với chàng. Điều này khiến cho chàng phải chú ý đến nó nhiều hơn và chàng ngạc nhiên khám phá ra rằng đối với tất cả những tên cán bộ ở đây, chưa bao giờ chàng nhìn ngắm chúng nó kỹ lưỡng cả. Hàng năm trời gặp gỡ, tiếp xúc, bọn chúng chỉ như những cái bóng mờ nhạt xuất hiện qua lại trước mắt chàng mà chàng không thấy cần thiết phải bận tâm. Thì giờ đâu bận tâm đến lũ người ấy. Nhưng bây giờ, trong hoàn cảnh này, Trường không thể không nhìn ngắm thằng Sùng kỹ lưỡng hơn. Nó còn trẻ lắm. Tuổi chỉ mười chín, hai mươi là cùng. Đầu nó hớt cao. Vầng trán thấp ngùn lại gồ. Đôi mắt hơi sếch ếch dưới đôi lông mày rậm. Mặt nó vuông hình chữ điền, đôi môi đầy,

bậm sít lúc nào mím lại làm cho vẻ mặt tăng thêm phần dữ tợn, loại dữ tợn ẩn chứa một vẻ đần độn, đơn giản, cục đoan và liều lĩnh. Chung qui, cả khuôn mặt của nó chỉ vớt vát lại được có mỗi một nụ cười. Lúc nó cười, hai hàm răng trắng bóng phờ ra làm dịu đi nét cau có ở đôi lông mày, và trong ánh mắt của nó toát ra một niềm vui không thể che giấu.

Cho đến một hôm, nhân dịp vắng vẻ, thằng Sùng tự ý sấn lại gần chàng. Lúc này Trường đang ngồi mài chiếc trâm bằng nhôm trên mặt cát. Vừa nhác thấy nó, Trường ngừng tay và thủ cái trâm vào ống tay áo. Thái độ của Sùng đầy vẻ rụt rè. Một nửa nó muốn tiến tới, một nửa nó định bỏ đi. Nhưng nó không quyết định được rút khoát nên hóa ra tần ngần và mỗi lúc một thêm bối rối. Rút cục nó không biết làm gì khác hơn là nhe răng ra cười. Dù cảnh giác cách nào thì Trường cũng không đủ nhẫn tâm để cau có với một kẻ đang cười với mình. Nét mặt của chàng dịu lại. Chàng vẫn không cất tiếng, nhưng nhìn nó với một vẻ dò hỏi. Một lát, thằng Sùng mới vô đề bằng một câu bằng quơ:

— Lầy, nính Ngụy cũng có nắm tay tài hoa đấy chứ nhỉ.

— Tài hoa về cái gì?

— Cái nước ấy. Cái nước mà anh nằm nấy đấy.

Trường mỉm cười :

— Ờ! Đó là nghề tay trái.

Sùng ngơ ngác :

— Nghề tay trái nà nghề gì ?

— Là nghề phụ. Là thứ nghề không phải nghề. Làm chơi cho vui vậy thôi.

— Ờ! Cái đó gọi nà “nghề dư”. Nghề dư thì lỏi nghề dư chứ cái gì mà nại đi ví von tay phải với tay trái. Chữ nghĩa của các anh đến nà buồn cười.

Trường nhún vai :

— Thì cũng giống như chúng tôi buồn cười khi nghe anh nói nghề dư, nghiệp thừa vậy.

Phải chi khi trước thì Sùng đã nổi sùng về câu nói móc máy này rồi. Nhưng lần này nó vẫn giữ một vẻ thản nhiên. Nó thú nhận :

— Tôi chưa bao giờ trông thấy một cái nước đẹp để đến như thế. Ló nại nằm bằng tay không thôi. Lẽu tôi không chính mắt thấy thì tôi không tin nà do anh nằm.

Thấy Trường không đáp, nó lại nói tiếp :

— Mẹ tôi ở nhà cũng có một cái bằng bạc. Cái nước lưu truyền mấy đời rồi cơ đấy. Lom thấy cái nước nằm tôi nhớ đến mẹ tôi, thương mẹ tôi vô cùng.

Trường ngạc nhiên về tâm tình của thằng Sùng. Chàng cất

tiếng hỏi :

— Bà cụ bây giờ vẫn khỏe mạnh chứ.

Sùng bùi ngủi :

— Bà ấy mất rồi. Mất hồi lâu kia... Bệnh tật nẫu mà thuốc men thì thiếu thốn...

Rồi chợt nhớ ra rằng kể khổ trước mặt bọn Ngụy là sai lập trường, Sùng vội xoay ra chuyện khác :

— Anh cũng còn mẹ hử. Anh khắc cái nược cho bà cụ hử.

Trường lắc đầu :

— Mẹ tôi cũng mất rồi. Cái lược đó tôi dành cho vợ tôi.

Mất thằng Sùng rạng lên một niềm vui. Hình như nó cũng biết chia xẻ tấm lòng của một người đang xa cách gia đình. Trường tự nhủ, thằng này cũng còn có tâm tình riêng đấy chứ. Điều này làm cho Trường trở nên dễ dãi hơn và chàng không còn đau cái trâm ở tay áo nữa. Cái trâm mới đang ở giai đoạn hình thành cái dáng dấp thuôn dài của nó nên mặt nhôm còn nhiều vẻ thô sơ. Mất thằng Sùng sáng lên khi nhìn thấy mảnh nhôm trên tay chàng :

— Tôi thấy tài thật. Miếng nhôm xấu xí thế này mà anh biến chế thành đồ mỹ thuật rất tinh xảo. Tôi phục năn !

Trường gơ cái trâm lên ngắm nghía rồi giảng giải :

— Gọi là nghề tay trái... hay nghiệp dư gì đó, nhưng vận dụng được nó nhuần nhuyễn cũng phải đòi hỏi cả một quá trình tập luyện.

— Phải rồi, làm gì thì làm cũng phải có học tập tốt chứ. Anh học cái nghề trạm trở này ở trong quân đội ngụy à ?

— Không! Tôi ở ngành pháo binh, mà pháo binh thì ai mà đi dạy cho cái nghề làm cái này. Tôi tự nghiên cứu học hỏi lấy.

— Sùng ngơ ngát :

— Học hỏi nấy một mình mà cũng làm được như thế cơ à ?

— Chứ sao! Miễn là có một đôi chút năng khiếu cộng với lòng say mê nghệ thuật.

Mặt sùng thoáng một tia hớn hử và nó cất giọng hỏi thành thực:

— Say mê thì tôi dứt khoát nà say mê rồi. Nhưng làm sao để biết mình có được đôi chút lãng khiếu.

Trường nhìn về mặt đần độn của nó một cách thương hại rồi trả lời buông xuôi:

— Thì cứ làm đại đi rồi sẽ biết.

— Anh hướng dẫn tôi nhớ!

Lời đề nghị bất ngờ của Sùng khiến Trường bối rối. Nhưng chàng chưa kịp trả lời thì nó suy nghĩ thế nào rồi vội chữa lại :

— Nhưng không được đâu! Tôi niên hệ nhiều với anh, cấp trên sẽ đặt vấn đề.

Vừa lúc đó có một toán lao động đi ngang, Sùng vội vã bỏ đi. Tối hôm ấy, hình ảnh của Sùng với ước vọng đơn sơ của nó khiến Trường trầm trọc. Vậy ra tiềm ẩn ở đằng sau những hành động đàn áp, ngổ ngược, nó vẫn còn có tâm tình riêng và có cả năng khiếu trong lãnh vực thẩm mỹ. Điều này thật hoàn toàn bất ngờ đối với thành kiến sẵn có của Trường. Từ lâu, chàng vẫn nghĩ rằng tất cả bọn chúng nó đều chỉ là những công cụ vô tri của chế độ, hay tệ hơn nữa, lũ người này chỉ đáng được xếp ngang hàng với một lũ súc vật. Có nghĩ họ là súc vật thì chàng mới bắt thần nổi nóng bắt từ khi Sùng dám đụng tay vào cây lược kỷ niệm vô giá của mình. Bây giờ nghĩ lại, Trường cảm thấy xấu hổ về cơn giận dữ quá đáng của mình. Ai đã được sinh ra, đầu tiên lại chẳng là một con người. Nhưng từ con người đến nỗi trở thành con thú là do hoàn cảnh xô đẩy. Sự kiện đã xảy ra chẳng cứ ở bên này hay bên kia. Trong xã hội cũ, có thiếu gì con người cũng chẳng còn đôi chút nhân tính. Đó là những kẻ đầu cơ, tích trữ, những đứa sống nhơn nhơn, phê phỡn trên cơn thiếu thuốc men bệnh tật của dân nghèo khó, những đứa buôn súng đạn, bán đứng sinh mạng của chính anh em đồng ngũ của mình. Còn trong xã hội cộng sản này, con người bị xô đẩy vào một tình huống khác, ở đó nó bị chế độ nhào nặn bằng những phương pháp vận dụng khoa học tinh vi nhất, thân phận con người trở thành những mẫu mực được đồ khuôn theo nhu cầu trấn áp để bảo vệ chế độ. Trường tự lấy làm ngạc nhiên rằng tại sao mình dễ dàng nổi giận với Sùng mà chưa bao giờ một lần trước đây, chàng nổi cơn phẫn nộ đối với những con người phi nhân tính ở trong xã hội cũ. Hẳn cơn giận dữ về sự buôn bán trên sinh mạng, sức khỏe và sự nghèo đói cơ cực của đồng đội, đồng bào sẽ đích đáng hơn là cơn giận ủa đến từ sự kiện một kẻ dám sờ tay vào một cái lược vô tri. Trường thấy rõ nỗi bất công của mình ở chỗ đó và đó là lý do đã khiến cho chàng bứt rứt về cơn giận dữ buổi sáng nay của chàng. Chàng tự nghĩ, nếu trước đây ai cũng biết nổi giận, và nổi giận kịp thời thì đất nước đâu đến nỗi cơ cực, lầm than như hiện nay. Và ngay cả đến bây giờ, ở bài học mất nước có bao nhiêu người đã rút tỉa được điều gì đích đáng? Trường thực sự lao đao vì những nhận thức mới mẻ này. Chàng có cảm giác như mình vừa đụng phải một cái phao vật vờ đâu đó trong cơn chìm tàu hoảng hốt giữa đại dương đầy bão tố. Chàng cố gắng bình tĩnh để nghiền ngẫm đầy đủ mọi sự với ngay từ cái khởi đầu. Nghĩa là phải vén lên những tấm màn che của thành kiến, nông cạn, phải đâm toạc vào bóng tối u mê của những nhận thức cực đoan, một chiều. Nói gọn lại là hãy tự giải phóng chính mình trước để có tự do nhìn ngắm con đường sẽ phải đi tới nhằm giải phóng quê hương.

Ngày hôm sau, Trường đã gặp lại Sùng trong một tâm trạng

bình thân hiểm thấy ở chàng. Điều đó có nghĩa là chàng đặt thẳng Sùng trước hết ở vị trí một con người để từ đó thử chiêm nghiệm xem con người đó đã bị chế độ làm biến chất đi đến mức độ nào và những gì còn sót lại được ở trong nó. Không như trước đây, vì mất mát, vì đổ vỡ, vì chìm đắm trong thiếu thốn, khổ hình, Trượng hay có thái độ sỗ toẹt. Nghĩ cho cùng, kể cũng thật là ghê gớm khi người ta để dãi sỗ toẹt một con người. Thằng Sùng hôm nay có vẻ rất phồn phơ. Nó nhoeo với Trượng một nụ cười ngay khi vừa chợt trông thấy chàng. Hai hàm răng của nó trắng bóng dưới ánh nắng của một ngày đẹp trời. Trong tia nhìn của nó thấp thoáng ánh sáng của một niềm vui. Trượng hỏi :

-- Có chuyện gì mà sao hôm nay vui thế.

Sùng vỗ lên túi áo ngực và nói :

-- Nhận được thư... nhà !

-- Thích nhỉ. Tất cả đều bình yên chứ.

Sùng ngần ngừ rồi đáp nhỏ :

-- Lối đúng ra, không phải thư nhà đâu. Tấtnhận được thư của cô Ninh.

Trượng ngạc nhiên :

Cô Ninh là ai ?

Sùng cười hềnh hếch :

-- Người yêu của tôi đấy. Hai đứa dự định làm tới sẽ đứng ra "tổ chức".

-- Tổ chức cái gì ?

-- Còn cái gì. Tổ chức nà nấy nhau, nà nập gia đình chứ còn gì.

Trượng bật lên cười và lần này chàng có dịp nhạo lại nó :

-- Cái đó gọi là làm đám cưới. Làm đám cưới thì nói là làm đám cưới chứ cái gì mà tổ chức với tổ chức. Chữ nghĩa các anh dùng đến là buồn cười.

Thằng Sùng không lấy làm phật lòng về sự chỉ trích này. Nó chỉ đáp buông xuôi:

-- Ủ thì quen thế lão, lối thế ấy.

Rồi bỗng nó buông một lời nhận xét khiến Trượng phải giật mình :

-- Nghĩ cũng buồn cười đấy nhỉ. Mình cũng nà người Việt Lam mà lối với nhau nắm khi không hiểu.

Trượng bị xúc động lắm về câu nói bất ngờ này. Bao nhiêu ngày bị giam hãm ở đây, chưa bao giờ Trượng nhớ lại được ra rằng quê hương Việt Nam từ ngàn xưa vẫn trải dài từ Nam Quan cho đến Cà Mau. Con sục đổ phủ phàng của đất nước đóng khung sự suy nghĩ của chàng vẫn ở cái thời điểm mà đất nước bị chia cắt. Bên này và bên kia. Bên này sục đổ. Bên kia xám lược, chiến thắng.

Ước mơ của chàng về sự giải phóng đất nước, nếu có thì chỉ là sự giải phóng một miền Nam, khôi phục lại vùng đất cũ chứ chưa bao giờ chàng nghĩ đến một giải giang sơn trải dài từ Bắc xuống Nam cùng chung sống trong một vận hội mới. Làm sao Trường có thể hình dung ra được một sự chung sống như thế với nhân dân hai miền đầy rẫy những mâu thuẫn, khác biệt. Nhưng ít ■ đó cũng là một ước mơ, một nguyện vọng chính đáng phải thể hiện chứ. Trường hỏi Sủng :

— Anh nghĩ rằng tôi cũng là người Việt Nam như anh à?

Sủng ngạc nhiên :

— Anh không nà người Việt Nam thì nà người gì ?

— Thì tôi vẫn là người Việt Nam. Nhưng tôi tưởng, dưới mắt các anh, chỉ có một bên là các anh, một bên là kẻ thù cần phải tiêu diệt. Làm gì có người Việt Nam với nhau, có phải thế không ?

Hình như Trường đặt ra với Sủng một câu hỏi có vẻ vượt ra quá khả năng suy nghĩ của nó. Nó hơi bối rối một chút, nhưng rồi cũng tìm ra câu trả lời :

— Với chúng tôi, bạn, thù rất phân minh. Năn nộn giữa bạn với thù nà chao đảo, nà hữu khuynh.

— Vậy anh nghĩ về tôi là gì? Bạn hay thù?

— Trước học tập cải tạo, anh nà thù. Sau học tập cải tạo, anh nà bạn. Nà bạn hay thù, cái đó tùy thuộc ở anh !

Trường cười khẩy :

— Thôi đi mà anh Sủng! Anh thuộc bài bản đấy, nhưng thực tế nó đâu phải vậy. Anh thừa biết đấy, trước hay sau học tập, chẳng bao giờ bọn chúng tôi được chế độ tin dùng. Còn trong học tập, lại càng rõ ràng cụ thể nữa. Cái chính sách kéo dài cải tạo vô thời hạn, đời sống vật chất cực kỳ thiếu thốn, công tác lao động lại cực kỳ nặng nhọc, tất cả cho thấy không có một kết luận nào khác hơn là cấp lãnh đạo của các anh có chủ trương *hủy hoại khả năng chống đối của con người*.

Mặt sủng tự nhiên sưng lại. Nó ngó Trường một cách trân trân, cái nhìn biểu lộ một sự ngạc nhiên hơn là hận thù. Rồi nó buông một câu nhỏ vừa đủ để cho Trường nghe :

— Anh cũng nhận ra điều ấy, hả !

Nói xong Sủng đột nhiên bỏ đi. Thái độ vội vàng này chỉ có thể giải thích được rằng Sủng đã sợ hãi sau khi buông ra một lời thú nhận, đồng tình.

Dẫu sao thì sau lần đó, giữa Sủng và Trường đã mở ra thêm một cánh cửa. Sự dè dặt của Trường đối với nó cũng giảm thiểu đi rất nhiều. Bây giờ thì Trường có thể kể huyền thoại cho nó nghe về đủ mọi thú chuyện trong đời sống ở một xã hội tự do.

Trước thì chỉ là ý thích, vì lòng hoài vọng những kỷ niệm đã

xa vời, nhưng dần dà Trường trở nên say mê trong một dụng ý mới. Chàng muốn cải tạo chính thằng nhỏ đang có nhiệm vụ cải tạo mình. Điều này thật ra không phải dễ. Sùng có những quan niệm đã đóng khung và trở thành chai đá. Như quan niệm về sự tự do mà Trường đã nhiều lần gợi ý, Sùng chỉ cho rằng đó là một sự hỗn loạn, cá lớn nuốt cá bé, giàu bóc lột nghèo.

— Điều đó cũng đúng thôi. Nhưng không phải vì chán ghét cái này mà mình phải chấp nhận cái kia cũng tệ hại chẳng kém.

Trường nói với nó như thế và nó im lặng đồng tình. Nó thú nhận :

— Ở miền Bắc, chả có ai rồi hơi đặt ra những thứ vấn đề như anh lối. Mọi sự đều có Đảng và nhà lược no hết.

Trường kêu lên :

— Thế thì cả cái xã hội ấy đã trở thành một cái chuồng trâu, chuồng bò rồi còn gì.

— Có sao đâu! Bao nhiêu chục năm nay, chả thấy có ai cá lêu thắc mắc gì ngoài sự tranh cãi về sự thiết thời nhu yếu phẩm.

Trường bùi ngùi :

— Thế thì phải hiểu rằng nhân dân miền Bắc đã bị tước đoạt quyền tối thiểu làm người. Bởi vì đời sống đâu chỉ có gói tròn trong có mỗi một vấn đề nhu yếu phẩm.

— Anh lối thế chứ, đó nà một vấn đề quan trọng hàng đầu đấy. Dời nhu yếu phẩm ■■■ nà chết đói nhân rãng.

Trường chép miệng :

— Chưa bao giờ trên đời này lại có một kiểu xã hội đơn giản và khủng khiếp đến như vậy.

Lòng Trường đột nhiên tràn ngập một nỗi xót xa đến độ chàng không còn muốn nói thêm với Sùng một lời. Chàng im lặng đẩy mũi dao nhọn hoắt trên những đường hoa văn chạy trên mặt cái trầm cài. Sùng cũng không nói gì thêm mà chỉ say sưa chăm chú theo dõi những nét tài hoa mà Trường đang chạm trổ. Khi Trường hoàn tất những nét sửa chữa cuối cùng, chàng gơ cái trầm lên ngắm nghía. Lúc ấy Sùng mới trầm trở.

— Tuyệt đẹp anh ạ. Lếu anh rảnh, nhờ anh khắc cho tôi một cái để tôi gửi tặng Ninh.

Trường gật đầu :

— Anh đi kiếm nhôm đi. Chuyện khắc là chuyện dễ.

Sùng reo lên như một đứa trẻ được mẹ hứa cho quà. Bây giờ nó mới thú nhận rằng nó đã tom góp được bao nhiêu là mảnh nhôm và ước vọng của nó chỉ là có được một cái lược giống y như cái lược nó đã trông thấy hôm nào để gửi tặng người yêu. Sùng nói :

— Chỉ xin anh thêm cho vô đây một hàng chữ viết nà "Yêu

Ninh trong nghĩa vụ thanh liên”.

Trường hỏi :

— Ninh hay là Linh. En nờ hay E lờ ?

— En nờ chứ! Giống như điện Cẩm Ninh mà anh nói đấy.

Trường bật cười :

— À! Thế là E-lờ! Linh! Linh chứ không phải Ninh. Nhưng này, cái gì mà Yêu trong nghĩa vụ thanh niên. Nói yêu thôi, không phải là đủ à ?

Sùng cúi đầu, bùi ngùi :

— Phải lối thế Ninh mới hiểu được lòng tôi. Bởi vì lẽ không dính đến cái vụ nghĩa-vụ thì tôi đã nuôn nuôn ở bên cạnh cô ấy rồi còn gì.

Trường chép miệng :

— Đắt nước đã hòa bình, độc lập từ bao nhiêu năm rồi mà vẫn còn cái vụ nghĩa-vụ làm cho tình yêu phải phân ly, chia lìa. Nói thật, cái giới lãnh đạo của chế độ này quả là một lũ người không còn nhân tính.

Sùng kêu lên :

— Chết! Anh phát ngôn ninh tinh như thế có ngày mang họa.

— Thì chỉ có tôi với anh. Chả lẽ anh đi tố cáo tôi.

— Sợ nà sợ anh quen mồm đó thôi. Lối ở đây thì được, về tới trại mà như thế nà chết. Có thiếu gì tai mắt, nguy hiểm lắm.

Trường nhìn Sùng biểu lộ một sự cảm ơn về lời khuyên cảnh giác của nó. Niềm cảm thông nẩy nở giữa hai người đem lại cho Trường thêm những ý tưởng mới mẻ. Rõ ràng cả cái dân tộc này cần tới một sự đối thoại. Bọn lãnh đạo, bọn có đầy đủ uy quyền chỉ là một thiểu số. Đa phần còn lại đều là những nạn nhân. Giữa nạn nhân nếu vẫn còn dựng lên những hàng rào, những hố ngăn cách thì sức mạnh tổng hợp không bao giờ tìm thấy được.

Những ngày sau đó, Trường chuyên chú vào việc mài rũa cái lược dành cho Sùng. Sùng có vẻ cảm kích lắm. Lòng nó hẳn có nhiều xốn xang khi nghĩ đến cái lược tuyệt hảo này sẽ được gài lên mái tóc của người yêu. Trường chưa bao giờ hỏi thăm một lời nào về Linh cả. Chẳng chỉ nghĩ rằng họ cũng là những trái tim biết thốn thức. Ngoài chuyện cá nhân, đôi lứa, sự thốn thức của trái tim có hướng về một mục tiêu nào khác nữa hay không là do ở trình độ nhận thức, hiểu biết. Cái nhược điểm lớn lao của xã hội này là toàn thể mọi người đều bị chế độ bùng bít tối đa. Giống như tên xà-ích che mắt một con ngựa để chỉ cho nó đi theo hiệu lệnh của làn roi. Con ngựa trở nên mù lòa và suốt đời không thể tưởng tượng ra được ở bên kia bóng tối bao trùm tất cả đời sống của nó, là cả một cánh rừng bao la, những đồi cỏ non, những thung lũng trái dài, những triền núi cao thăm thẳm. Và có cả những đàn ngựa hồng

xoải vó cất tiếng hí vang động cả trời cao. Ý nghĩ này khiến Trường nảy ra sáng kiến giành ra một góc nhỏ để trạm trở một đôi ngựa. Như một thứ thông điệp tự do của kẻ còn nằm trong tù gửi cho những kẻ ở ngoài nhà tù. Chàng nhún nhủ với Sùng :

— Nhìn ngắm đôi ngựa này để biết thù ghét kiếp ngựa bị che mắt và chỉ tuân hành theo chỉ thị của lẫn roi. Kiếp người cũng thế mà thôi.

Sùng chớp mắt liên hồi khi được Trường nhồi nhét cho cái hình ảnh ấy, điều mà trước đây, không bao giờ nó có thể tưởng tượng được ra. Nó hình dung đến hình ảnh một ngày nào đó trong tương lai, ngồi cầm lược chải đầu cho vợ mới cưới, hẳn nó sẽ bối rối nhiều lắm khi phải giải thích cho nàng nghe về ý nghĩa của một đôi ngựa.

Đã đi nhiều ngày sau, tự nhiên Trường không thấy Sùng xuất hiện trong những nhiệm vụ hằng ngày nữa. Lúc đầu, Trường dự đoán là Sùng bận rộn một công tác đột xuất nào đó. Sau dần dà, sự vắng bóng lâu lác của nó gây cho chàng một mối lo ngại về một sự bất thường nào đó đã xảy ra. Mãi đến hơn hai tuần sau, trong một buổi chập choạng tối, lúc chờ giờ phân phối thực phẩm ăn tối, Trường mới thấy Sùng bất ngờ xuất hiện một cách lén lút và kéo tay chàng ra một chỗ khuất riêng. Sùng nói :

— “Em” bị gặp khó khăn rồi. Các đồng chí nãnh đao kết tội em hữu khuynh và truy kích em kịch liệt. Các đồng chí ấy lối rằng tưởng em có nhiệm vụ cải tạo Mỹ Ngụy, lờn ngờ chính em bị Mỹ Ngụy nằm cho chao đảo. Biện pháp áp dụng nà gửi em hoàn trả cho đơn vị gốc tùy lời lầy xử ný. Thế nà em không chờ anh hoàn tất được cái nước để em tặng cho Ninh rồi.

Trường vội vã nói :

— Chú chờ ở đây. Tôi tặng chú cái lược của chính vợ tôi vậy.

Nói rồi Trường tất tả đi bới lên cái lược mà chàng đã cất dấu. Dưới ánh sáng chập chờn của những ngọn lửa trên lò bếp, nó vẫn sáng ngời như một thanh kiếm bạc. Chàng rúi vào tay Sùng và thăm thĩ :

— Tôi tiếc là không làm nhanh hơn để trên cái lược này có lời đề tặng của chú dành cho cô Linh.

Và chàng mỉm cười :

— Nhất là chẳng có một đôi ngựa...

Sùng mỉm cười theo :

— Chẳng có đôi ngựa ở trên nước thì em cũng đã ghi gởi hình ảnh đó ở trong đầu. Em sẽ lối với Ninh về đôi ngựa ấy khi có dịp.

Trường xúc động ghi chặt lấy đôi vai vạm vỡ của Sùng. Trong cái nhá nhem của một ngày tàn, đôi mắt của Sùng chợt sáng lên một cách lạ kỳ. Rồi Sùng nhe răng nhòen một nụ cười thật hồn nhiên. Nụ cười của tuổi trẻ còn sót lại sau bao nhiêu thiêu đốt của những lò đổ khuôn một con người.

Sau lần đó, không bao giờ Trường được nghe nói về Sùng. Nhưng lòng của Trường vẫn tràn ngập một niềm vui vì chàng đã gửi được một thông điệp ngay giữa vòng rào kẽm gai của một trại tù.

Nhật-Tiến

Santa Ana, tháng 12, 1985

Nhà Sách TRUNG VIỆT
6520 Darlington
Montreal, Québec — Canada
H3S 2J3
Tel: (514) Bus: 341-1740
Res: 739-5183

■ *Bán đủ các loại sách:*

Tự điển, biên khảo, tiểu thuyết, võ hiệp Trung Hoa, sách học ngoại ngữ, sách học nghề... (Với Thư Mục có gần 2000 mặt sách).

* *Băng nhạc mới, chính gốc :*

Gần 300 mặt băng nhạc của các nhà Phát Hành Thanh Lan, Làng Văn, Dạ Lan, Tú Quỳnh, Thúy Nga, Diễm Xưa, Quỳnh Dao, Tú Phương...

■ *Có trên 20 tạp chí :*

Những tờ báo đại chúng được phát hành khắp nơi tại hải ngoại.

Đặc điểm của Trung Việt :

- Sách và băng nhạc mới về hàng tuần.
- Giá đặc biệt để thiết lập Tủ Sách Gia Đình, Thư Viện.
- Nhận phát hành đi xa theo giá bán sỉ.

Đặc biệt 1986 :

- Đánh dấu 10 năm nền Văn Học Việt Nam tại Hải Ngoại.
- Phát hành **Cuốn Tổng Hợp Thư Mục**, bao gồm tất cả các loại sách Việt đã tái bản và xuất bản trong 10 năm qua.

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

4

Trại mới và những người bạn mới.

Một tuần lễ sau, chúng tôi được chuyển đi trại khác. Các vụ chuyển trại không bao giờ được báo trước. Sáng hôm nay, chúng tôi ăn cơm sớm rồi lên đường, không cần phải chuẩn bị gì cả. Nhà bếp chỉ phát cho chúng tôi mỗi người một cái bầu nhỏ để đựng nước uống, một trái bầu nậm phơi khô, đã ngả màu vàng đậm vì khói bếp.

Ra khỏi căn phòng tối, chúng tôi mới nhìn rõ mặt nhau, và ngạc nhiên nhận thấy ai cũng vô vàng, tiêu tụy. Đói, lạnh, và ưu tư đã làm giảm sức khỏe của tù nhân rất nhanh. Một anh bạn trẻ nói, giọng ái ngại:

— Xin lỗi, tôi không biết các anh như thế nào, chứ suốt một tuần qua tôi không đi cầu được.

— Thì có vào đâu mà có ra! Ai mà chẳng thế!

Trong lúc chờ đợi cán bộ và bộ đội đến hướng dẫn đi, chúng tôi xích lại gần nhau, thì thầm bàn tán.

— Sao lại chuyển đi nơi khác sớm thế?

— Ở đây chẳng có gì ăn, sống sao được!

— Có lẽ ở đây không an toàn.

— Rồi chúng ta sẽ đi sâu vào rừng già.

— Trong rừng già thì có gì mà ăn?

— Chắc họ có kho lương thực, hoặc nhờ đồng bào Thượng cung cấp sẵn.

— Thiếu gạo muối là điều chắc chắn.

— Nhưng mà anh có biết chúng mình sẽ đi đến trại nào không? Và đây là đâu?

— Ai biết được! Đây là vùng giải phóng!

— Nghe nói vùng này nhiều vất vả lắm.

Tôi ái ngại nhìn con đường lượn quanh co bên bờ suối, những

cây mây cao đầy gai, những bụi cây um tùm, và những giây cây leo chằng chịt như những con rắn dài bò ngang dọc cạnh con đường mòn gỗ ghề. Chân tôi vẫn còn đau: những chỗ lở lói dưới lòng bàn chân và phía sau gót, vì không thuốc chữa, vẫn còn nhức nhối.

Người cán bộ đến gần chúng tôi dặn dò:

— Hôm nay đi đến trại mới. Các anh phải đi nhanh, chỗ nào tôi bảo ngừng mới được ngừng. Đem qua mưa to, vất nhiều vô kể.

Như thường lệ, bộ đội buộc tay chúng tôi, cứ hai người một. Ra khỏi trại một lúc, chúng tôi tiến vào rừng rậm. Cây lớn không nhiều, nhưng những tán lá thấp rậm rạp như đè nặng trên đầu chúng tôi. Tôi đi chậm, nên cùng anh bạn chung giầy buộc tụt lại phía sau. Những con vắt, đánh thấy hơi người, không rõ từ đâu, phóng ra lúc nào không biết, và bám vào chân, vào cổ tay, vào mặt, luồn qua quần áo, lọt vào trong người. Chúng tấn công liên tiếp. Đứng lại gỡ chúng nó ra, thì chỉ làm mỗi cho chúng. Mà bị chúng cắn, cũng không cảm thấy đau, đến lúc máu chảy ra nhiều mới biết. Vả lại, dần theo hàng dọc, mà ở vào vị trí cuối cùng, thật thất lợi, vì vắt đã ngửi được hơi người đi trước rồi, nên sẵn sàng lao ra cắn vào người đi sau. Mùi máu càng hấp dẫn chúng.

Đoàn người lặng lẽ leo dốc, xuống dốc, lội suối, băng qua những khu rừng rậm, rồi cứ thế mà tiếp tục đi. Chung quanh, không một bóng người không một mái nhà. Không bóng dáng hay tiếng động cơ của một chiếc máy bay, không một tiếng súng từ xa vọng lại. Thỉnh thoảng nhìn thấy mặt trời, tôi đoán rằng chúng tôi đang đi về hướng Tây, nghĩa là đi sâu vào dãy núi Trường Sơn.

Người mệt lả, đôi chân mỗi rã rời, chúng tôi cơ hồ không bước nổi; chiếc gậy đã trở nên quá nặng. Thế mà vẫn phải rảo chân, thất thểu đi như những con người máy. Gót chân tôi chảy máu khá nhiều. Khi tôi dừng lại để gỡ một con vắt, người bộ đội áp tải đi sau cùng lên tiếng:

— Ấy, bị loại vắt xanh cắn, thì khó cầm máu lắm.

Chân bị lở lói, mà phải dẫm lên bụi đất, lá cây mục, hay bùn lầy hai bên bờ suối, tôi chỉ sợ bị nhiễm độc, nhưng không có cách nào để phòng bị, nên đành phải nhịn đau mà dần bước.

Đến trưa, chúng tôi dừng lại bên bờ một con suối rộng để nghỉ ngơi và ăn uống. Vẫn mấy củ sắn luộc. Mấy người bộ đội bắc một cái chảo nhỏ, múc nước suối, đun sôi. Họ có mang theo lương khô, ăn kèm với sắn.

Chúng tôi nhỏ to bày tỏ thắc mắc với nhau:

— Thế này là đi về đâu? Có phải đi về phía đường mòn Hồ Chí Minh không?

— Không đâu. Nếu gần con đường ấy, tất phải nghe tiếng cam nhông nhà binh chạy.

— Đến trại mới, cuộc sống sẽ ra sao?

— Ban này, cán bộ cho biết trại này lớn lắm, có trồng được lúa, hoa màu, nuôi gà...

Một người tỏ vẻ nghi ngờ:

— Thì cứ hằng nghe như vậy.

Tôi chợt nhớ câu hứa hẹn của người cán bộ ở sân Tòa Đại Biểu Chính Phủ:

— Lên đến trại, sẽ có đủ mọi thứ.

Ấn xong, chưa hết mệt, cán bộ đã dục lên đường. Vắn rừng núi trùng điệp, những con dốc cao trơn ướt, những bờ suối dựng đứng, phải dang hai tay ra, bám vào sườn đá rêu đóng trơn như mỡ mà lần từng bước một. Lâu lâu, lại nghe thúc dục:

Khẩn trương lên, sắp đến nơi rồi.

Núi cao và cảnh lá dày đặc che khuất mặt trời, một mặt trời bệnh hoạn, rụt rè nấp sau những đám mây đen đùng đục. Chiều rừng đổ xuống rất nhanh. Chúng tôi cất bước trong bóng hoàng hôn nặng trĩu, hoang mang không biết có đến trại trước khi đêm xuống không. Mà có lẽ trời sắp mưa, những cơn mưa rừng phủ phàng với gió lộng hú dài trong thung lũng dai dẳng suốt ngày đêm mà chúng tôi đã từng kinh nghiệm.



Hôm qua, lúc đến trại, thì đã tối mịt, nên sáng nay, chúng tôi mới thấy được quang cảnh của nơi cư ngụ mới. Cũng chẳng có gì rộng rãi khang trang như cán bộ tuyên truyền: chỉ có hai dãy nhà thấp bằng cây và tre nửa, ngăn ra từng phòng hẹp, và một ngôi nhà nhỏ dùng làm nhà bếp và bệnh xá. Hai dãy nhà bao quanh một mảnh sân dài. Phía bên kia đồi là nhà của cán bộ và bộ đội.

Hôm nay, chúng tôi, những người mới đến, chưa phải lao động. Chúng tôi được nghỉ ngơi sau cuộc hành trình vất vả. Dọn dẹp xong căn phòng nhỏ, chúng tôi tập hợp ở trong sân để nghe cán bộ phổ biến nội quy của trại. Tương đối, trại này có vẻ được tổ chức khá hơn, không phải như trại trước, là một trạm dừng chân tạm. Rải rác trên vùng núi non của dãy Trường Sơn, có khá nhiều trại được dựng lên do sức lao động của phạm nhân, nhưng rồi sau một thời gian, vì lý do an ninh, vì không thuận tiện cho công việc canh tác hay tiếp tế lương thực, nên bị bỏ đi, và trở thành hoang phế.

Người cán bộ giám thị trại giam đọc bản nội quy và yêu cầu chúng tôi triệt để tuân theo: phải chấp hành lệnh của cán bộ phụ trách các tổ, phải giữ gìn vệ sinh cho trại, không được thảo luận về chính trị, không được xuyên tạc chính sách của chính phủ, không

được nói chuyện với nhau bằng ngoại ngữ, và nhất là phải lao động, học tập tốt, tuyệt đối tin tưởng vào chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước, vào thắng lợi tất yếu của Cách Mạng...

Những lời căn dặn, giải thích đó, chúng tôi đã được cán bộ phổ biến nhiều lần, nên chỉ nghe một cách lơ đãng. Trong lúc người cán bộ đứng tuổi, gầy gò với mái tóc muối tiêu đang dài dòng trình bày những điều mà ai cũng biết rõ rồi, tôi bỗng nhận thấy rằng công tác tuyên truyền thật không đơn giản. Tôi đâm ra ngờ vực cái nguyên lý chủ trương rằng cứ nói mãi những điều đối trá rồi rốt cuộc thế nào người nghe cũng tin, không nhiều thì ít. Trong hoàn cảnh hiện tại, cứ bị rót vào tai những luận điệu quá quen thuộc, những lập luận nguy biện trắng trợn, những lời khoe khoang bịp bợm, chúng tôi thật đã chán ngấy, không còn muốn nghe và không tin nữa, ngay cả khi cán bộ nói thật.

Không ai thắc mắc và nêu câu hỏi, cán bộ tuyên bố chấm dứt buổi họp, và chúng tôi tản mác đi tìm gặp những người bạn mới. Họ đang ngồi ở một góc sân, đan thúng, mũng, rổ, rá. Đây là những phạm nhân già yếu, bệnh hoạn; những người trẻ tuổi, khỏe mạnh, đều đã vào rừng lấy củi, hoặc đi lấy sắn, gạo ở các trại khác từ sáng sớm.

Chúng tôi ngồi xuống cạnh những người đang chăm chú làm việc :

— Trại này thuộc vùng nào trong tỉnh Thừa Thiên?

Không ai trả lời cả. Tôi chợt hiểu rằng họ được lệnh không trả lời câu hỏi đó, ít ra là ở chỗ đông người.

Có người giới thiệu với chúng tôi một cụ già, có lẽ đã ngoài 60 tuổi, người cao gầy, khoác một cái áo măng tô dày ra ngoài bộ quần áo ngủ:

— Đây là anh Ngạn, hội viên Hội Đồng tỉnh Thừa Thiên.

Trong trại giam, không ai gọi người khác bằng ông cả, dù người đó đã lớn tuổi. Họ chẳng, đôi khi họ dùng danh từ chú, hoặc bác. Ông Ngạn nhìn chúng tôi, thông thả nói, giọng buồn bã:

— Tôi bị bắt hôm Tết vừa rồi. Minh già rồi, có làm gì đâu. Chỉ đại diện cho dân mà thôi.

Ông Ngạn quê ở quận Phú Lộc. Tôi biết rõ gia đình ông: một người cháu gọi ông bằng chú là bạn học cũ của tôi. Thấy tôi vẫn vờ hỏi chuyện ông, một phạm nhân bảo nhỏ tôi:

— Ở trong trại, không nên bày tỏ cảm tình một cách lộ liễu với ai cả. Không có lợi đâu.

Lời nhắc nhở ấy làm tôi suy nghĩ, và ghi nhớ mãi. Nhưng về sau này, trong một vài trường hợp, tôi không theo đúng lời khuyên bổ ích ấy. Trong cuộc sống lao tù, nỗi gian nan chung đã giúp cho chúng tôi dễ dàng thông cảm với nhau và trở nên gần gũi nhau

hơn. Làm sao không để lộ cảm tình được?

Ông Ngạn chỉ một cụ già khác đang ngồi đan rổ ở bên cạnh:

— Ông có biết ông Minh không? Võ Thành Minh.

Tôi chào và bắt tay người bạn mới.

— Ông có phải là người đã từng căng lều thổi sáo bên bờ hồ Genève hồi năm 1954 để phản đối hiệp định chia đôi đất nước sắp được ký kết không?

— Chính tôi.

Tôi nhìn người đối thoại. Gầy, nhưng rắn chắc, ông mặc áo đen dài, quần trắng, đi một đôi ủng cao cổ màu đen, khuôn mặt dài, dưới cằm lưa thưa mấy sợi râu bạc. Tôi nhắc lại:

— Tôi được biết ông khi còn ở trường tiểu học. Thầy giáo của tôi là một huynh trưởng hướng đạo, và một hôm thầy tôi đưa ông đến giới thiệu cho cả lớp. Ông nói qua về tôn chỉ, mục đích của phong trào hướng đạo, hồi đó mới phôi thai tại Đông Dương.

— Ông nhớ đúng quá. Tôi cũng nghe nói đến ông nhiều, ông Minh đáp với giọng Nghệ An chắc nịch. Tôi bị bắt vào hôm mồng năm Tết, và được đưa lên đây, nói là để gặp một cán bộ cao cấp và thảo luận một số vấn đề.

Một người đứng bên cạnh dùng cùi chỏ hích nhẹ cánh tay tôi. Tôi hiểu là trong lúc này, không nên nói chuyện nhiều hơn nữa với ông bạn già này, và quay sang một người còn trẻ, khoảng ngoài ba mươi tuổi, thấp, hơi gầy, râu mép lún phún vì nhiều ngày chưa cạo. Ông Minh giới thiệu:

— Đây là hác sĩ Đệ.

Sau cái bắt tay, Đệ nói ngay :

— Tôi là em anh D. làm việc ở Phòng Du Lịch Huế.

— A, anh D. là bạn học lâu năm của tôi. Trước Tết, tôi có ghé thăm anh ấy ở đường Mã Khái, rất tiếc không được gặp.

— Không ngờ anh cũng đến đây.

Nói xong, Đệ đưa mắt nhìn quanh, xem có cán bộ nào đứng gần đấy không, rồi tiếp :

— Phần lớn anh em ở đây là người địa phương, thuộc các ấp, xã trong tỉnh Thừa Thiên. Họ là ấp trưởng, ủy viên hội đồng xã hay dân vệ. Cũng có vài anh em thuộc các sắc dân Thượng.

Anh Đệ nhìn một người ngồi gần đó:

— Như anh An đây chẳng hạn. Anh ấy là ủy viên thanh niên của một xã.

Khổ người trung bình, nước da xanh như tàu lá chuối, trên mặt nổi lên những hạt mụn lớn sần sù, An tự giới thiệu:

— Tôi bị bắt đã hai năm, đã trải qua nhiều trại rồi mới đến đây. Cứ tưởng được về tù lâu, nhưng cho đến nay, trường hợp tôi

vẫn chưa được giải quyết. Tôi đã khai báo đầy đủ hết.

Tại sao Việt Cộng bắt giữ những người không đảm nhận một nhiệm vụ quan trọng trong chính quyền Việt Nam Cộng Hòa? Mới đây, có người cho hay rằng những nhân viên ở các ấp, xã xa xôi thường chạm trán trực tiếp với đối phương, nên cũng là những kẻ thù cần phải tiêu diệt, huống hồ có người lại có nợ máu nữa. Đang suy nghĩ về lối giải thích đó, tôi bỗng nghe tiếng gọi từ trong nhà bếp vọng ra:

— Các anh vào nhà bếp lấy cơm :

Những người đang làm việc vội thu dọn dụng cụ, đem cất vào phòng, rồi chạy xuống suối rửa tay chân để chuẩn bị bữa ăn trưa. Trong nhà bếp, các củ sắn được chia thành từng phần, xếp thành hàng dài, trên một cái kệ bằng tre. Cạnh mỗi phần sắn, có đặt một cái bầu tròn đựng canh rau. Chúng tôi lần lượt vào bưng ra, rồi tùy tiện trở vào phòng, hoặc ngồi dưới các gốc cây mà ăn.

Một phạm nhân cũ hướng về phía chúng tôi:

— Các anh mới đến được gặp may. Hôm nay nhà bếp chịu khó đi kiếm rau rừng, cho nên chúng mình có canh rau tàu bay. Mọi hôm chỉ có sắn không. Thỉnh thoảng mới có muối mè.

Sau bữa cơm chiều, tôi được xếp ở cùng một góc phòng với anh Đệ. Thực tình, tôi không hiểu tại sao anh ấy bị bắt. Đệ là bác sĩ phục vụ tại một bệnh viện ở Huế. Không biết anh có tham gia chính trị hay không nhưng các “sinh viên tranh đấu” ở Huế tỏ thái độ bất mãn đối với anh, hành hung và đốt nhà anh. Trong nhóm chúng tôi, có người cho rằng Việt Cộng cần bác sĩ nên bắt anh lên phục vụ cho các bệnh xá của bộ đội giải phóng. Tôi không tin lời giải thích này là đúng.

Tôi không đề cập đến lý do khiến anh bị bắt, và Đệ cũng không cho tôi rõ trường hợp của anh, như ông Ngạn đã làm. Anh không phàn nàn điều gì, ngoài việc tỏ ý tiếc rằng, trong thời gian bị giam giữ, anh bị thiệt thòi về tài chánh, vì không được hành nghề bác sĩ tư, ngoài giờ làm việc tại bệnh viện của chính phủ. Tôi vô cùng ngạc nhiên. Trong lúc này, còn biết bao nhiêu vấn đề buộc mình phải bận tâm suy nghĩ: sự sống còn của chính bản thân mình, số phận của gia đình mình, vận mệnh đất nước, thế mà anh chỉ thắc mắc số lợi tức mà anh có thể thu hoạch, nếu không bị bắt. Thật ra trong hoàn cảnh bị giam giữ và theo dõi thường xuyên, không thể dễ dàng xét đoán và phê phán hành vi của một phạm nhân. Có lời nói được thốt ra không phải để diễn đạt ý nghĩ, mà để che đậy một ý nghĩ khác, hay một sự việc khác. Có những hành động được thực hiện để giải thích một hành động đã qua, để đánh lạc hướng cán bộ đang dò xét mình, hoặc để làm bình phong cho một hoạt động khác sắp xảy ra. Cho nên tôi tự nhủ sẽ nhận xét kỹ hơn về Đệ trong thời gian chung sống với anh.

(còn tiếp)

Thư của ban trị sự
Kính gửi quý bạn đọc dài hạn ở Hoa-Kỳ.

Mấy tuần gần đây, chúng tôi có nhận được thư của một số bạn đọc dài hạn than phiền nhận tờ tạp chí quá trễ, hoặc thiếu sót. Chẳng hạn đến nay, vẫn có một vài vị chưa nhận được số 7 (tháng 11), một vài vị khác đến nay (20-1-86) chưa nhận được số Tết (8 và 9).

Sự chậm trễ hay thiếu sót này do ban trị sự **Đ** không thể chịu đựng nổi bưu phí quá cao, nên đành phải gửi báo tới quý vị theo bulk rate.

Xin tính rõ ràng số chi phí như sau :

Tiền báo dài hạn cho mỗi số 20/12 1.66 đô

Bưu phí gửi mỗi số báo nếu gửi theo hạng nhất

(tới tay quý vị ba ngày sau) 1.07 đô

Bưu phí gửi mỗi số báo theo hạng ba 0.88 đô

Nếu làm một con tính, chắc quý vị nhận thấy ban trị sự không thể nào gửi báo theo hai hạng trên đây được, vì với ấn phí trung bình \$1.50 mỗi số báo, chúng tôi chỉ còn nhận được từ quý vị số tiền \$0.97 và \$1.12.

Gửi báo theo bulkrate vẫn nhanh như gửi theo hạng ba, tuy nhiên có điều bất tiện là nếu vì lý do nào đó báo không tới tay người nhận, bưu điện không hoàn trả lại cho tòa soạn. Vì vậy mới có trường hợp có vị đến nay chưa nhận được số 7 mà chúng tôi chỉ được biết sau khi quý vị không kiên nhẫn được nữa, **Đ** viết thư than phiền.

Chúng tôi **Đ** kịp thời gửi bù các số báo thiếu cho quý vị bằng bưu phí hạng nhất, và thành thật xin lỗi về sự thiếu sót bất khả kháng nói trên.

Văn Học số 1 quý vị đang cầm trên tay là VHNT số 10, ra ngày 1-2-1986. Sau số này, quý vị đặt **Đ** một năm chỉ còn 2 tháng nữa là hết.

Xin quý vị tái hạn ngay từ bây giờ **Đ** chúng tôi tiện việc theo dõi danh sách độc giả dài hạn cho năm thứ hai.

Trân trọng,
Võ Thắng Tiết

TB: Nếu sau ngày 15 mỗi tháng, vị nào chưa nhận được báo, xin viết thư hoặc gọi điện thoại về tòa soạn cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ xin gửi bù theo đường lối nhanh nhất. Cảm tạ.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Biết làm sao, Hỡi, Một phút giữa cơn mê (N Trang) Mĩa mai (HT) Đưa tiễn, Sầu, Cuồng phong, Chờ vợ (TLP) Tâm sự đứa con, Vịn ngao mình làm thơ Đường luật lần đầu (NPN) Cuộc tình không quên (MHH) Có một ta, Hỡi cố lên VN, Xa xưa (TMN) Ngày trở lại làng chuồng, Sầu vẫn ngàn năm (NBS) Em, Đêm giải thoát, Non sông, Chuồn chuồn (TNM) Nói đi trí nhớ, Thư gửi người nằm ngoài (PTH) Đắng cay, Đổi đời (TC Ưc) Mưa đời, Nửa đêm, Từ ngày đầu thơ , Cáo chung, Soi bóng mình (NPN), Qua cầu lịch sử, Chị đi lấy chồng (NĐ), Nỗi buồn năm cũ (HCT), Đêm vàng (LNH), Chỗ ngồi giữa trời đất, Bùi Giáng, Một hột ngàn thu...(NY) Vài ý nghĩ qua thi hản Bài học lớn (NHH), Bạn tôi đầu (HDA), Đối ngã (VQH), Lá thư tâm sự (NPN), Đêm ~~khuya~~ nhớ bạn, Trên đường lữ thứ (KĐ), Nói làm sao (TQ), Canh bạc (truyện dịch của HĐN), Hỡi dậy đi anh, Thờ nguyệt cầm, Mộng mười bảy rưỡi, Ai về BĐ mà coi (TT), Nhà đầu ta về, Truyền kỳ (NNT). Những bài chọn đăng trong các số sau, chúng tôi sẽ có thư riêng cho quý bạn. Cảm ơn sự cộng tác chân thành của quý văn hữu đối với Văn Học.

ĐÍNH CHÍNH

Trong Văn Học Nghệ Thuật số Tết Bính Dần , do sơ suất không thể tha thứ được của Toà soạn, bài thơ *Mùa xuân về quê hương* của nhà thơ *Thái Tú Hạp* đã có nhiều chữ in sai hoặc thiếu sót. Văn Học thành thật xin lỗi nhà thơ *Thái Tú Hạp* và quý bạn đọc, và xin đăng lại trọn bài thơ trên như sau :

MÙA XUÂN VỀ QUÊ HƯƠNG

Mai tôi về còn ai thăm hỏi

Đồng Phú Chiêm vàng lửa tháng ba

Chuông Phước Kiển khua chiều tình mặc

Mẹ tôi sầu bên mái phố sương khuya.

Con đường về Hội An xa thăm

Em thơ còn áo lụa Duy Xuyên

Quê Tiên Phước còn thơm tình nghĩa cũ

Trầu La Qua còn giữ thăm tơ duyên

Tôi sẽ hỏi đường lên Đại Lộ
Mùa nam trâu ngọt lịm chân tình
Sáng thức dậy còn mơ khoai Tiên Đoã
Nhớ rượu cần trên buồng sóc Trà Mi

Tôi kể chuyện ngày xưa Hoài Phố
Miền quê hương có Ngũ Phụng Tề Phi
Núi Non Nước ngăn trời bão tố
Sóng Thu Bồn hiền dịu đỡ phù sa

Tôi sẽ qua Chùa Cầu lưu luyến
Nghe tiếng gà trưa gáy Cẩm Phô
Bông vạn thọ tuổi tình yêu mới chớm
Trên mái đình con sáo hót liu lo

Tôi sẽ xuôi Đại Bình Trung Phước
Thăm vườn cam vàng thăm nắng chim khuyên
Trà Quế Tiên sương mai còn lấp lánh
Đóa yêu thương nở ngát trong tim

Mai tôi về ngõ quê nghèo hoang vắng
Đầu sông hiu hắt sương bay
Phố cũ người xưa sao tình vẫn lạ
Mùa xuân khô héo trên cây

Bạn bè tôi chia lìa trăm hướng
Tiếng chuông chiều im bất tỉnh không
Trong thế gian nỗi sầu nào đau đớn nhất
Cũng không bằng sầu mất quê hương.

Thông báo cùng các bạn đọc muốn mua các số cũ

Văn Học Nghệ Thuật:

Văn Học Nghệ Thuật bộ cũ hiện chỉ còn 8 số. Văn Học Nghệ Thuật bộ mới từ số 1 (tháng 5/85) đến số Tết Bính Dần (tháng 12/85 và tháng 1/86) các số 1, 2, 3 đã hết. Chúng tôi chờ nhu cầu các bạn đọc muốn có trọn bộ để hoặc cho xerox hoặc cho in lại các số thiếu. Trân trọng kính xin quý độc giả rỗi.

Cáo Lỗi

Vì số đặc biệt về thi ca này có quá nhiều bài vở, nên Văn Học xin tạm gác lại một kỳ một số mục thường xuyên như: Thời sự văn học nghệ thuật, Vườn thơ văn cũ, Điểm sách, Thời kỳ thành lập xu hướng nhạc tình (của nhạc sĩ Phạm Duy) Trân trọng cáo lỗi cùng quý văn hữu và bạn đọc.

VĂN NGHỆ giới thiệu :

▪ **Tạp Chí Văn :**

Nhà văn Việt Nam nào lớn nhất ?

Trùng Dương:

(...) Hiện tại thì Võ Phiến (...)

(Văn, số 6, tháng 12, 1982)

▪ **Tạp Chí Văn :**

Nhà văn Việt Nam nào lớn nhất theo ý ông ?

Nhật Tiến:

Vũ Trọng Phụng ngày trước và Võ Phiến bây giờ.

(Văn, số 6, tháng 12, 1982)

▪ **Đòng Hồ :**

Viết tùy bút thì Võ Phiến nhất miền Nam này, mà biên khảo thì không ai hơn bác (Nguyễn-Hiển-Lê)

(Nguyễn-Hiển-Lê, Đời viết văn của tôi)

▪ **Nguyễn-Hiển-Lê**

(..) tùy bút của Võ Phiến có phần hay hơn, nhẹ nhàng hơn, nhiều vẻ hơn tùy bút của Nguyễn Tuân.

(Đời viết văn của tôi)

Nhà xuất bản *Văn Nghệ bắt đầu in Võ-Phiến toàn tập* gồm 18 cuốn, mỗi cuốn từ 300 đến 500 trang.

Cuốn đầu tiên là :

TÙY BÚT 1

Một công trình như thế chắc chắn còn lâu mới có dịp tái bản. Vì vậy để có đủ trọn bộ, khỏi hụt mất cuốn nào, bạn đọc có thể đặt mua ngay từ lúc này.

Thư từ và ngân phiếu xin đề :

Ông Võ-Thắng-Tiết

15551 South Pasadena Ave #A

Tustin, CA 92680

**Hai món quà tặng mùa xuân
làm phong phú cho tủ sách gia đình**



1 9 8 5

Biển, và Người

tập truyện của Đoàn Văn Xuyến
giá \$8.50

Cao Bá Quát: **Giữa Hồn-Thiên-Sông-Núi**

của Tưởng Vũ Anhty
giá \$10.00

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

- Hối mua tại các tiệm sách, hoặc liên lạc với:

Nhà Xuất Bản Ước Trại

1694½ The Alameda, San Jose, California 95126

thư từ ngân phiếu xin đề: **Tim Nguyễn**

Văn Học 121

JUST PUBLISHED

JOHN K. WHITMORE

Vietnam, Hồ Quý Ly, and the Ming (1371-1421)



The LAC-VIÊT Series — No. 2

YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES
COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES

US\$10.00 (including postage)

Please make your check or money order payable to Yale Southeast Asia Studies and send it to:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

Văn Học 122

FORTHCOMING IN SPRING 1986

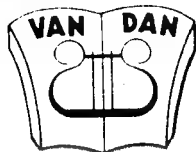


Editors:
O. W. Wolters
Huỳnh Sanh Thông

Contents - The beast of the year Bính-Dần: Speaking of the tiger; The lawgiver and the tigers; The curious tiger; Nostalgia for the wilds (Thế Lữ). A New Year's song (Lê Văn Khoa). The word in the system of Vietnamese grammar (Nonna V. Stan-kievich & Nguyễn Tài Căn). La médecine vietnamienne traditionnelle à travers trois textes (Nguyễn Trần Huân). Looking behind the Vietnamese annals: Lý Phật Mã and Lý Nhật Tôn in the *Việt sử lược* and the *Toàn thư* (K. W. Taylor). A simple life (Nguyễn Bình Khiêm). Les instruments profanes dans la musique bouddhique du Vietnam (Nguyễn Thuyết Phong). The traditional village in Vietnam (Neil Jamieson). French colonialism and the peasant question in Vietnam (Christine P. White). Mother's faith (Thừa Phong). The world of Nguyễn Khai. Writers in South Vietnam, 1954-1975 (Võ Phiến). A man of love (Xuân Diệu). Images of the Vietnamese in American war fiction (Stephen O. Lesser). O life I love and cherish like my wife! (Việt Phương). Communism and Guigoz-canism (Tưởng Năng Tiến). Suicides (Nguyễn Mộng Giác). 270 p.

Subscription rates: US\$10 a year in the U.S. and Canada; US\$12 a year elsewhere. Write to:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA



VĂN DÂN

PUBLISHING & DISTRIBUTING CO.

14 S. ALMADEN AVE., SAN JOSE, CA 95113, USA — Tel: (408) 297-8141

- BÁN ĐỦ LOẠI SÁCH, TỰ ĐIỂN, BÁO CHÍ, BĂNG NHẠC, TUYỂN TẬP NHẠC.
- ĐẦY ĐỦ CÁC TÁC PHẨM, TÀI LIỆU ANH NGỮ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆT NAM.
- VỚI THƯ MỤC GẦN 2,000 LOẠI SÁCH ĐỂ THIẾT LẬP TỦ SÁCH VIỆT NGỮ CHO GIA ĐÌNH, THƯ VIỆN.

PHÁT HÀNH KHẮP THẾ GIỚI

* SÁCH DO VĂN ĐÀN PHÁT HÀNH

- | | |
|--|---|
| —Kính Dịch - Ngô Tất Tố | —Nguồn gốc dân tộc VN - Nguyễn Khắc Ngữ |
| —Niệm Thư - Minh Đức Hoài Trinh | —Nhân Chủ - Kim Định |
| —Đường Thi tuyển dịch - Chi Điền | —Tài đức giao tranh - Huệ Đàm Tử |
| —Việt sử đại cương - Phạm Ngọc Tuyền | —Thông sử công ty Liên Thành - Hồ Tá |
| —Phong trào K.C. Trình Minh Thế - Nhị Lang | —Tình bạn - Hộ Giác |
| —Nước lại về nguồn - Nhị Lang | —Trong lòng địch - Trần Trung Quân |
| —Các sách của Nghiêm Xuân Hồng | —Các loại kính sách Phật |

** Các sách Ngàn Lau: Cuộc chiến đấu vẫn còn đang tiếp diễn, Tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản, Vươn lên từ đau thương, Bông hồng cho mẹ, Chìm hút trong lòng, Thần Tháp Rùa.

VÀ NHIỀU LOẠI SÁCH MỚI KHÁC

* SÁCH MỚI SẴP PHÁT HÀNH ĐỘC QUYỀN:

- | | |
|--|--|
| —Dưới bóng Lam Sơn - Thành Đức | —Đường vào hoạt động - Đặng Sơn |
| —Kỹ thuật đấu tranh nhập môn - Trần V. Năm | —Tập truyện biến người - Đoàn V. Xuyên |
| —Cao Bá Quát giữa hỗn thiên sông núi | —Hoà khúc 1 tập nhạc - Phạm Hiền Hoà |
| - Tưởng Vũ Anh Thy | —Chuyện người mua mộng - |
| —Lịch sử kịch nghệ VN - Vũ Khắc Khoan | - Tập kịch Phan Tung Mai (tái bản) |
| —Miền Nam, tình hoa cỏ - Hà Cẩm Tâm | —Văn chương bình dân - Trần Lam Giang |
| —Hành trình vào nhạc Việt Nam | —Thi điệp Nguyễn Du - Tưởng Vũ Anh Thy |
| - Phạm Văn Kỳ Thanh | —Cây cầu dọc - Phạm Lễ |

* ĐỘC QUYỀN PHÁT HÀNH SÁCH CỦA CÁC NHÀ XUẤT BẢN:
NGÀN LAU — H.T. KELTON — SỐNG MỚI — LÁ BỐI — ƯC TRAI

SÁCH CÓ GIỚI HẠN ĐẤT MUA NGAY VỚI VĂN ĐÀN TỔNG PHÁT HÀNH



Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,

M.D., F.A.C.O.G

*Diplomate American Board of
Obstetrics and Gynecology*

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THÂM THAI VÀ HỖ ĐẼ.
- BỆNH ĐẪN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIỂM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIỂM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH RA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỐ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG KHÁM:

TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA

1830 Brookhurst St. (góc Hazard)

Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 8:00

Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.

Nghỉ sáng từ 10:00 ra và 11 giờ nghỉ

Điện Thoại: (714) 531-5505

NHẬN MẪU MẠI VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT

XUẤT BẢN MỖI THÁNG

CHỦ BIÊN HOÀI ĐIẾP TỬ

mai

**ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN
KHLẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

TÒA SOẠN:

80708 Westminister Ave. □ Garden Grove, CA 92641

714.638.8798

BÁC SĨ
TRẦN NGỌC NINH

Phòng mạch chữa bệnh và giải phẫu
tại Trung Tâm Y Khoa Bristol
2720 South Bristol, Suite 206
Santa Ana, CA 92704

(714) 549-2252

Làm việc theo hẹn
từ thứ hai đến thứ sáu



- Nguyên Giáo sư Y Khoa đại học Saigon
- Thạc sĩ Y Khoa Pháp
- Hội viên hội Chỉnh trực và thương khoa Pháp
- Hội viên Hội Chỉnh trực và thương khoa quốc tế
- Nguyên giảng viên khoa giải phẫu tiểu nhi
đại học Pittsburg, PA.
- American Board of Orthopedic Surgery
- Hội viên hội Giải phẫu Tiểu nhi Anh và Pháp quốc
- Hội viên Hội giải phẫu Pháp.



Y - NHA KHOA

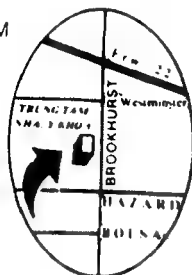
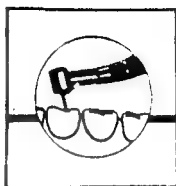
14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643
(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn



Nữ Bác Sĩ Nha Khoa NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

**NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI**

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

*Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm
hoặc trả tiền mặt.*

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM

DỊCH VỤ:
(213) 687-3211
BẢO HIỂM:
(213) 625-7185

MINH-LỘC DỊCH VỤ
CHINATOWN PLAZA
818 N. BROADWAY, STE., 203B, LẦU 2
LOS ANGELES, CA 90012

PHỤ TRÁCH:
LÊ THANH LỘC
KIỀU VĂN BÀU

DI TRÚ

O.D.P. ĐOÀN TỤ

CHINATOWN INSURANCE

QUỐC TỊCH: \$25.00

- CHỤP HÌNH VÀ LẤN TAY.
- NỘP ĐƠN SỞ DI-TRÚ
- TÀI LIỆU HỌC THI NHẬP TỊCH
- BIÊN NHẬN CỦA SỞ DI-TRÚ

THẺ XANH: \$25.00

- CHỤP HÌNH, LẤN TAY, LẬP HỒ SƠ, TUYÊN THỆ.

RE-ENTRY PERMIT: \$45.00

- Chụp hình, đánh mẫu đơn.
- ▲ nộp đơn tại Sở Di-Trú.
- Và ■ phí của Sở Di-Trú.

CHUYÊN LO:

Đoàn tụ gia đình ODP
VỚI THÂN NHÂN Ở V.N. VÀ
NGOẠI QUỐC.

— O.D.P. có số IV mau lẹ —

- * XIN GIẤY XÁC NHẬN: G-641, L.O.1 (GIẤY GIỚI THIỆU)
- * XIN GIẤY NHẬP CẢNH MỸ (I-130 - I-171)
- * PHIÊN DỊCH KHAI SANH, HÔN THỜ.
- * LÀM THẺ VỊ KHAI SANH, HÔN THỜ, KHAI TỬ.
- * THỊ THỰC CHỜ KỲ

PHỤ TRÁCH: NGÔ ANH LINH

Đại diện từ tháng 7 hàng năm / không có bảo hiểm sẽ bị phạt hoặc tịch thu bằng lái

- * Chúng tôi có giá rất đặc biệt cho người mới có bằng lái hay những người chưa có bảo hiểm.
- * Giá hạ cho quý vị có nhiều xe, bằng lái nhiều năm, lái xe cẩn thận
- * Bảo hiểm nhà cửa, thương mại, nhân thọ và nhân thọ.

CHÚNG TÔI ĐẠI DIỆN NHIỀU
CÔNG TY NÊN CÓ GIÁ HẠ CHO
QUÝ VỊ.

Kính Mời

FREE PARKING DƯỚI HẦM

MỞ CỬA 7 NGÀY
9:00 AM - 6:00 PM

KHAI THUẾ LỢI TỨC

BÁC SĨ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ

HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG HOA KỲ (FELLOW AMERICAN ACADEMY OF OTOLARYNGOLOGY HEAD AND NECK SURGERY) và HỘI VIÊN TAI MŨI HỌNG ĐỨC QUỐC.



- Tốt nghiệp chương trình Hậu Đại Học chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ Hoa Kỳ (University of Louisville, Kentucky, USA).
- Tốt nghiệp chương trình Hậu Đại Học chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ Đức Quốc. (HNO, Universitäts-klinik Wurzburg, Deutschland).
- Nguyên Giáo Sư, Trưởng Khu Tai Mũi Họng Đại Học Y Khoa Huế, Việt Nam.

Chuyên trị và Giải phẫu các bệnh về :

- ☐ TAI : Tai thối, chảy mủ kinh niên, tai điếc. Giải phẫu Tai bằng kính hiển vi (Vi Phẫu Tai). Đo thính lực và giúp mang máy điếc.
- ☐ MŨI : Mũi nghẹt kinh niên, thối mũi, đau. Tìm và chữa trị hệ thống Biến ứng.
- ☐ HỌNG : Khàn giọng, nuốt nghẹn, nghẹt thở, hạch ở cổ. Tìm và chữa trị Ung thư ở Cổ và Khí quản.

ĐẦY ĐỦ DỤNG CỤ TỐI TÂN ĐỂ TÌM BỆNH VÀ CHỮA BỆNH VỆ TAI MŨI HỌNG, ĐẦU VÀ CỔ.

9131 Bolsa Avenue, Suite 201
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ Vải Wai Wai)

Điện thoại : (714) 894-5581
Nhận MEDICAL, MEDICARE
và Bảo Hiểm

GIỜ KHAM BỆNH :

Ngày thường từ 1 giờ chiều đến 6 giờ chiều
Thứ Bảy : từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều
Chủ Nhật : Nghỉ.

Xin lấy hẹn trước



Bác Sĩ HUỖNH HỮU CỬU

Diplomate, American Board of Ophthalmology

Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens

Làm việc theo hẹn

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683

(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)

(714) 531-9401



Bác Sĩ BÙI ĐỒNG

Nguyên Giảng Huấn Trường Đại Học Y Khoa Saigon

Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính

Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoại Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ

- Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Venereal Diseases)
- Bệnh Dị ứng (Allergy)
- Giải phẫu da (Skin Surgery)

559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683

(714) 531-4616 / 4617

AN TIÊM

Đóng sách mạ vàng

Reliure

34, Rue Alphonse Melun

94230 CACHAN - Tél. 46-65-16-30

ĐẠI DIỆN VĂN HỌC Ở ÂU-CHÂU

Nhà xuất bản AN TIÊM

34 Rue Alphonse Melun

94230 CACHAN FRANCE

Tél. 46-65-16-30

Thư và bưu phiếu xin đề:

Mr. TRƯƠNG PHỦ ccp. 22.828-72 N. PARIS

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN



ĐỒNG BẢO TẠI ORANGE COUNTY

Nói tiếng Việt xin gọi số:

(714) 895-6850

ĐỒNG BẢO TẠI LOS ANGELES COUNTY

Nói tiếng Việt & Trung Hoa xin gọi số:

(213) 738-7327

Ở XA XIN GỌI TOLL FREE 1-800-531-0020



9061 BOLSA Ave. #205
WESTMINSTER, CA. 92683

GIỜ LÀM VIỆC:

Từ 9:00AM đến 6:00PM

(Thứ Hai đến thứ Bảy)

2024 North BROADWAY #205
SANTA ANA, CA. 92706

2252 BEVERLY Blvd #207
LOS ANGELES, CA 90057

GIỜ LÀM VIỆC:

Từ 9:00AM đến 6:00PM

(Thứ Hai đến thứ Bảy)

One MANCHESTER Blvd
INGLEWOOD CITY HALL #500
INGLEWOOD, CA 90301

9 LÝ DO

Bị Tai Nạn Phải Tìm Cho Được
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN

1. Luật Sư lừng danh khắp nơi vì thắng nhiều vụ kiện trên 1 triệu dollar. Đặc biệt trong vụ cháy khách sạn MGM tại Las Vegas ông đem về 14 triệu cho thân chủ.
2. Đang thu lý nhiều vụ kiện lớn như vụ rơi máy bay PAN AM tại New Orleans, KOREAN AIRLINE tại không phận Nga Xô. Riêng đối với cộng đồng Việt Nam, ông đang thu lý vụ kiện hãng bảo chế thuốc dưỡng thai Bendictin, và các vụ tai nạn chết người.
- 3/ Văn Phòng Luật Sư chuyên về tai nạn lớn thứ ba tại California với hơn 40 luật sư và nhân viên công tác, gồm cả những luật sư lừng danh chính án, biện lý và công tố viên tại tòa án Hoa Kỳ. Văn phòng quốc nội và quốc ngoại.
- 4/ Kinh nghiệm 18 năm trong ngành luật Đấu tranh tận tình cho thân chủ tại tòa thượng thẩm và Tối Cao Pháp Viện.
5. Biệt tài hùng biện trước tòa và các cơ quan hoa giải. Uy tín với các hãng bảo hiểm. Mưu lược khi thương lượng để đạt kết quả tối đa.
6. Rất năng nổ với người Việt Nam. Cựu đại úy Thủy Quân Lục Chiến tại chiến trường Việt Nam. Từng tham gia các trận đánh lớn và giải ngũ với anh dũng bội tinh vì bị thương tại chiến trường biên giới Việt Miên.
7. Là người bạn chân tình của cộng đồng Việt Nam. Phục vụ cộng đồng Việt Nam từ năm 1975 với hàng ngàn thân chủ hải ngoại và qui mien.
8. Là người giúp cho thân chủ được hưởng quyền lợi tối đa khi bị tai nạn.
8. Chỉ nhận thu lao khi thắng kiện.

THAM KHẢO LUÔN LUÔN MIỄN PHÍ



AUTO CENTER

101 Harbor, Santa Ana, CA, 92703

(Góc First và Harbor Blvd)

(714) 554 3000 & 554 3001.



CHÚNG TÔI MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN



Chúng tôi nhận sửa tất cả các loại xe, hư hỏng dù nặng nhẹ. (Xin gọi trước để ước tính giá cả. Free Estimate.)

Giờ mở cửa : 8.30 sáng đến 7.00 chiều

Chủ nhật : 8.30 sáng đến 4.00 chiều.

Lê Đức Long kính mời.

Giá đặc biệt cho khách hàng của LONG'S
AUTO

Độc và cổ động

VĂN HỌC



LÁ BỐI tại Bắc Mỹ Châu

P.O. Box 3687

San Jose, CA. 95156

Điện thoại : (408) 729-5440

Thư về : Cô Nguyễn thị Bích Thủy

Chỉ chiếu xin đề : Lá Bối

ĐÃ PHÁT HÀNH :

- **Trái Tim Mặt Trời** : từ chánh niệm đến thiền quán của Nhất Hạnh 5.00
- **Am Mây Ngủ** (truyện ngoại sử) của Nhất Hạnh 5.00
- **Phép Lạ Của Sự Tĩnh Thúc** : Cẩm nang tu thiền của Nhất Hạnh 5.00
- **Văn Lãng Dị Sử** (truyện cổ tích nước Văn Lang của Nguyễn Lang 7.00
- **Đi** (truyện dài sáng tác quốc nội) của Hồ Khanh 7.00
- **Tương Lai Văn Hóa Việt Nam** (khảo luận) của Nhất Hạnh 3.00
- **Tương Lai Thiền Học Việt Nam** của Nhất Hạnh 3.00
- **Buổi** (tập truyện) của Nhất Hạnh 5.50
- **Nẻo Về Cửa Ý** (truyện dài tái bản lần thứ năm) của Nhất Hạnh 7.00
- **Nói Với Tuổi Hai Mươi** (hơn 50 ngàn ấn bản ở Việt Nam và Pháp) của Nhất Hạnh 4.00
- **Bóng Hồng Cài Áo** của Nhất Hạnh 1.00
- **Đạo Phật Ngày Nay** của Nhất Hạnh 5.00
- **Thiền Hành Yếu Chỉ** của Nhất Hạnh 2.00
- **Kinh Người Biết Sống Một Minh** biểu
- **Tổ** (tập truyện) của Nhất Hạnh 6.00
- **Đạo Phật Hiện Đại Họp** của Nhất Hạnh 6.00
- Từng bước nở Hoa Sen** Thi kệ Nhật tụng
 của Nhất Hạnh 10.00

SẴN PHÁT HÀNH :

- **Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I và II** của Nguyễn Lang

Phiếu mua bảo dài hạn

Họ và tên bạn đọc:

Địa chỉ:

Zip Code:

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:

▪ Sáu tháng \$11.00 US

▪ Một năm \$20.00 US

▪ Hai năm \$35.00 US

▪ Mỗi số \$02.00 US

▪ Bảo gửi ngoài Hoa Kỳ và Canada trả thêm bưu phí

Đính kèm phiếu mua bảo dài hạn này: Chi phiếu hoặc Money Orders.

Chi phiếu thư từ xin gửi về: Văn học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 U.S.A.

PHIẾU TẶNG BẢO VH

Tôi muốn mua :

6 tháng bảo VH từ số

1 năm bảo VH từ số

2 năm bảo VH từ số

Để tặng cho:

Địa chỉ:

Yêu cầu ghi rõ mỗi kỳ: Do

Gửi tặng.

Kèm theo đây bưu phiếu hoặc chi phiếu:

Chi phiếu thư từ xin gửi về: Văn học
10104 Westminster Ave. Garden Grove, CA 92643 U.S.A.

Giá mua bảo dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi theo bưu phí hàng ba) :

• 6 tháng : \$11.00

• 1 năm : \$20.00

• 2 năm : \$35.00

Bảo gửi đi Âu Châu:

Máy bay: mỗi số \$2.50

Tàu thủy: mỗi số \$1.02

Đi Úc và Á Châu:

Máy bay: mỗi số \$3.18

Tàu thủy: mỗi số \$1.02

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI

*Tập hồi ký đầy những tiết lộ bất ngờ
Tác phẩm cuối cùng của nhà văn
NGUYỄN HIẾN LÊ.*

Trước ngày lâm chung, nhà văn phong phú nhất, nghiêm chỉnh nhất, khả kính nhất của Miền Nam tự do, tự kiểm điểm đời mình và :

- * Kể lại từng bước một sự nghiệp đồ sộ nhất của lịch sử văn học Việt Nam đã được thành hình như thế nào ?

- * Nhận xét về nền văn học Miền Nam trong khoảng thời gian 1954-1975

- * Nhận xét về các khuôn mặt văn nghệ sĩ Miền Nam

- * So sánh văn học Miền Nam và văn học Miền Bắc.

- * Kể lại những tác phẩm ông đã viết, những hoạt động của ông, đời sống của ông sau tháng 4 năm 1975.

DO VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

Sách dày 276 trang · Giá \$10.00 US

Ngoài Hoa Kỳ ,thêm \$ 1.50 US cước phí.



● Nhiều nhà văn ca ngợi nghệ thuật viết tùy bút của Võ Phiến. Nhưng TÙY BÚT I không phải là một tác phẩm nghệ thuật. Nó còn là sách tùy thân của mọi người Việt nam.

● TÙY BÚT I giúp người Việt nam hiểu dân tộc Việt nam. Nó phát huy dân tộc tính Việt nam ngu trong từng miếng ăn cái mặc, trong giọng nói dáng đi, trong khoe mắt nụ cười, trong tiếng cười, trong kiểu nhà, câu ca giọng hát mỗi địa phương... Lâm Ngữ Đường làm cho Tây phương hiểu và quý dân tộc Trung hoa qua cuốn *Ngô quốc ngô dân* (*My country and my people*). *Tùy Bút I* là một cuốn *Ngô quốc ngô dân* của Việt nam.

● Chúng ta xa quê hương, hãy đọc *Tùy Bút I* để thấy gần với dân tộc. Đó là cuốn sách để đọc trong một tuần, cũng là cuốn sách để đọc lại một đời. Càng đọc càng thấm, càng kinh ngạc về dân tộc mình.

TÙY BÚT I

của Võ Phiến

Cuốn sách thứ 2 của nhà xuất bản
VĂN NGHỆ, phát hành vào tháng 5-1986.

Sách dày 340 trang. Giá: \$12.00

Ngoài nước Mỹ thêm \$2.00 cước phí.

Thư và chi phiếu xin gửi về :

Ông Võ Thắng Tiết

P.O. Box 2301

Westminster, CA 92683

Phone (714) 838-8432



NVPrinting

Since 1976

COMPLETE PRINTING SERVICES

**6922 Westminster Avenue
Westminster, California 92683
Tel. (714) 897-3628**

Nhà in được mọi giới chịu nhất

Chủ đề Văn Học số 2 **NHỮNG CÂY BÚT NỮ HẢI NGOẠI**

Giới thiệu những cây bút nữ tiêu biểu tại hải ngoại hiện nay , với các sáng tác của :

Vi Khuê : Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ
Phan thị Trọng Tuyển : Đêm Trăng
Phạm thị Ngọc : Trên Con Đường Tìm Về Nhà
Nguyễn thị Ngọc Lan : Ngày Xót Xa Đưa
Nguyễn thị Hoàng Bắc : Trên Triền Dốc
Nguyễn thị Ngọc Nhung : Lỗi Thời Gian
Trần diệu Hằng : Bên kia cửa sổ

CHỦ ĐỀ VĂN HỌC SỐ 3 **TRUYỆN NGẮN**

Bản về truyện ngắn, cùng những sáng tác mới của nhiều nhà văn uy tín hiện nay như : Nhật Tiến, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn văn Sâm, Nguyễn bá Trạc, Tôn thất Tuệ, Nguyễn đức Lập, Phạm quốc Bảo, Định Nguyên, Quỳn Di, Nguyễn Mộng Giác...và nhiều cây bút trẻ khác.

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quỳn Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Võ Ngã
Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong, Bùi Vĩnh Phúc,
Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn.
Phụ trách bài vở và điều hành chung : *Nguyễn Mộng Giác*
Phụ trách trị sự : *Võ Thằng Tiết*

*Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove,
CA 92 643 (USA) Phone : (714) 838 8432*